

BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2016-2017 KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM HỌC 2017-2018

A. BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2016 – 2017

I. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TU TƯỞNG

1. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở - công khai minh bạch

Quy chế dân chủ ở cơ sở được xem là nền tảng của công tác xây dựng và phát triển Nhà trường. Do vậy, Trường đã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ tại Quyết định số 794/QĐ-ĐHCT ngày 09/6/2009. Trường cũng thành lập “Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ” (Quyết định số 2826/QĐ-ĐHCT ngày 01/10/2012) và đã củng cố kiện toàn Ban chỉ đạo theo Quyết định số 1744/QĐ-ĐHCT ngày 09/6/2014.

Trường đã tổ chức lấy ý kiến trước khi quyết định theo thẩm quyền, đồng thời thực hiện công khai minh bạch đối với các nội dung: Kế hoạch công tác; Nguồn lực tài chính, phân bổ kinh phí hoạt động hàng năm; Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất; Nghiên cứu Khoa học; Các quy trình quản lý; đào tạo nhân lực trình độ cao; Thi đua, khen thưởng nhận xét, đánh giá viên chức, xét lương, thuyên chuyển, điều động, đề bạt, tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật; Công khai theo Thông tư 09/2009/TT-BGD&ĐT.

Trường đã tiếp thu, trao đổi và phối hợp giải quyết các tâm tư, nguyện vọng, quyền lợi chính đáng của công chức, viên chức, người lao động (CCVC-NLĐ) và người học. Cuộc họp giao ban của Trường được duy trì đều đặn 2 tuần 1 lần, các công tác của Trường và những ý kiến phản ánh của CCVC-NLĐ Trường được giải quyết nhanh chóng và kịp thời và được ghi thành biên bản và phổ biến rộng rãi.

Hội nghị CCVC-NLĐ hàng năm từ cấp đơn vị đến cấp Trường đều được tổ chức nghiêm túc và mang lại hiệu quả cao. Qua đó, lắng nghe, ghi nhận ý kiến hoặc giải đáp, giải trình ý kiến thắc mắc, phản ánh của các cá nhân, tập thể. Đoàn Trường tổ chức lấy ý và tiếp xúc giữa lãnh đạo nhà trường và sinh viên (SV) để trao đổi thẳng thắn, chân tình với SV nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của Trường.

2. Thông tin tuyên truyền

Trường đã tổ chức các đợt hội nghị học tập, quán triệt và triển khai các Nghị quyết của Đảng, chủ trương, định hướng công tác của ngành giáo dục; tuyên truyền và tổ chức nhiều hoạt động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; tuyên truyền các ngày lễ và các sự kiện lớn của đất nước, của địa phương và của Trường. Phối hợp tổ chức chuỗi sự kiện "Dòng sông và Con người Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) 2016" trong đó có Triển lãm ảnh với 02 nội dung được chắt lọc từ cuộc thi ảnh "Đối thoại với dòng sông: ĐBSCL - Đối mặt và Thích ứng" do Mạng lưới Sông ngòi Việt Nam tổ chức và 50 câu chuyện ảnh trong dự án "Nhận thức của người dân ở ĐBSCL về tài nguyên thủy sản sông Mê Kông"....

Tổ chức sinh hoạt đầu năm, đầu khoá cho hơn 30.000 lượt SV, góp phần tăng cường sự hiểu biết của SV về tình hình, nhiệm vụ, chương trình đào tạo trong năm. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS, phòng chống ma tuý, tệ nạn xã hội trong trường học; tuyên truyền về chấp hành Luật Giao thông đường bộ... Tổ chức các hội thi như: "Hội thi Olympic các môn Khoa học Chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh

trong sinh viên năm 2017", "Hội thi tuyên truyền phòng, chống ma túy, HIV/AIDS và thực hiện an toàn giao thông trong sinh viên". Phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức "Ngày hội tư vấn nghề nghiệp và tuyển sinh năm 2017" cho hơn 20 ngàn học sinh Phổ thông Trung học khu vực ĐBSCL. Tổ chức các buổi "Định hướng nghề nghiệp", "Ngày hội việc làm" hoặc trang bị kiến thức và kỹ năng tham dự phỏng vấn cho sinh viên.

3. Công tác văn hóa- văn nghệ, TDTT

Trường đã tổ chức Hội thi "Tiếng hát - Tài năng nghệ thuật Đại học Cần Thơ năm 2016" thu hút hàng ngàn lượt cán bộ, sinh viên tham gia với hàng trăm tập thể dự thi hát bài "Tiến quân ca" cùng các thể loại đơn ca, tốp ca, múa. Thực hiện nhiều chương trình văn nghệ tham gia với thành phố Cần Thơ và phục vụ các Lễ hội của Trường. Tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ như: giao lưu với cán bộ chiến sĩ Hải quân Vùng 5, Vùng Cảnh sát biển 4; Giao lưu với Bộ đội biên giới Tây Nam, giao lưu với Thành đội Cần Thơ; giao lưu nghệ thuật với nhân dân địa phương tại Măng Đen (Kon Tum), biểu diễn giao lưu phục vụ nhân dân tại xã Vĩnh Thành, Chợ Lách, Bến Tre. Thực hiện nhiều chương trình văn nghệ tham gia biểu diễn phục vụ định kỳ hàng quý tại Bến Ninh Kiều do Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Cần Thơ tổ chức.

Tham gia Hội thi "Tiếng hát học sinh, sinh viên TP.Cần Thơ lần thứ XI - Năm 2017" tại Trung tâm Văn hóa TP.Cần Thơ (tháng 01/2017), đạt 04 giải Nhất; 01 giải Nhì và 01 giải Ba được xếp Hạng Nhất toàn Đoàn.

Sân chơi cho SV được duy trì tổ chức thường xuyên với nhiều hình thức và loại hình hoạt động: chiếu phim, ca nhạc, phô biến bài hát...., duy trì sinh hoạt của CLB Đờn ca tài tử và tổ chức giao lưu với các CLB đờn ca tài tử khác trong và ngoài địa bàn Cần Thơ đã thu hút đông đảo SV tham gia.

Tổ chức thành công hội thao truyền thống toàn trường lần thứ 37 với 14 môn thi đấu, thu hút trên 10.000 lượt sinh viên và cán bộ tham gia. Tổ chức thành công Hội thao Công đoàn trường Đại học Cần Thơ năm 2016 với 10 nội dung thi đấu thu hút trên 3.000 lượt cán CBVC tham gia.

Tham dự giải cầu lông SV khu vực ĐBSCL đạt 03 huy chương vàng, 02 HC bạc, 03 HC đồng và đạt hạng nhất toàn đoàn. Dự Hội thao liên kết 5 trường Đại học phía nam (Đại học Sư Phạm TP.HCM, Đại học Nông Lâm TP.HCM, Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM, Đại học Đồng Tháp và đại học Cần Thơ) tại trường, với kết quả trường Đại học Cần Thơ đạt: hạng ba.

4. Công tác thanh tra – Pháp chế

4.1. Công tác thanh tra

Trường đã tổ chức tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát như: công tác in sao đề thi, coi thi, chấm thi; tổ chức nhiều đợt thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo cụ thể: 04 trường hợp và nhiều vấn đề được phản ánh cần xác minh; kiểm tra việc quản lý, sử dụng cơ sở vật chất và các thiết bị phụ vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao công nghệ (CGCN); công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ ở các đơn vị; giám sát việc thực hiện quy trình đấu thầu, mua sắm thiết bị theo quy định của Nhà nước, việc tổ chức đấu thầu của các dự án, thanh lý tài sản....

Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể và thanh tra nhân dân kiểm tra công tác triển khai phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng kinh phí phân bổ của các đơn vị đúng mục đích, có hiệu quả. Tham gia cùng Ban thanh tra nhân dân trường thực hiện công tác kiểm toán nội bộ hàng năm.

Phối hợp với Công an Thành phố Cần Thơ xác minh và tiến hành điều tra làm rõ việc một số cá nhân bên ngoài làm giả chứng chỉ Anh văn A,B,C và chứng chỉ Tin học của Trường để bán cho nhiều cá nhân ở nhiều tỉnh.

4.2. Công tác pháp chế

Trường đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến văn bản qui phạm pháp luật về giáo dục và các ngành liên quan trên Website của trường; Tuyên truyền ngày hiến pháp và pháp luật nước CHXHCNVN năm 2016, 2017. Cập nhật liên tục những văn bản của các Bộ Ngành về công tác giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và các văn bản pháp quy liên quan để thực hiện.

Trường cũng đã tổ chức thi tìm hiểu qua mạng Luật công chức, Luật viên chức và Luật Công đoàn cho toàn thể cán bộ viên chức Trường.

5. Đánh giá chung

Công tác chính trị tư tưởng trong Trường được chú trọng, được chỉ đạo sâu sát và đồng bộ của Đảng ủy và Ban giám hiệu tạo điều kiện cho CCVC-NLĐ và SV nắm vững chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, an tâm học tập và công tác. Những hoạt động văn hóa, văn nghệ không chỉ đem lại cho SV những cơ hội giao lưu học hỏi mà còn thắt chặt hơn mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài Trường.

Công tác thanh tra và hoạt động pháp chế đã có nhiều cố gắng để triển khai thực hiện chương trình công tác với nội dung vừa nêu, đạt được một số thành quả nhất định, tạo tiền đề phát huy tính tự chủ cao ở các đơn vị được thanh tra, nâng cao tính pháp chế, đảm bảo tính kỷ cương, dân chủ trong các hoạt động của trường. Đảm bảo đúng kế hoạch thanh tra và hoạt động pháp chế đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

Công tác triển khai thực hiện đề án 1928/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Nâng cao công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục đại học, trung cấp nghề” hiệu quả chưa cao. Chưa kiểm tra việc thực hiện quy định quản lý chuyên môn đối với giảng viên; việc phân công giờ giảng ở các đơn vị đào tạo.

II. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO – ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Công tác tuyển sinh

1.1. Công tác tổ chức Kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia

Năm 2017, thực hiện phân công của Bộ GD&ĐT (GD&ĐT), Trường đã phối hợp với các Sở GD&ĐT TP. Cần Thơ, tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Hậu Giang và cử 1.008 CCVC Trường tham gia tổ chức thành công Kỳ thi Trung học phổ thông (THPT) quốc gia Cụm thi tại các địa phương do các Sở GD&ĐT chủ trì¹.

1.2. Tuyển sinh Đại học chính quy

Năm 2016, Trường đã thu nhận được 7.465 SV²/8.000 chỉ tiêu, đạt tỉ lệ là 91%. Đặc biệt, có 2 ngành đào tạo chương trình chất lượng cao là ngành Công nghệ thông tin và ngành Kinh doanh quốc tế đã được tuyển sinh và tổ chức đào tạo từ năm học 2016-2017. Số lượng sinh viên đăng ký xét tuyển và được phép theo học chương trình đào tạo đạt được nhiều hơn so với kỳ vọng của nhà trường³. Mặt khác, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Khoa Kinh tế, Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan đã rất quan tâm chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất, nhân sự và triển khai tốt công tác quản lý và giảng dạy.

¹ Cử 1.008 CCVC tham gia Kỳ thi THPT quốc gia năm 2017: Cụm thi Cần Thơ là 643 CCVC; Cụm thi Hậu Giang là 206 CCVC và Cụm thi Bạc Liêu là 159 CCVC

² Thu nhận 7.465 SV, trong đó: 7.354 SV trúng tuyển đợt 1 và đợt bù sung; 02 SV được tuyển thẳng; 06 SV được ưu tiên xét tuyển; 90 học sinh từ dự bị ĐH, 13 SV diện bảo lưu kết quả trúng tuyển từ các năm trước.

³ Chương trình chất lượng cao ngành Kinh doanh quốc tế có 89 SV và ngành Công nghệ thông tin có 76 SV (mỗi ngành có 2 lớp; đạt cao hơn kỳ vọng là 1 lớp với 40 SV).

Tuyển sinh năm 2017, Trường đã thông báo công khai Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy và tổ chức xét tuyển 79 ngành đào tạo trình độ đại học (tăng 2 ngành đào tạo, nhưng giảm 1 chuyên ngành so với năm 2016⁴), trong đó có 2 ngành đào tạo chương trình tiên tiến và 3 ngành đào tạo chương trình chất lượng cao (tăng thêm 1 ngành đào tạo chất lượng cao⁵) trên cơ sở điểm thi của thí sinh tham dự Kỳ thi THPT quốc gia năm 2017 và điểm thi môn Năng khiếu TDTT do Trường tổ chức. Đồng thời, Trường quan tâm tổ chức tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp bằng nhiều hình thức. Trường đã tổ chức xét tuyển theo đúng quy định và kế hoạch của Bộ GD&ĐT. Tổng số thí sinh trúng tuyển là 10.255 thí sinh⁶/8.017 chỉ tiêu, tỉ lệ là 127,9%. Kết quả, Trường thu nhận được 8.091 sinh viên⁷/8.017 chỉ tiêu (đạt tỉ lệ 101 % chỉ tiêu), trong đó có 62 sinh viên chương trình tiên tiến và 213 sinh viên chương trình chất lượng cao⁸.

1.3. Tuyển sinh Liên thông từ cao đẳng lên đại học hệ chính quy

Năm 2016, Trường đã thông báo tuyển sinh liên thông cho 65 ngành đào tạo với tổng số là 250 chỉ tiêu. Kết quả có 258 thí sinh nhập học, đạt tỉ lệ 103% chỉ tiêu.

Năm 2017, với 450 chỉ tiêu, Trường tổ chức xét tuyển thí sinh liên thông trên cơ sở kết quả Kỳ thi tuyển sinh liên thông do Trường tổ chức. Trường đã thu nhận được 458 hồ sơ đăng ký dự thi. Kết quả có 371 thí sinh được xét trúng tuyển, đạt tỉ lệ 82% chỉ tiêu.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh liên thông năm 2016 đạt chỉ tiêu là do tác động điều chỉnh chính sách của GD&ĐT⁹. Dự kiến trong các năm tiếp theo Trường sẽ tiếp tục tổ chức kỳ thi tuyển sinh liên thông để đáp ứng nhu cầu người học.

1.4. Tuyển sinh Bằng đại học thứ hai hệ chính quy

Năm 2016, với chỉ tiêu là 150, Trường đã nhận được 133 hồ sơ thí sinh đăng ký dự thi và thu nhận được 70 SV (đạt tỉ lệ 46,6 % so với chỉ tiêu).

Năm 2017, với 150 chỉ tiêu, Trường đã nhận được 118 hồ sơ thí sinh đăng ký dự thi Kỳ thi tuyển sinh Bằng đại học thứ 2 được tổ chức. Kết quả có 83 thí sinh được xét trúng tuyển, đạt tỉ lệ 55% chỉ tiêu.

Số thí sinh đăng ký dự thi Bằng đại học thứ 2 tiếp tục giảm có thể do một số ngành là nguồn tuyển chủ yếu không còn thu hút như trước, không tổ chức học buổi tối,...

1.5. Tuyển sinh hình thức Cử tuyển

Năm học 2016-2017, Trường đã tổ chức đào tạo dự bị đại học cho 05 học sinh diện cử tuyển. Kết quả có 04/05 học sinh đủ điều kiện học tiếp đại học đã nhập học năm học 2017-2018.

Năm học 2017-2018, Trường sẽ tiếp tục xét tuyển học sinh đào tạo dự bị theo diện cử tuyển trên cơ sở đề nghị của các địa phương và phê duyệt của Bộ GD&ĐT.

1.6. Tuyển sinh học sinh diện Xét tuyển thẳng.

Năm 2016, là năm thứ tư liên tiếp, Trường thu nhận thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng là học sinh từ 22 huyện (thị xã) thuộc diện đặc biệt khó khăn, huyện biên giới, hải đảo khu vực Tây Nam Bộ và học sinh thuộc các huyện nghèo theo Quy định tại Nghị quyết 30a của Chính phủ, có 153 học sinh nhập học (trong tổng số 1.455 thí sinh đủ điều

⁴ Tăng 2 ngành là: ngành Hóa dược và ngành Kỹ thuật vật liệu. Giảm 1 chuyên ngành là: chuyên ngành Hóa dược.

⁵ Tăng 1 ngành đào tạo chất lượng cao là: ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học.

⁶ Xét trúng tuyển 10.255 thí sinh, trong đó: có 10.165 thí sinh trúng tuyển đợt 1 và bổ sung đợt 1; 12 thí sinh được tuyển thẳng; 01 thí sinh được ưu tiên xét tuyển; 49 học sinh từ dự bị đại học lên đại học và 28 thí sinh diện bảo lưu kết quả trúng tuyển từ các năm trước.

⁷ Thu nhận 8.091 sinh viên, trong đó: có 7.397 thí sinh trúng tuyển đợt 1 và 507 thí sinh trúng tuyển đợt bổ sung; 10 thí sinh được tuyển thẳng; 01 thí sinh được ưu tiên xét tuyển; 21 học sinh từ dự bị đại học, 04 thí sinh cử tuyển; 13 thí sinh diện bảo lưu kết quả trúng tuyển từ các năm trước; 136 học sinh XTT2016 vào đại học và 02 thí sinh người Campuchia.

⁸ **Chương trình tiên tiến:** ngành Công nghệ sinh học 46 SV và ngành Nuôi trồng thủy sản 16 SV. **Chương trình chất lượng cao:** Kinh doanh quốc tế 111 SV, ngành Công nghệ thông tin 68 SV, ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học 34 SV

⁹ Thông tư 08/2015/TT-BGDDT có điều chỉnh điều kiện thí sinh được phép dự thi tuyển sinh do Trường tổ chức.

kiện đăng ký xét tuyển). Công tác giảng dạy bồi dưỡng kiến thức 1 năm cho học sinh xét tuyển thẳng đã được thực hiện đúng kế hoạch và nghiêm túc. Kết thúc khóa học có 145 học sinh được xét tuyển vào ĐH. Kết quả có 136 học sinh nhập học đại học (đạt tỉ lệ 94% học sinh được xét tuyển vào đại học).

Năm 2017, Trường đã nhận được 754/764 hồ sơ học sinh thuộc diện xét tuyển thẳng đăng ký được xét đủ điều kiện xét tuyển vào học khóa bồi dưỡng kiến thức 1 năm. Kết quả có 148 học sinh nhập học khóa bồi dưỡng kiến thức.

1.8. Tuyển sinh Vừa làm vừa học (VLVH) và từ xa

Quy mô SV theo học hệ từ xa đến tháng 7 năm 2017 là 4.611 SV (năm 2016 có 939 SV được xét tuyển trong tổng số 5.000 chỉ tiêu hệ từ xa do Bộ GD&ĐT phân giao cho Trường, đạt tỷ lệ 18,78%) tập trung vào 07 ngành: Kế toán, Tài chính Ngân hàng, Quản trị Kinh doanh, Luật, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Bảo vệ thực vật và Phát triển nông thôn tại Trường và 41 Đơn vị liên kết. Tính đến thời điểm hiện tại của năm 2017, tuyển được 350 SV trong 5.000 chỉ tiêu đạt 7,0%.

Quy mô SV hệ VLVH đến tháng 7 năm 2017 là 11.843 SV (năm 2016 có 2.531 thí sinh trúng tuyển và có 2.025 SV thực học trong tổng số 3.140 chỉ tiêu hệ VLVH Bộ phân giao cho Trường, đạt 64,49%) tập trung vào 27 ngành học của 9 Khoa tại 27 Đơn vị liên kết. Tuyển sinh đợt 1 năm học 2017-2018, tổ chức xét và trúng tuyển 1.326 thí sinh. Trường đang thông báo tuyển sinh đợt 2 năm 2017 tại Trường và 21 Đơn vị liên kết.

Trường đã tổ chức các lớp Bồi dưỡng kiến thức pháp luật dành cho giáo viên dạy môn Giáo dục công dân, Bồi dưỡng Quản trị văn phòng và công tác văn thư, lưu trữ và Bồi dưỡng ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Đơn vị liên kết trong vùng DBSCL.

Trường đã hoàn thành đề án tuyển sinh hệ VLVH năm 2017 theo hình thức xét tuyển (đã triển khai tuyển sinh cho đợt 1 năm 2017) và các quy chế tuyển sinh hệ VLVH và hệ đào tạo Từ xa năm 2017.

1.9. Tuyển sinh sau đại học

Trường đã tuyển sinh đợt 2 năm 2016 được 329 chỉ tiêu thạc sĩ (26 ngành, số lượng đăng ký dự thi là 404), 23 chỉ tiêu tiến sĩ (13 ngành, số lượng đăng ký dự tuyển là 26).

Tuyển sinh đợt 1 năm 2017, Trường đã tuyển được 475 chỉ tiêu thạc sĩ (36 ngành với số lượng đăng ký dự thi là 609), 29 chỉ tiêu tiến sĩ (12 ngành với số lượng đăng ký dự tuyển là 37). Đợt 2 đang chuẩn bị tổ chức thi tuyển sinh.

2. Công tác đào tạo

2.1. Đào tạo đại học

Hiện nay, Trường ĐHCT đang đào tạo 79 ngành bậc đại học, tăng 2 ngành đào tạo bậc đại học so với năm học trước (với 98 ngành/chuyên ngành đào tạo chương trình đại trà, 02 chương trình tiên tiến và 3 chương trình chất lượng cao)¹⁰ và 01 ngành bậc cao đẳng. Quy mô SV đại học hệ chính quy là 33.912 SV (số liệu Quý 4/2016)¹¹.

Trong năm học 2016-2017, có tổng số 11.277 SV tốt nghiệp: trong đó có 7.107 SV đại học và cao đẳng hệ chính quy (6.554 SV bằng đại học thứ nhất, 118 SV bằng đại học thứ hai, 222 SV học chương trình thứ hai, 110 SV liên thông, 81 SV cử tuyển và 68 SV cao đẳng), 3.004 SV VLVH và 1.120 SV từ xa.

¹⁰ Tăng 2 ngành đào tạo đại trà là ngành Hóa dược và ngành Kỹ thuật vật liệu. Giảm 1 chuyên ngành đào tạo đại trà là chuyên ngành Hóa dược. Tăng 1 ngành có đào tạo chương trình chất lượng cao là Công nghệ Kỹ thuật hóa học

¹¹ Số lượng SV chính quy: 31.382 SV bằng đại học thứ nhất chính quy, 332 SV bằng đại học thứ hai chính quy, 780 SV liên thông chính quy, 223 cử tuyển chính quy, 1.182 SV xét tuyển thẳng chính quy và 8 SV người nước ngoài.

Năm học 2016-2017 là năm thứ 10 Trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ (*triển khai từ tháng 01/2007*) và hình thức đào tạo này đã ngày được hoàn thiện hơn. Một số công việc chính được Trường và các đơn vị thực hiện như sau:

- Về chương trình đào tạo (CTĐT) đại học, đã bổ sung học phần Kỹ năng mềm (2 tín chỉ) vào nhóm kiến thức tự chọn về khoa học xã hội thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và tổ chức giảng dạy từ học kỳ 2, năm học 2016-2017; điều chỉnh khối kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh được giảng dạy cho các ngành đào tạo bậc đại học của Trường theo yêu cầu của Thông tư 03/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT¹²; các đơn vị quản lý ngành/chuyên ngành đào tạo tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung để hoàn chỉnh CTĐT và đề cao chi tiết học phần đã được áp dụng từ khóa 40.

- Triển khai tổ chức đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin và ngành Kinh doanh quốc tế theo đúng kế hoạch và đúng quy định tại Thông tư 23/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; Chương trình tiếng Anh tăng cường (20 tín chỉ) giảng dạy cho các lớp chất lượng cao đã được Khoa Ngoại ngữ triển khai thực hiện tốt.

- Triển khai cấp và quản lý bằng tốt nghiệp đại học và chứng chỉ theo quy định của Quy chế về quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường ĐHCT được căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT về quản lý bằng tốt nghiệp THCS, THPT, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Triển khai thực hiện đào tạo đại học hệ chính quy theo Quyết định ban hành “Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy”; và Quyết định ban hành “Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học hệ chính quy” của Trường áp dụng từ năm học 2016-2017.

- Ban hành “Hướng dẫn về việc xét miễn và công nhận điểm học phần trong CTĐT bậc đại học hệ chính quy cho sinh viên được Trường ĐHCT cử đi học tập ở nước ngoài”; “Quy định về tuyển sinh liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học hệ chính quy”.

2.2. Đào tạo sau đại học (SDH)

Trường ĐHCT hiện có 43 chuyên ngành cao học (trong đó 01 ngành liên kết nước ngoài; 03 ngành bằng tiếng Anh) và 16 chuyên ngành nghiên cứu sinh với 3.569 học viên (học viên cao học là 3.184 và nghiên cứu sinh là 385).

Trường tiếp tục đổi mới công tác quản lý, rà soát, điều chỉnh và ban hành các văn bản đào tạo SDH mới phù hợp với quy định, đồng thời cung cấp hệ thống các văn bản quy định phục vụ công tác quản lý SDH của Trường.

Ngoài ra Trường cũng đã liên kết với các Trường khác như Đại học Bách Khoa TPHCM, Đại học Xây dựng, Đại học Kinh tế TPHCM, Trường Đại học TDTT TPHCM, Học viện An ninh Nhân dân đào tạo SDH những ngành mà Trường chưa thể mở thuộc nhóm ngành Kỹ thuật, Công nghệ, Xây dựng, Kiến trúc, Quản lý đô thị, Chính sách công, Giáo dục thể chất, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Điều tra trinh sát ... để bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao của vùng ĐBSCL.

Tiếp tục triển khai đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nuôi trồng thuỷ sản tiếng Anh và mở ngành Công nghệ thực phẩm trình độ thạc sĩ bằng tiếng Anh.

Mở rộng quảng bá việc tuyển sinh SDH bằng nhiều hình thức: in brochure quảng cáo các ngành đào tạo sau đại học của Trường, thông báo tại chỗ, website, thư gửi đến cơ quan đơn vị liên quan, báo chí, truyền hình.

¹² Khối kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh vẫn là 8 TC, nhưng điều chỉnh tăng số tiết, số học phần (tăng thành 4 học phần thay vì 3 như trước đây) và nội dung giảng dạy.

Triển khai phần mềm hệ thống quản lý đào tạo SĐH, từng bước quản lý học viên SĐH theo hướng tin học hóa. Thực hiện đăng ký học phần trực tuyến đào tạo trình độ tiến sĩ, quản lý nghiên cứu sinh bằng hệ thống phần mềm tích hợp.

Tổ chức trao 1.298 bằng tốt nghiệp thạc sĩ và 34 bằng tốt nghiệp tiến sĩ trong năm học 2016 – 2017.

2.3. Về Chương trình đào tạo

Quy trình mở mới ngành đào tạo bậc đại học được hoàn chỉnh. Căn cứ đề xuất của các đơn vị đào tạo, nhu cầu đào tạo và các điều kiện mở ngành đào tạo, Hội đồng KH&ĐT Trường đã xem xét và thông qua về chủ trương cho triển khai biên soạn đề án mở ngành theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT¹³.

Năm học 2016-2017, Trường được Bộ GD&ĐT phê duyệt 02 CTĐT đại trà và 1 CTĐT chất lượng cao trình độ đại học và đã đưa vào tuyển sinh từ năm 2017 là: Hóa dược, Kỹ thuật vật liệu và Công nghệ kỹ thuật hóa học (chất lượng cao).

Thực hiện kết luận của Hội nghị “Tổng kết 5 năm thực hiện công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ”, trong năm học các CTĐT đại học được tiếp tục cập nhật các học phần và đề cương chi tiết học phần. Tất cả các CTĐT đại học được bổ sung thêm học phần Kỹ năng mềm (2 tín chỉ) vào nhóm học phần tự chọn khoa học xã hội và nhân văn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương¹⁴; và các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh được cập nhật bổ sung theo quy định chương trình mới của Bộ GD&ĐT¹⁵.

Trường cũng đã hoàn thành xây dựng 4 CTĐT liên thông và văn bằng 2 hệ VLVH: Kỹ thuật công trình xây dựng, Quản lý tài nguyên và môi trường, Giáo dục tiểu học, Sư phạm hóa học.

Năm học qua Trường được Bộ GD&ĐT cho phép mở 03 ngành mới trình độ SĐH trong đó có 01 ngành giảng dạy bằng tiếng Anh: Công nghệ thực phẩm trình độ thạc sĩ giảng dạy bằng tiếng Anh, Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, Kỹ thuật điện trình độ thạc sĩ.

2.4. Về giáo trình và tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập

Thực hiện kết luận Hội nghị về công tác giáo trình và nguồn tài liệu học tập, Trường tiếp tục quan tâm nhằm nâng cao chất lượng của công tác này, cũng như việc đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường và tại các đơn vị liên kết.

Năm 2016, có 33 giáo trình, 01 sách chuyên khảo đã được Hội đồng thẩm định, ban hành quyết định xuất bản in ấn và phát hành giáo trình; có 38 giáo trình đã được xuất bản.

Năm 2017, đã ban hành Quyết định thành lập Ban biên soạn 145 giáo trình và 15 tài liệu học tập; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định 09 giáo trình và 03 tài liệu học tập; đến nay, đã ban hành Quyết định xuất bản, in ấn và phát hành 23 giáo trình và 01 sách chuyên khảo; đã xuất bản 18 giáo trình và 01 sách chuyên khảo (*giáo trình có Quyết định xuất bản năm 2016 và năm 2017*).

¹³ Đến nay, các ngành đào tạo trình độ đại học được Trường phê duyệt về chủ trương mở ngành, trong đó CTĐT đại trà gồm: Hóa dược (Khoa KHTN), Kỹ thuật vật liệu (Khoa CN), Địa lý học (Khoa KHXH&NV), Thống kê (Khoa KT), Quy hoạch vùng và đô thị (Khoa MT&TNNT). Truyền thông đa phương tiện (Khoa CNTT&TT); CTĐT chất lượng cao gồm: Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật điện, điện tử, Kỹ thuật điều khiển tự động (Khoa CN), Ngôn ngữ Anh (Khoa NN), Công nghệ thực phẩm (Khoa NN&SHUD), Tài chính – ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Khoa KT).

¹⁴ Học phần Kỹ năng mềm được bắt đầu giảng dạy từ học kỳ 2 năm học 2016-2017.

¹⁵ Các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định và chương trình mới của Bộ GD&ĐT được giảng dạy từ học kỳ 1 năm học 2016-2017.

Nhìn chung, tình hình đăng ký biên soạn giáo trình, số lượng giáo trình được nghiệm thu tương ứng như năm trước¹⁶. Riêng công tác xuất bản cao hơn năm trước do một số giáo trình được phê duyệt xuất bản năm 2015 tiếp tục xuất bản trong năm 2016.

Về học liệu cho hệ đào tạo từ xa, Trường đã hoàn thành ghi đĩa hình được 35 học phần. Hiện có 15 học phần Elearning và triển khai 27 lớp học phần Elearning cho hệ đào tạo từ xa. Xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm cho 15 học phần ngành Luật.

3. Công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL)

Trường đã tổ chức triển khai thực hiện tốt các mặt công tác ĐBCL theo kế hoạch và yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Trường đã hoàn thành công tác kiểm định nội bộ chất lượng CTĐT đối với 04 CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA trong năm 2016 và cấp chứng nhận kiểm định nội bộ đối với 03 CTĐT được đánh giá đạt chuẩn; đồng thời triển khai thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nội bộ đối với 06 CTĐT trong năm 2017 và xúc tiến thực hiện kiểm định quốc tế đối với 02 CTĐT Kinh doanh Quốc tế và Công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn AUN-QA. Trường cũng đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường ĐHCT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT; đăng ký đánh giá ngoài với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia TP.HCM và đang triển khai các công tác trong quy trình đánh giá ngoài.

Trường đã hoàn thành công tác thẩm định và xác nhận các điều kiện ĐBCL giáo dục đại học theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT năm 2017.

Trường đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả khảo sát được 88.171/214.254 phiếu (đạt tỷ lệ phản hồi 41,15%) với 3.200 lớp học phần trong học kỳ I và 64.728/174.455 phiếu (đạt tỷ lệ 37,10%) với 4.012 lớp học lý thuyết trong học kỳ II. Việc lấy ý kiến SV tốt nghiệp (SVTN) về CTĐT được thực hiện 3 đợt trong năm theo kế hoạch xét tốt nghiệp của nhà trường. Kết quả thu được 3.484/9.044 phiếu (đạt tỷ lệ 38,52%) với 51 CTĐT có tỷ lệ phản hồi từ 30% trở lên. Bên cạnh đó, lần đầu tiên Trường thực hiện lấy ý kiến người học tốt nghiệp hệ VLVH về CTĐT với số phiếu khảo sát thu được là 655 phiếu. Theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Trường đã thực hiện khảo sát tình hình việc làm SVTN năm 2015 với kết quả cho thấy tỷ lệ SVTN có việc làm sau 1 năm tính từ thời điểm tốt nghiệp là 88,6%. Thông tin này đã được Trường công khai trên Website và đưa vào Đề án tuyển sinh năm 2017. Ngoài ra, Trường cũng đã khảo sát trực tuyến lấy ý kiến học viên cao học về góp ý chương trình đào tạo và hướng dẫn thực hiện luận văn thạc sĩ với kết quả thu được 5.820/24.156 phiếu. Trong dự án ComO-QM, Trường đã thực hiện khảo sát với các đối tác Đức về *Động lực học tập* diễn ra từ ngày 26/04/2017 đến ngày 20/06/2017 với sự tham gia của 5.287 người học trong Trường. Từ tháng 07 năm 2016, Trường đã thực hiện và hoàn thành công tác lấy ý kiến trực tuyến của gần 120 đại diện bên liên quan (BLQ) về 06 CTĐT dự kiến mở mới của Trường gồm *Tiến sĩ Hóa Hữu cơ*, *Thạc sĩ Toán ứng dụng*, *Tiến sĩ Văn học Việt Nam*, *Cử nhân Thống kê*, *Thạc sĩ Kỹ thuật Cơ khí*, và *Thạc sĩ Chính sách công*.

Trường đã thực hiện và hoàn thành báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, thực hiện công khai kết quả khảo sát và gửi báo cáo cho Bộ GD&ĐT theo yêu cầu. Số liệu cho thấy có tổng số 6.010 SVTN năm 2015 thuộc 67 ngành; số SVTN tham gia khảo sát là 4.687 (đạt tỷ lệ 77,99% trong tổng số SVTN năm 2015). Tỷ lệ SVTN của Trường ĐHCT có việc làm trong số SVTN tham gia trả lời khảo sát là khá cao với tỷ lệ bình quân đạt 88,59%.

¹⁶ *Số lượng giáo trình được phê duyệt xuất bản:* năm 2010 là 61/103 giáo trình được phê duyệt, năm 2011 là 17/38, năm 2012 là 42/84, năm 2013 là 33/103, năm 2014 là 30/150, năm 2015 là 49/167 và năm 2016 là 33/138; *Số lượng giáo trình được xuất bản:* năm 2011 là 12 giáo trình, năm 2012 là 35 giáo trình, năm 2013 là 30 giáo trình, năm 2014 là 36 giáo trình và năm 2015 là 19 giáo trình và 01 sách chuyên khảo (trong đó có 02 giáo trình tự xuất bản) và năm 2016 là 38 giáo trình.

Trường tiếp tục xây dựng đội ngũ viên chức làm công tác DBCL, cử cán bộ tham gia các hội thảo, dự hoạt động khảo sát, khóa tập huấn đánh giá người học về DBCL. Trường cũng tăng cường hợp tác về chuyên môn DBCL với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước. Trường đã tham gia báo cáo chia sẻ kinh nghiệm về công tác DBCL tại Trường ĐHSP Huế, Trường ĐHSP Đà Nẵng, Trường ĐHSP Thái Nguyên. Trường đã tích cực tham gia các hoạt động DBCL theo kế hoạch của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN), thực hiện trao đổi tín chỉ giữa các trường đại học của AUN.

Trường duy trì việc tham gia các hệ thống xếp hạng quốc tế như QS World University Rankings: Asia, THE World University Rankings, Thomson Reuters. Kết quả, Trường ĐHCT được hệ thống QS World University Rankings: Asia xếp vào nhóm 251-300 trường tốt nhất của khu vực Châu Á và là 01 trong 03 trường tốt nhất Việt Nam sau ĐHQG Hà Nội và ĐHQG TP.HCM. Trường cũng được tổ chức Webometrics xếp hạng thứ 4 trong nước và thứ 58 trong khu vực Đông Nam Á trong kỳ tháng 01/2017.

4. Đánh giá chung

Trường đã phối hợp với các Sở GD&ĐT tổ chức tốt Kỳ thi THPT quốc gia. Tuyển sinh đại học và sau đại học được tổ chức nghiêm túc, an toàn và đúng quy chế từ khâu chuẩn bị, lập kế hoạch đến việc phối hợp triển khai các công việc giữa các đơn vị trong và ngoài Trường.

Công tác đào tạo được tổ chức, triển khai thực hiện đúng kế hoạch, quy chế và quy định của Bộ GD&ĐT. Chuẩn bị và triển khai tốt việc tổ chức đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ đại học. Các quy định, quy trình, thủ tục liên quan đến công tác đào tạo ngày càng được hoàn thiện.

Đề án mở ngành đào tạo đại học và SĐH được tổ chức biên soạn và trình các cấp phê duyệt đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Công tác quản lý đào tạo SĐH của Trường được hoàn thiện và đi vào nề nếp. Đào tạo SĐH quốc tế được phát triển (đã tốt nghiệp 18 học viên cao học chương trình MEKARN ngành Chăn nuôi bằng tiếng Anh; đang học 10 học viên cao học ngành thú ý, nuôi trồng thủy sản, Bảo vệ thực vật và Khoa học cây trồng; đang tuyển sinh 15 học viên cao học ngành Công nghệ thực phẩm bằng tiếng Anh). Đào tạo SĐH theo nhu cầu địa phương và doanh nghiệp được đẩy mạnh.

Tuy nhiên, tuyển sinh đào tạo SĐH còn gặp khó khăn như chỉ tiêu nhóm ngành Nông - Lâm - Thủy sản không tuyển sinh hết chỉ tiêu do chỉ tiêu nhóm ngành này nhiều, nhu cầu xã hội ít trong khi các nhóm ngành khác thiếu chỉ tiêu nhưng nhu cầu xã hội cao.

Trường tham gia và thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các hoạt động chuyên môn về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

III. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Công tác quản lý, triển khai đề tài dự án nghiên cứu khoa học các cấp

Trường đã và đang tiếp tục triển khai 389 đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) các cấp, trong đó có 02 đề tài thuộc Chương trình Tây Nam Bộ, 53 đề tài/dự án cấp Bộ, 159 đề tài cấp cơ sở cán bộ thực hiện, 115 đề tài cấp cơ sở do SV thực hiện và 62 đề tài, dự án hợp tác với địa phương/doanh nghiệp. Tổng kinh phí thực hiện năm 2017 trên 65 tỷ đồng.

Bảng 1: Tổng hợp các nhiệm vụ KH&CN đã và đang triển khai năm học 2016 - 2017

TT	Nhiệm vụ KH&CN	Số lượng	Kinh phí năm 2017 (x 1000 VNĐ)
1	Đề tài Chương trình Tây Nam Bộ năm 2017	02	2.500.000
2	Đề tài cấp Bộ năm 2015 tiếp tục	12	1.085.000
3	Đề tài cấp Bộ năm 2016 tiếp tục	19	3.760.000

4	Đề tài cấp Bộ năm mới 2017	11	2.312.000
5	Đề tài cấp Bộ (NAFOSTED) 2016	3	540.000
6	Đề tài cấp Bộ (NAFOSTED) 2017	5	1.530.000
7	Dự án SXTN cấp Bộ 2016 tiếp tục	1	300.000
8	Đề tài cấp cơ sở (SV thực hiện) năm 2016 tiếp tục năm 2017	07	37.430
9	Đề tài cấp cơ sở (CB thực hiện) năm 2015 tiếp tục năm 2017	66	626.303
10	Đề tài cấp cơ sở (SV thực hiện) mới năm 2017	108	1.487.000
11	Đề tài cấp cơ sở (CB thực hiện) mới năm 2017	93	2.130.200
12	Đề tài hợp tác với địa phương năm 2013 tiếp tục năm 2017	02	1.548.353
13	Đề tài hợp tác với địa phương năm 2014 tiếp tục năm 2017	01	607.320
14	Đề tài hợp tác với địa phương năm 2015 tiếp tục năm 2017	18	12.507.566
15	Đề tài hợp tác với địa phương năm 2016 tiếp tục năm 2017	26	24.223.075
16	Đề tài hợp tác với địa phương năm 2017	15	10.198.649
	Tổng cộng	389	65.392.896

Trường tiếp tục triển khai nhiệm vụ KHCN với các địa phương trong vùng DBSCL, ký kết hợp tác NCKH và đào tạo theo nhu cầu, đặt hàng của địa phương giai đoạn 2015 - 2020 góp phần đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao và ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh thành trong vùng và cả nước. Ngoài ra, theo đặt hàng và nhu cầu của các quận, huyện trực thuộc tỉnh thành vùng DBSCL, Trường đã ký kết hợp tác toàn diện hoặc chủ trì các đề tài, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội đặc thù của mỗi địa phương (huyện Thới Bình, huyện U Minh – tỉnh Cà Mau; huyện Cù Lao Dung, huyện Kế Sách, huyện Mỹ Tú – tỉnh Sóc Trăng).

Ngoài ra, Trường đã thành lập các tổ công tác chuyên môn để kết hợp với địa phương xây dựng các đề án/ dự án nhằm giải quyết vấn đề khó khăn ở địa phương (Dự án Cơ sở NCKH và Thực nghiệm tại Thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; Đề án Liên kết phát triển bền vững Tiểu vùng Đồng Tháp Mười; Đề án Nông nghiệp Đô thị Thị xã Hà Tiên). Tiếp tục hợp tác NCKH & CGCN với các doanh nghiệp trong nước như: Công ty TNHH Bayer Việt Nam về khả năng chịu mặn của các giống lúa, hợp tác với Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ về xây dựng barden đồi đất - cây trồng - phân bón, Hợp tác với Tập đoàn Lộc Trời để đánh giá hiệu quả phân Urea Gold 45R, Kết hợp với Công ty Holcim Việt Nam khảo sát tác động của chính sách và dự án về trách nhiệm xã hội,... . Hợp tác, liên kết với các đối tác nước ngoài qua Nghị Định Thủ (Nhật, Đức và Bỉ); khai thác các Quỹ phát triển KH&CN (NAOSTED), nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương, chương trình KH&CN phục vụ phát triển bền vững Tây Nam Bộ của Bộ KH&CN để tranh thủ nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

2. Số lượng và chất lượng các công trình NCKH

Trên cơ sở các định hướng 5 lĩnh vực NCKH ưu tiên đã được xác định trong chiến lược phát triển Trường, các đề tài dự án được chọn triển khai có tính khoa học cao và có khả năng ứng dụng phục vụ hiệu quả cho công tác đào tạo và phát triển vùng. Với việc đẩy mạnh hợp tác triển khai NCKH với các tỉnh thành vùng DBSCL, trong năm qua nhiều đề tài NCKH tiếp tục được tuyển chọn hoặc được chỉ định chủ trì đã góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương, tăng nguồn kinh phí cho hoạt động KHCN của Trường (*phụ lục 1*), với 202 đề tài NCKH (01 đề tài cấp Nhà nước, 21 đề tài cấp Bộ, 19 đề tài hợp tác với địa phương và 161 đề tài cấp cơ sở) đã được nghiệm thu trong năm học và đưa vào ứng dụng tại Trường và địa phương (*phụ lục 2 và 3*).

Bên cạnh đó, trong khuôn khổ của Dự án Hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại của chính phủ Nhật Bản, Trường đã thực hiện 04 đề tài nghiên cứu với kinh phí

1.050.000.000đ. Trường cũng đã triển khai 6 chương trình nghiên cứu trong Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ sử dụng ODA của chính phủ Nhật Bản với tổng kinh phí 22.227.000.000đ.

3. Công tác NCKH của SV, học viên sau đại học

Nhà trường luôn quan tâm, nhằm tạo điều kiện để SV, học viên trao đổi, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và nhanh chóng tiếp cận và làm quen với công việc khi ra trường. Năm học 2016-2017, tất cả các đề tài NCKH của SV đủ điều kiện thực hiện đều được ưu tiên cấp kinh phí, tổng cộng có 108 đề tài được ký hợp đồng triển khai với tổng kinh phí 1.487 triệu đồng, các đề tài này sẽ được đánh giá nghiệm thu vào cuối 2017.

Trường đã tổ chức Hội nghị NCKH Trẻ 2017 dành cho SV và cán bộ trẻ nhằm tôn vinh các công trình NCKH có hàm lượng khoa học cao, đồng thời tạo tiền đề cho các nhóm nghiên cứu hoàn thiện sản phẩm tham gia các giải thưởng, sự kiện KHCN cấp quốc gia, quốc tế. Kết quả, có 01 giải nhất, 02 giải nhì, 04 giải ba và 03 giải khuyến khích. Nhà trường đã gởi 09 hồ sơ tham dự giải thưởng SV NCKH toàn quốc năm 2017.

4. Hoạt động sở hữu trí tuệ, CGCN

Trong năm học, số lượng hồ sơ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) tăng so với năm học trước thuộc nhóm sở hữu công nghiệp. Đây là các công trình có giá trị khoa học cao và có khả năng thương mại hóa gồm: 02 hồ sơ mới được chấp nhận đơn; 03 hồ sơ đang hoàn chỉnh; tiếp tục hỗ trợ tìm đối tác thương mại hóa 01 hồ sơ; 02 hồ sơ trong quá trình tra cứu.

Năm học 2016-2017, Trường đã ký kết các hợp đồng dịch vụ về tư vấn, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ như sau:

- Chuyển giao hai giống đậu xanh Thần nông 209 và Thần nông G01 cho công ty AGRISCIENCE tại TP Cần Thơ.
- Hợp đồng chuyển giao quy trình sản xuất nước uống từ trái gác và nước uống từ trái bí đỏ cho Công ty TNHH TM-DV Thiết bị y tế PT tại TP. Cần Thơ.
- Hợp đồng chuyển giao quy trình sản xuất giống cá tra cho tỉnh An Giang.
- Chuyển giao mô hình sản xuất tổng hợp trên vùng đất phèn nặng tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Hợp đồng chuyển giao quy trình vận hành hệ thống Biogas cho tỉnh Cà Mau.
- Hợp đồng tư vấn thực hiện xây dựng chuỗi giá trị cây có múi cho tỉnh Vĩnh Long.
- Hợp đồng tư vấn xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm cho xà lách xoong của hợp tác xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.
- Hợp đồng tư vấn xây dựng chuỗi giá trị bưởi năm roi tỉnh Vĩnh Long.
- Hợp đồng tư vấn chuỗi giá trị các ngành hàng cho tổ chức liên đoàn LĐTG (Dự án ILO)
 - Hợp đồng thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước do VC Trung tâm thực hiện
 - Hợp đồng tư vấn nâng cấp chuỗi giá trị đậu phộng cho dự án SME tỉnh Trà Vinh.
 - Hợp đồng tư vấn nâng cấp chuỗi giá trị dừa cho Ban Quản lý dự án SME tỉnh Trà Vinh.
- Hợp đồng tư vấn cho CLB đặc sản tỉnh Trà Vinh trong việc nối kết tiêu thụ sản phẩm và CGCN cho các Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Trà Vinh.
- Hợp đồng thực hiện chuyển giao mô hình trồng cam sành theo hướng hữu cơ và khô qua ròng cho huyện Mỹ Tú (tỉnh Sóc Trăng).
- Hợp đồng tư vấn và lập dự án Phát triển vùng sản xuất thanh long ruột đỏ bền vững trên nền đất phèn theo mô hình chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Bên cạnh đó, các hợp đồng CGCN sản xuất thuốc trừ bệnh và phân bón hữu cơ cũng đã thu được lợi nhuận như: hợp đồng CGCN sản xuất thuốc trừ bệnh sinh học từ các dòng nấm Trichoderma spp. với Tập Đoàn Lộc Trời, đến nay đã chuyển 03 lần phí

CGCN, cụ thể như sau: Năm 2014: 36.296.676 đồng (sản lượng là 11,6 tấn); năm 2015: 173.990.593 đồng (sản lượng là 52,5 tấn) và năm 2016: 716.709.000 đồng (sản lượng 11,83 tấn); hợp đồng CGCN sản xuất phân bón hữu cơ với Công ty Cổ phần Sản xuất Phân bón Mê Kông đang tổng hợp đề báo cáo sản lượng và doanh thu để chia lợi nhuận; hợp đồng với công ty cổ phần phân bón Ba Lá Đồng đã gởi báo cáo doanh số và chia lợi nhuận là 101.692.000 đồng (từ năm 2014-2016).

Trường đã tham gia nhiều hoạt động liên kết với địa phương như:

- Tỉnh Đồng Tháp: tập huấn cho các HTX Nông nghiệp huyện Tân Hồng và thị xã Hồng Ngự; Hỗ trợ cho cán bộ Khoa NN&SHUD chuyển giao mô hình trồng cỏ nuôi bò ở huyện Tân Hồng; Xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp trồng nấm tại huyện Cao Lãnh. Bên cạnh đó, đang triển khai thực hiện mô hình trồng kiệu theo chuẩn VietGAP và mô hình trồng thanh long ruột đỏ theo hướng hữu cơ cho huyện Tam Nông; Nghiên cứu quy trình trồng nấm rơm trên giá thể mùn cưa cho một doanh nghiệp tại Sa Đéc.

- Tỉnh Trà Vinh: hỗ trợ cho cán bộ tiếp cận với Dự án AMD, dự án SME để CGCN về dự trữ, sấy và tuốt đậu phộng cho các hộ sản xuất đậu phộng.

- Tỉnh Vĩnh Long: liên kết với các HTX sản xuất rau an toàn Phước Hậu (Long Hồ) tiêu thụ sản phẩm. Thỏa thuận chuyển giao quy trình sản xuất bánh phồng từ khoai lang tím cho doanh nghiệp nem Sáu Xệ; tư vấn xây dựng chuỗi giá trị bưởi nǎm roi tỉnh Vĩnh Long.

- Tỉnh Cà Mau: đã thực hiện tập huấn và chuyển giao quy trình vận hành Biogas cho cán bộ nông nghiệp tỉnh Cà Mau và đang hỗ trợ cho Khoa NN&SHUD và Khoa Công nghệ tiếp cận với 03 doanh nghiệp để thực hiện chuyển giao các quy trình cải thiện các sản phẩm đặc thù của địa phương như: Nước mắm, bánh phồng tôm và mật ong rừng U Minh cho các doanh nghiệp này.

- Tỉnh Bạc Liêu: đang phối hợp khảo sát nhanh 2 ngành hàng Muối và Gạo 1 bụi đỏ cho tỉnh Bạc Liêu, trong khuôn khổ đặt hàng của Sở KHCN tỉnh Bạc Liêu.

- Tỉnh Sóc Trăng: đã thỏa thuận các nội dung để Trường ký kết hợp tác với huyện Mỹ Tú, Cù Lao Dung, Kế Sách và Châu Thành trong chương trình liên kết địa phương.

- Ngoài ra, đã tạo mối liên kết với 11 địa phương trong việc tiêu thụ đặc sản DBSCL, thông qua việc mở 2 cửa hàng đặc sản DBSCL tại trường và TP. Cần Thơ.

5. Công tác Thông tin khoa học công nghệ

Về hoạt động báo cáo chuyên đề khoa học (seminar), Trường có tổng cộng 820 seminar đăng ký và thực hiện từ cán bộ của các đơn vị Khoa, Viện, Trung tâm trực thuộc.

Trường đã xuất bản 11 số Tạp chí khoa học (9 số định kỳ và 2 số chuyên đề, trong đó có 4 số tiếng Anh) với 336 bài tiếng Việt và 67 bài tiếng Anh. Bên cạnh đó, Bản tin ĐHCT đã được xuất bản 11 Bản tin với số lượng bài viết khoảng 210 bài, gồm hai phiên bản điện tử và bản in. Trang tin điện tử của Trường đã đăng được khoảng 275 tin tức, trong đó có 65 tin tức tiếng Anh và khoảng 170 thông báo. Đã xuất bản Báo cáo thường niên với hai phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh bao quát tất cả các hoạt động trong năm của Trường, đặc biệt xuất bản tờ rơi giới thiệu các con số nổi bật trong năm qua. Trong năm 2016, đội ngũ CCVC của Trường có 585 bài báo đăng trên các tạp chí ngoài trường (275 bài quốc tế và 310 bài trong nước), 230 ký yếu khoa học (79 quốc tế và 151 trong nước). Tổng cộng có 1.218 bài báo được xuất bản, hệ số xuất bản là 1,05 (1.218 bài báo / 1.161 CBGD). Đặc biệt, năm 2016 đội ngũ CCVC Nhà trường có 95 công bố quốc tế thuộc danh mục ISI (nguồn: kê khai KLCT), trong đó có 68 bài có chỉ số ảnh hưởng (IF) dưới 3,0, 26 bài có IF dưới 7,5 và 1 bài có IF hơn 12,0.

Nhà trường đặc biệt quan tâm và hỗ trợ CCVC-NLĐ tham gia trình bày báo cáo tại các sự kiện KHCN trong và ngoài nước. Có 60 lượt cán bộ tham dự, trong đó 27 lượt tham dự hội nghị, hội thảo quốc gia, 33 lượt tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế.

6. Đánh giá chung

Hoạt động tổ chức xét/ tuyển chọn, triển khai và nghiệm thu nhiệm vụ KHCN các cấp đã và đang triển khai theo đúng kế hoạch, nghiêm túc, chắc chắn.

Việc gắn kết NCKH và đào tạo SĐH của Trường được thực hiện theo chủ trương phát triển giáo dục và kinh tế xã hội. Nhà trường ưu tiên xét duyệt đề tài có kết hợp đào tạo SĐH, tất cả các đề tài NCKH cấp bộ, nhà nước triển khai đều gắn kết với luận văn, luận án tốt nghiệp cao học hoặc nghiên cứu sinh.

Nhiều đề tài NCKH được nghiệm thu có giá trị khoa học cao và có khả năng thương mại hóa, nhóm nghiên cứu đã quan tâm đến việc đăng ký SHTT các công trình nghiên cứu. Công tác xác lập quyền SHTT và khai thác thông tin sáng chế được phát triển.

Các hoạt động NCKH trong năm qua tiếp tục nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu, học viên và phát triển kỹ năng của SV góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Do kinh phí của Trường có hạn và Bộ GD&ĐT không còn cấp kinh phí cho nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở từ năm 2015 nên nhà trường không đủ kinh phí để cấp cho toàn bộ đề tài NCKH cấp cơ sở của cán bộ đủ điều kiện thực hiện (chỉ đủ kinh phí cấp cho 74% số lượng đề tài). Tuy nhiên, sự tham gia của các cán bộ trẻ và SV có khuynh hướng tăng qua các năm, đặc biệt các công trình ngày càng có giá trị và chất lượng hơn.

IV. XÂY DỰNG TỔ CHỨC, BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC

1. Công tác tổ chức và quản lý

Trong năm học qua, công tác tổ chức của Trường có điều chỉnh, bổ sung như sau:

- Thành lập Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Sinh học Da thẩm mỹ.

- Đổi tên Trung tâm Giáo dục quốc phòng Cần Thơ thành Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Cần Thơ.

Trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh hoặc ban hành mới, củng cố hệ thống các văn bản quy định phục vụ công tác quản lý của Trường:

- Ban hành các văn bản sau: Quy trình công tác trong thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị tham mưu, giúp việc cho Ban Giám hiệu; Ban hành tiêu chí tuyển chọn viên chức được cử đi đào tạo, nghiên cứu ngắn hạn tại Nhật Bản trong Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT; Hướng dẫn thực hiện quy định về kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên có chức danh GS, PGS và GV có trình độ TS.

- Điều chỉnh các văn bản sau: Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Cần Thơ; Quy định Chế độ làm việc đối với giảng viên Trường ĐHCT.

Bên cạnh đó, để đáp ứng tình hình mới, Trường đã xây dựng Đề án Tự chủ Trường Đại học Cần Thơ và Đề án thành lập Hội đồng Trường và trình cho các cấp có thẩm quyền xem xét.

Trong công tác quy hoạch cán bộ quản lý, Trường đã ban hành quyết định phê duyệt Quy hoạch cán bộ quản lý cấp đơn vị trực thuộc Trường giai đoạn 2017-2022 (quy hoạch lần 3); báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo việc thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo Trường giai đoạn 2017-2022 (quy hoạch lần 3) và giới thiệu quy hoạch lãnh đạo cấp vụ và tương đương.

Theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã thực hiện quy trình lấy phiếu tín nhiệm để đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm lại Hiệu trưởng cho nhiệm kỳ 2017-2022 và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng.

Tiếp tục chú trọng và tăng cường tin học hóa các mặt công tác quản lý của Trường. Các phần mềm phục vụ cho công tác quản lý tiếp tục được rà soát điều chỉnh và bổ sung thêm chức năng và tiện ích cho người dùng. Thông tin, thông báo thông qua hành chính điện tử đến cán bộ và SV được quan tâm thực hiện. Các quy trình công việc được Trường

và các đơn vị tiếp tục điều chỉnh và tin học hóa đã giảm thiểu thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả giải quyết công việc và quản lý.

2. Đội ngũ viên chức, người lao động

Tổng số viên chức và người lao động của Trường hiện nay có 1.913 người (giảm 62 người so với năm học 2016-2017). Trong đó CCVC trong biên chế và người hợp đồng lao động do Trường trả lương là 1.602 người (biên chế: 1.277 người, hợp đồng: 325 người) gồm: 1.137 giảng viên, 14 giáo viên trung học phổ thông, 261 viên chức hành chính (trong đó có 38 nhân viên thư viện), 74 nhân viên phục vụ giảng dạy-NCKH và 116 nhân viên phục vụ (nhân viên kỹ thuật, bảo vệ, lái xe, tạp vụ). Ngoài ra còn có 311 người lao động do chương trình, dự án, đơn vị trả lương (các bảng thống kê kèm theo).

Trong năm học, Trường thu nhận mới 24 trường hợp trong đó 12 giảng viên, 01 giáo viên trung học và 11 HC-PV.

Bảng 1: Thống kê biến động nhân sự

TT	Nội dung	10/8/2016	10/8/2017	Chênh lệch	
				Tăng/giảm (người)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
1.	Trường trả lương	1.625	1.602	-23	-1.42
1.1.	Giảng viên	1.159	1.137	-22	-1.90
1.2.	Giáo viên TH phổ thông	13	14	1	7.69
1.3.	Viên chức hành chính	262	261	-1	-0.38
1.4.	Nhân viên phục vụ giảng dạy	68	74	6	8.82
1.5.	Nhân viên phục vụ (BV+LX+Tạp dịch)	123	116	-7	-5.69
2.	Đơn vị trả lương	350	311	-39	-11.14
Tổng số CCVC-NLD		1.975	1.913	-62	-3.14

Bảng 2: Thống kê biến động của lực lượng giảng viên

TT	Học hàm, học vị	10/8/2016	10/8/2017	Chênh lệch	
				Tăng/giảm (người)	Tỷ lệ (%)
1	Giáo sư	6	7	1	16.67
2	Phó Giáo sư	110	114	4	3.64
3	Tiến sĩ (tính cả GS, PGS)	327	359	32	9.79
4	Thạc sĩ	693	697	4	0.58
5	Đại học	139	81	-58	-41.73
	Tổng số giảng viên	1.159	1.137	-22	-1.90
	Tỷ lệ GV có trình độ SĐH (%)	88	92,9		

Đội ngũ CCVC-NLD có giảm về số lượng so với năm học trước do Nhà trường hướng đến việc tự chủ, bố trí nhân sự theo đề án vị trí việc làm và chất lượng nguồn nhân lực tăng lên, đặc biệt là đội ngũ giảng viên. Tỷ lệ giảng viên có trình độ SĐH chiếm 92,9%; trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm 31,57%. Số lượng giảng viên có

trình độ đại học là 81 người (trong đó có 54 giảng viên đang học SĐH và 15 sỹ quan biệt phái). Để thực hiện yêu cầu trình độ chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ đại học phải đạt trình độ thạc sĩ trở lên theo quy định hiện hành tại Luật Giáo dục đại học thì Trường cần phải tiếp tục đầu tư để xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên.

Năm học qua, số CCVC-NLĐ đã tốt nghiệp SĐH có 29 tiến sĩ, 26 thạc sĩ; đồng thời Trường đã cử đi đào tạo, bồi dưỡng 1.346 lượt CCVC-NLĐ, trong đó 62 người học tiến sĩ, 21 người học thạc sĩ và 1.263 lượt người tham dự các lớp bồi dưỡng khác. Cụ thể: trong nước 718 lượt người (TS: 17, ThS: 10, khác: 691); ngoài nước 619 lượt người (TS: 45, ThS: 11, khác: 563). Hiện nay, trong toàn Trường có 286 CCVC-NLĐ đang học tiến sĩ (trong nước: 121 người, ngoài nước: 165 người) và 91 CCVC-NLĐ đang học thạc sĩ (trong nước: 55 người, ngoài nước: 36 người).

Bảng 3: Thông kê CCVC dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng từ 01/8/2016-31/7/2017

TT	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng	Số lượng	Đơn vị tính
1	Cử đi đào tạo tiến sĩ	62	Người
2	Cử đi đào tạo thạc sĩ	21	Người
3	Cử học Cao cấp chính trị	6	Người
4	Bồi dưỡng ngoại ngữ cán bộ nguồn	9	Lượt người
5	Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm	47	Người
6	Bồi dưỡng Quản lý Nhà nước ngạch chuyên viên	13	Người
7	Bồi dưỡng kiến thức QPAN: Đối tượng 2	3	Người
8	Bồi dưỡng kiến thức QPAN: Đối tượng 3	6	Người
9	Bồi dưỡng kiến thức QPAN: Đối tượng 4	198	Người
10	Tập huấn nghiệp vụ công tác nội chính và phòng chống tham nhũng	3	Người
11	Tập huấn an toàn bức xạ	8	Người
12	Tập huấn xây dựng, quản lý và đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	25	Người
13	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng khác	945	Lượt người
Tổng cộng		1.346	Lượt người

Trường đã làm thủ tục bổ nhiệm vào chức danh Giáo sư cho 1 nhà giáo và phó giáo sư cho 10 nhà giáo được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh năm 2016.

3. Thực hiện chế độ chính sách

Trường đã tổ chức thực hiện tốt chế độ chính sách theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đã hoàn thành các hồ sơ thủ tục giải quyết các chế độ chính sách cho VC-NLĐ trong Trường, cụ thể:

- Gởi công văn đề nghị Bộ nâng một bậc lương đối với 01 Giáo sư là giảng viên cao cấp; đề nghị bổ nhiệm và xếp lương chức danh giảng viên cao cấp (hạng I) đối với 10 Phó Giáo sư vừa được Trường bổ nhiệm 2017.

- Xếp lại ngạch cho phù hợp với vị trí việc làm của 3 trường hợp (trong đó chuyển sang ngạch giảng viên 01 và chuyển sang ngạch Nghiên cứu viên 02).

- Xét duyệt nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2016 cho 680 trường hợp (603 trường hợp do Trường trả lương, 77 trường hợp đơn vị trả lương), trong đó nâng bậc lương trước thời hạn do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác 164 trường hợp (153 trường hợp do Trường trả lương và 11 trường hợp do đơn vị trả

lương); đề nghị và được Bộ GD&ĐT ra quyết định nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung cho 42 CCVC-NLĐ của Trường thuộc diện Bộ quản lý (trong đó năm 2016 là 32 trường hợp và năm 2017 là 10 trường hợp).

- Xét duyệt nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo cho 507 trường hợp.
- Thực hiện tốt việc giải quyết các chế độ chính sách về hưu trí, thôi việc, chuyển công tác,... cho 40 trường hợp (nghỉ hưu và hết tuổi lao động là 24 người, nghỉ việc là 14 người, chuyển công tác là 02 người). Giải quyết chế độ phụ cấp ưu đãi nhà giáo cho 1.139 giảng viên. Hỗ trợ giải quyết nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khoẻ theo chế độ bảo hiểm xã hội cho 15 trường hợp. Thực hiện thủ tục xét và đề nghị kéo dài thời gian làm việc cho 19 phó giáo sư và tiến sĩ đến độ tuổi nghỉ hưu. Thực hiện xét kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” cho 18 CCVC thuộc Trường.

4. Công tác an ninh trật tự (ANTT) và an toàn cơ quan

Trường đã tổ chức thực hiện các kế hoạch, phương án, biện pháp bảo vệ ANTT, an toàn Nhà trường. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành kỷ luật lao động, nội quy, quy định về công tác bảo vệ an toàn và nếp sống văn minh trong Trường. Qua đó đã lập biên bản 35 trường hợp vi phạm nội quy, quy định của Nhà Trường (20 trường hợp để xe sai quy định, 5 trường hợp ra vào Trường quá giờ quy định, 10 trường hợp vi phạm luật giao thông); kịp thời can thiệp xử lý 5 vụ quây phá, đánh nhau gây mất trật tự, bắt quả tang 7 vụ trộm cắp và cướp giật tài sản, chuyển giao cho cơ quan công an xử lý 11 đối tượng trộm cắp bị bắt quả tang, trả lại cho người bị hại 2 laptop, 2 điện thoại di động, 3 xe đạp và một số tài sản khác.

Năm học 2016-2017 trong trường xảy ra 42 vụ việc gây ảnh hưởng đến ANTT chung trong toàn Trường (giảm gần 2/3 so với năm học 2015-2016), trong đó có: 27 vụ mất tài sản cá nhân (gồm: 4 xe đạp, 4 laptop, 8 điện thoại di động, 4.200.000 đồng tiền mặt, và một số tài sản khác), 01 vụ cướp giật (mất 1 điện thoại di động), 5 vụ gây mất trật tự công cộng, 02 vụ tai nạn giao thông (2 trường hợp bị thương nhẹ).

Phối hợp tốt với Công an các cấp xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm ANTT và bảo vệ an toàn Nhà trường trong các ngày tết, các ngày lễ cũng như các sự kiện quan trọng của Nhà Trường: Lễ khai giảng năm học; các buổi Lễ tốt nghiệp; các Hội nghị, Hội thảo khoa học; các đoàn khách quan trọng đến thăm, làm việc; các buổi vui chơi tập trung đông người (Hội trại văn hóa thanh niên kỷ niệm ngày thành lập Đoàn 26/3; giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao; các buổi tiếp xúc giữa sinh viên và các cơ quan tổ chức giới thiệu việc làm; Kỳ thi THPT quốc gia và các kỳ thi khác...).

Duy trì thực hiện “Quy chế phối hợp giữa Nhà trường với công an thành phố Cần Thơ” và “Quy chế phối hợp các lực lượng tham gia công tác bảo vệ an toàn, an ninh trật tự trong Trường”.

Đối với công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC): Định kỳ tổ chức kiểm tra công tác sử dụng trang thiết bị và các phương tiện PCCC, kịp thời thay thế các thiết bị chữa cháy không còn đảm bảo sử dụng cho công tác chữa cháy (nạp lại hóa chất 254 bình các loại, sửa chữa 25 bình các loại, bổ sung 10 bình chữa cháy mới, thay mới 7 cuộn dây B, 120 bảng nội qui, 120 tiêu lệnh, bảo dưỡng 2 máy bơm chữa cháy tại các đơn vị).

5. Khen thưởng – kỷ luật

5.1. Khen thưởng

- Bộ GD&ĐT công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho Trường ĐHCT và 21 Tập thể thuộc Trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2015-2016; tặng Cờ thi đua cho 2 tập thể thuộc Trường đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ năm học 2015-2016; công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ cho 2 cá nhân thuộc Trường ĐHCT đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác

từ năm học 2014-2015 đến năm học 2015-2016; tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” cho 16 cá nhân thuộc Trường ĐHCT.

- Bộ GD&ĐT tặng bằng khen cho Trường ĐHCT đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm học 2015-2016; tặng bằng khen cho 9 tập thể và 39 cá nhân thuộc Trường đã có thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ năm học 2014-2015 đến năm học 2015-2016; tặng bằng khen cho 15 cá nhân thuộc Trường đã có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị, góp phần vào sự nghiệp phát triển giáo dục.

- Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban Dân tộc tặng bằng khen cho Trường ĐHCT đã có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp phát triển các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ tặng bằng khen cho Trường ĐHCT đã có thành tích xuất sắc trong thực thi pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước tại thành phố Cần Thơ giai đoạn 2001-2016; tặng bằng khen cho 1 tập thể thuộc Trường ĐHCT đã có thành tích xuất sắc trong chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè thành phố Cần Thơ năm 2016; tặng bằng khen cho 2 Tập thể thuộc Trường đã có nhiều đóng góp trong việc chỉ đạo, xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở năm 2016; tặng bằng khen cho 1 cá nhân đã có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự thành công của Hội nghị hợp tác giữa các địa phương Việt Nam-Pháp.

- Năm học 2015-2016, Trường cũng đã Quyết định công nhận 39 Tập thể Lao động tiên tiến, 270 Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và 1.418 Lao động tiên tiến. Tôn vinh 28 giảng viên, viên chức, người lao động có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường nhân dịp Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam năm 2016;...

5.2. Kỷ luật

Trường tiếp tục công tác củng cố, xây dựng và phát triển Nhà trường, duy trì trật tự kỷ cương, nề nếp làm việc nhằm đảm bảo việc chấp hành nghiêm những nội quy, quy định của Bộ và Trường đã ban hành. Trong năm học không có trường hợp viên chức và người lao động vi phạm đến mức phải bị kỷ luật.

6. Đánh giá chung

So với phương hướng được nêu ra, Trường đã làm được và chưa làm được một số chỉ tiêu như sau:

- Thực hiện công tác quy hoạch lần cuối cán bộ quản lý cấp Trường và đơn vị thuộc Trường nhiệm kỳ 2017-2022.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tiếp tục được đẩy mạnh.

- Triển khai xây dựng đề án tự chủ Trường ĐHCT và Đề án phát triển Khoa Sư phạm thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của vùng, đây là những công tác mới phát sinh và cũng mất nhiều thời gian và công sức của lãnh đạo Nhà trường, các khoa có liên quan và các phòng ban chức năng.

- Nhiều quy định của Trường được điều chỉnh cho phù hợp tình hình mới, bên cạnh đó các văn bản mới được ban hành nhằm phù hợp với hoạt động của Nhà trường và quy định mới của Nhà nước. Quy trình công tác của các đơn vị tham mưu, giúp việc trong Trường đã được hoàn chỉnh và ban hành.

- Tiếp tục thực hiện đề án tinh giản biên chế, theo đó Trường đã tinh giản biên chế 4 trường hợp; chuyển ngạch và sắp xếp lại cho phù hợp với vị trí việc làm 9 trường hợp;

- Việc thành lập Hội đồng trường đã được triển khai. Tuy nhiên việc xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của Trường theo quy định của Điều lệ trường đại học và hướng dẫn của Bộ chưa được thực hiện vì Trường cùng lúc phải triển khai nhiều công tác lớn.

- Vì nhiều lý do khách quan nên công tác tổ chức, bộ máy và nhân sự lãnh đạo, quản lý các cấp trong Trường theo nhiệm kỳ mới 2017-2022 thực hiện chậm.

- Số vụ việc gây ảnh hưởng đến ANTT tuy có giảm đánh kể so với năm học trước nhưng diễn biến phức tạp, có vụ việc bị kẻ xấu lợi dụng gây ảnh hưởng đến uy tín Nhà trường.

- Công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá CCVC tuy có thay đổi nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

V. CÔNG TÁC SV

1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho SV

Công tác giáo dục truyền thống, giáo dục lý tưởng, đạo đức lối sống và công tác tuyên truyền pháp luật cho SV được tập trung triển khai với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Đặc biệt, trong năm tiếp tục duy trì tốt hoạt động giáo dục lý tưởng, ý thức học tập, nghiên cứu các môn Khoa học chính trị thông qua việc tổ chức thành công Hội thi Olympic các môn Khoa học chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh gắn với cuộc thi Ánh sáng soi đường với hơn 9.000 lượt SV dự thi và tập thể với 16 đội thi, tổ chức các chuyên giao lưu, kết nghĩa với các đơn vị quân đội tại biên giới, hải đảo như Sư đoàn 330, Sư đoàn 4, Hải quân Vùng 5 và Cảnh sát biển 4, đồng thời kết hợp tập huấn, tư vấn nghề nghiệp cho bộ đội chuẩn bị xuất ngũ, qua đó thắt chặt tinh thần đoàn kết quân dân và giáo dục ý thức cho ĐVTN. Bên cạnh, Nhà trường cũng duy trì tổ chức các hoạt động mừng lễ Cholchnamthmay, SelDolta cho SV dân tộc, thường xuyên tổ chức tham quan Bảo tàng TP Cần Thơ, Bảo tàng Quân khu 9, tổ chức các chuyến về nguồn tìm hiểu các di tích lịch sử như Giàn gừa, khu di tích mộ nhà thơ Phan Văn Trị, Lăng cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, khu tưởng niệm cố thủ tướng Võ Văn Kiệt, Giáo sư – viện sĩ Trần Đại Nghĩa, Đèn thò có Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Hùng.... Nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức về hội nhập quốc tế cho SV, Trường đã tổ chức cuộc thi Olympic tiếng Anh, hoạt động giao lưu quốc tế tại các trường trong khối các trường Đại học Đông Nam Á (AUN) và các hoạt động giao lưu quốc tế khác. Đặc biệt, Đảng ủy Trường đã chỉ đạo đưa vào thực hiện báo cáo nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, chuẩn mực đạo đức sinh viên Trường trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với SV khóa mới vào Trường.

Ngoài ra, nhằm nâng cao ý thức của SV đối với xã hội và cộng đồng, Đoàn thanh niên – Hội SV tổ chức nhiều hoạt động như Chiến dịch “Thanh niên tình nguyện hè 2017” tại 12 tỉnh thành DBSCL với nhiều công trình phần việc có ý nghĩa, để lại tình cảm tốt đẹp với người dân địa phương, phong trào Hiến máu tình nguyện và phát động Lễ hội xuân hồng năm 2017 đã đóng góp hơn 4000 đơn vị máu, tổ chức hơn 50 buổi thăm và tặng quà cho các trung tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi và nhiễm chất độc Dioxin, Nhà nuôi dưỡng Người già không nơi nương tựa, CLB trẻ em đường, trẻ em mồ côi; Hoạt động đèn ợn đáp nghĩa, thăm hỏi gia đình chính sách, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng được các đơn vị quan tâm và tổ chức thường xuyên. Bên cạnh, công tác giáo dục ý thức của SV trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường trong toàn trường, các đơn vị Đoàn trực thuộc và Hội sinh viên trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thiết thực vận động SV tham gia như: Ngày chủ nhật xanh, Thứ 7 tình nguyện, Chủ nhật tình nguyện với hơn 50.000 SV.

Trường đã phối hợp tốt với Phòng Cán bộ Quân khu 9 lập danh sách với hơn 650 nam SV, tổ chức khám sức khỏe, thẩm tra lý lịch và báo cáo Bộ GD&ĐT và Bộ Quốc phòng để quyết định cử đi đào tạo SQDB 35 nam SV tại Trường Quân sự Quân khu 9.

2. Thực hiện chế độ chính sách, chăm lo đời sống SV

Thực hiện chế độ không thu học phí cho 2.587 SV thuộc các ngành sư phạm; trợ cấp xã hội cho 701 lượt SV, với tổng số tiền 397,3 triệu đồng. Triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ miễn, giảm học phí theo Nghị định 86 đối với 753 SV các khóa cũ

và mới. Cấp phát học bổng ngân sách với số tiền 14,380 tỉ đồng (cho 4.211 lượt SV). Vận động học bổng tài trợ từ các cơ quan-doanh nghiệp được 5,03 tỉ đồng để cấp cho 1.263SV; Quỹ hỗ trợ SV: đã trợ cấp khó khăn đột xuất với tổng số tiền 207,8 trđ (98SV); Xác nhận cho 13.289 lượt SV để bồi sung hồ sơ vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội địa phương (3.928SV).

Công tác cử SV đi học tập ở nước ngoài qua hoạt động cấp học bổng đã nhận được sự ủng hộ tốt từ các đơn vị, tạo điều kiện để SV giao lưu, tiếp xúc học tập và hội nhập quốc tế, kết quả trong năm học đã cử 158 SV tham gia, trong đó có 64 SV được cấp với số tiền học bổng là 546,598 triệu đồng (từ tháng 01 đến tháng 7/2017).

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe SV: Tổ chức trực 24/24, khám bệnh cấp phát thuốc ban đầu tại Trạm Y tế Trường ĐHCT nhằm tăng cường công tác y tế, chăm sóc sức khỏe SV; Thực hiện BHTN cho 6.269 SV, BHYT cho 29.958 SV, vận động doanh nghiệp miễn tiền BHTN 961SV diện chính sách -XH hơn 150,0 triệu đồng/năm; Duy trì khám chữa bệnh ban đầu và cấp phát thuốc cho hơn 10.000 lượt SV, khám sức khỏe đầu khóa cho hơn 9.000 SV khóa mới. Phối hợp cơ quan Y tế dự phòng và các đơn vị chức năng kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm hàng tháng ở các điểm kinh doanh ăn uống trong ký túc xá, 9 lượt phòng chống dịch chủ động góp phần giữ gìn an toàn thực phẩm, không để xảy ra các trường hợp đáng tiếc.

Trường đã thường xuyên tư vấn - hỗ trợ SV, tổ chức 02 lượt Ngày hội việc làm, hơn 80 lượt cơ quan – DN. Đặc biệt, Trường đã tư vấn hỗ trợ cho nhiều lượt SV đi học tập ở nước ngoài, thường xuyên phối hợp thông tin tuyển dụng, tìm việc nhằm cung cấp cho SV nhiều cơ hội việc làm, cũng như có cơ hội tiếp xúc với doanh nhân, diễn giả góp phần tích lũy kinh nghiệm phục vụ việc làm sau tốt nghiệp.

3. Tổ chức quản lý SV nội - ngoại trú

Trường tiếp tục cải tiến công tác quản lý nội trú, điều chỉnh, phân công công việc, áp dụng phần mềm quản lý trong sáp chỗ, thu phí, quản lý hồ sơ SV; Tăng cường công tác quản lý, trật tự, vệ sinh; sửa chữa, cải tạo cấu trúc bên trong, thay mới thiết bị điện, nước theo hướng phục vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của SV, học viên; Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện nội quy, quy định nội trú.

Trong năm học đã tiếp nhận hơn 14.000 lượt SV vào ở Ký túc xá (KTX). Công tác cải tạo cơ sở vật chất phòng, dãy nhà ở cho SV ở KTX Khu A được thực hiện đồng bộ, kết quả có 320 phòng, với sức chứa 2.180 chỗ ở SV được phép nấu ăn trong phòng ở, đồng thời. Nhà trường cũng đã sửa chữa lớn nhiều dãy KTX góp phần tạo cảnh quan, trật tự, ngăn nắp, góp phần cải tiến và nâng cao tính phục vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sinh viên.

Công tác quản lý SV nội trú, ngoại trú được tăng cường, công tác phối hợp với cơ quan Công an 3 cấp ngày càng chặt chẽ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý SV. Đồng thời, Nhà trường đã duy trì các hoạt động với Chủ nhà trọ, Công an phường qua mô hình “Nhà trọ an toàn-vệ sinh” ở khu vực 6 P. Xuân Khánh thông qua các hoạt động tuyên truyền, tình nguyện cho SV làm vệ sinh, phòng chống bệnh sốt xuất huyết.

4. Công tác khen thưởng kỷ luật SV

- Khen thưởng: trên cơ sở kết quả học tập và rèn luyện của SV đã khen thưởng 1.505 SV (25 SV đạt cấp quốc gia; số còn lại đạt thành tích tốt nghiệp thủ khoa ngành học, SV đạt điểm cao nhất khối thi đại học, tặng giấy khen SV tốt nghiệp loại giỏi, khen thưởng năm học, khen các hoạt động phong trào), cấp đơn vị trực thuộc đã biểu dương 388 SV.

- Kỷ luật: Nhằm không ngừng duy trì kỷ cương, quy định Nhà trường đã xử lý kỷ luật 409 trường hợp, trong đó: Khiển trách: 398, cảnh cáo: 01, đình chỉ học tập: 8, buộc thôi học: 2. Cấp đơn vị trực thuộc Trường đã xử lý kỷ luật: khiển trách 14 trường hợp,

cảnh cáo 112 trường hợp, buộc ra khỏi ký túc xá: 49.

5. Nâng cao hiệu quả quản lý SV

Năm 2017, Trường quyết định ban hành Quy chế cử SV đi học tập ở nước ngoài (QĐ số 770/QĐ-DHCT, ngày 15/3/2017); đang thực hiện và từng bước hoàn thiện phần mềm Đánh giá kết quả rèn luyện trực tuyến; sửa đổi, ban hành mới Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện của SV bậc đại học chính quy (QĐ số 73/QĐ-DHCT, ngày 11/01/2017).

Trung tâm Tư vấn – Hỗ trợ sinh viên đi vào hoạt động ổn định phát triển từng bước phát huy hiệu quả đáp ứng nhu cầu tư vấn – hỗ trợ đồng thời mở rộng mối quan hệ với cơ quan doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động hỗ trợ tích cực cho công tác đào tạo; Trạm Y tế phối hợp với Trung tâm Chẩn đoán Y khoa Tp. Cần Thơ thực hiện công tác trực 24/24 khám bệnh cấp phát thuốc ban đầu, sơ cấp cứu, góp phần sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí đồng thời nâng cao năng lực phục vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe cho SV.

6. Đánh giá chung

Công tác giáo dục truyền thống, giáo dục lý tưởng, đạo đức lối sống và công tác tuyên truyền pháp luật cho SV được tổ chức đa dạng với nhiều hình thức, áp dụng linh hoạt giữa hình thức tuyên truyền giúp SV dễ dàng tiếp cận và thích thú khi tham gia.

Công tác tham mưu và thực hiện về chế độ chính sách đối với SV kịp thời, phát huy hiệu quả, góp phần đưa chủ trương, chính sách, quy định của cấp trên đến SV, kịp thời hỗ trợ các trường hợp SV gặp khó khăn về tài chính; phòng chống dịch, bệnh chủ động tốt trong khu vực SV nội trú.

Việc chăm lo đời sống SV vật chất và tinh thần cho SV được thực hiện tốt. Tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh trong SV, giúp SV nâng cao các kỹ năng xã hội, rèn luyện sức khỏe, kỹ năng làm việc nhóm, trao đổi kiến thức cuộc sống. Góp phần xây dựng môi trường giáo dục thân thiện lành mạnh theo định hướng của Nhà trường.

Công tác tư vấn – hỗ trợ việc làm, quan hệ công ty doanh nghiệp từng bước phát triển tốt, hỗ trợ tích cực cho hoạt động Ngày hội việc làm, đẩy mạnh hoạt động tài trợ xã hội hóa, giảm thiểu chi phí cho hoạt động việc làm cho SV.

Khen thưởng đã kịp thời động viên khích SV phấn đấu học tập, rèn luyện. Thực hiện nghiêm túc quy định của Trường; Công tác sửa chữa cơ sở vật chất, điện, nước đã cải tiến nhiều từng bước đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu của SV; Công tác tư vấn – hỗ trợ theo hướng phục vụ, công tác cố vấn học tập được củng cố; Công tác hội nhập quốc tế của SV được thực hiện từng bước hiệu quả.

Công tác phối hợp với các đơn vị Công an trong công tác giữ gìn ANCT-TTATXH trong SV ngày càng chặt chẽ và đạt hiệu quả tốt.

Công tác nắm tình hình sinh viên tham gia, sinh hoạt các hoạt động tập thể ngoài giờ còn nhiều hạn chế.

VI. CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Đoàn vào

1.1 Số lượng đoàn khách

Trong năm học 2016-2017 Trường đã đón 383 đoàn với 2.186 lượt khách quốc tế đến làm việc, tăng trên 1/3 lượt khách đến so với năm 2015-2016 (347 đoàn/1.525 lượt). Trong năm qua số lượng SV quốc tế đến tham quan học tập, trao đổi văn hóa... chiếm số lượng rất đông trên tổng số lượng khách đến làm việc (trên 46%), điều đó chứng tỏ các CTĐT của Trường hiện đang có sức hấp dẫn cao đối với SV quốc tế (Bảng 1).

Bảng 1. Thống kê đoàn vào theo thành phần

Tháng	Số đoàn	Số lượt	Giáo sư	Chuyên gia	Sinh viên/khác
8/2016	27	120	29	38	53
9/2016	17	83	19	24	45
10/2016	25	425	168	44	213
11/2016	28	205	31	100	74
12/2016	23	120	14	61	45
1/2017	30	217	75	43	99
2/2017	32	129	33	46	50
3/2017	63	313	66	106	141
4/2017	22	68	9	25	34
5/2017	46	187	40	52	94
6/2017	46	193	48	32	113
7/2017	24	126	32	41	53
Tổng cộng	383	2186	559	617	1.010
%			25.57%	28.22%	46.20%

Đào tạo đa ngành đa lĩnh vực, Trường có nhiều ưu thế trong trao đổi học thuật với các đối tác nước ngoài. Chính vì vậy, trong năm học 2016 - 2017 có đến trên 46% số khách đến Trường với mục đích trao đổi học thuật, Trên 21% khách đến tham dự Hội nghị, hội thảo, trên 14% các đối tác đến để thực hiện các dự án quốc tế. Ngoài ra, hàng năm Trường cũng đón một lượng khách không nhỏ (18%) đến với mục đích tìm kiếm cơ hội hợp tác, thể hiện rõ tầm quan trọng của Trường đối với các bạn bè quốc tế (Bảng 2).

Bảng 2. Thống kê theo mục đích đoàn khách đến

Tháng	Số đoàn	Số lượt khách	Thực hiện dự án	Hội nghị Hội thảo	Trao đổi học thuật	Tìm kiếm cơ hội hợp tác
8/2016	27	120	29	3	28	60
9/2016	17	83	1	19	59	4
10/2016	25	425	19	306	61	39
11/2016	28	205	27	8	139	31
12/2016	23	120	77	6	27	10
1/2017	30	217	26	42	117	32
2/2017	32	129	35	3	67	24
3/2017	63	313	51	42	155	73
4/2017	22	68	8	2	34	24
5/2017	46	187	26	14	120	26
6/2017	46	193	16	5	124	48
7/2017	24	126	5	29	79	27
Tổng cộng	383	2186	320	479	1010	398
%			14.63%	21.91%	46.20%	18.20%

Ngoài các đối tượng khách truyền thống chủ yếu là các trường đại học (chiếm 58%), với chủ trương gắn nghiên cứu khoa học với thực tiễn sản xuất và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, những năm gần đây Trường đã tích cực kêt nối, tiếp xúc và đã đón tiếp các Tổ chức quốc tế đến trao đổi hợp tác. Thành quả đó thể hiện rõ trên số liệu năm 2016-2017 Trường đã đón tiếp 105 đoàn khách, chiếm tỉ lệ gần 28%; các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài là 42 đoàn chiếm 11%; bên cạnh đó các tổ chức quốc tế cũng như ngoại giao đoàn cũng tăng khá nhiều (Bảng 3).

Bảng 3. Thống kê đoàn vào theo đối tượng

Tháng	Số đoàn	Các Viện, Trường	Tập đoàn, doanh nghiệp	Các tổ chức quốc tế	Ngoại giao đoàn	Khác
8/2016	27	13	3	8	3	
9/2016	17	11	4	2	0	
10/2016	25	13	1	9	2	
11/2016	28	9	4	14	1	
12/2016	23	12	0	9	2	
1/2017	30	23	3	4	0	
2/2017	32	18	2	12	0	
3/2017	63	38	10	14	1	
4/2017	22	11	4	5	2	
5/2017	46	29	4	12	1	
6/2017	46	31	5	9	1	
7/2017	24	14	2	7	1	
Tổng cộng	383	222	42	105	14	
%		57.96%	10.96%	27.41%	3.65%	

1.2 Kết quả thực hiện visa, đưa khách đi địa phương

Trong năm học 2016-2017 đã phối hợp thực hiện 104 hồ sơ visa cho 227 lượt khách nước ngoài đến công tác tại Trường. Gia hạn visa và tạm trú cho 08 đoàn với 10 lượt khách, từ tháng 6 năm 2017, đã áp dụng quy định của Cục QLXNC nộp hồ sơ visa trực tuyến (đang trong giai đoạn thử nghiệm).

Bảng 4. Kết quả thực hiện visa

STT	Nội dung thực hiện	Số lượt đoàn	Lượt khách
1	Xin thị thực	104	227
2	Gia hạn thị thực/ tạm trú	8	10
3	Đi địa phương	251	1312

Năm học 2016-2017, Trường đã xin phép cho 251 lượt đoàn, với gần 1312 lượt khách quốc tế đến công tác, tham quan thực tế, triển khai hoạt động, đánh giá tiến độ thực hiện dự án, thu thập số liệu, mẫu nghiên cứu của các đề tài nghiên cứu tại các địa phương. Thực hiện 104 hồ sơ visa cho 227 lượt khách;

Nhìn chung, công tác phối hợp thực hiện hoạt động này tốt, đảm bảo chương trình, kế hoạch công tác của khách tại địa phương, và chấp hành nghiêm túc về công tác tiếp và quản lý khách quốc tế đến làm việc theo quy định. Trong thực hiện thủ tục đi địa phương đã xử lý linh hoạt đảm bảo theo quy định của từng địa phương.

2. Hội nghị, hội thảo quốc tế

Trong năm học 2016 - 2017 Trường đã phối hợp thực hiện tổng cộng 28 hội nghị, hội thảo quốc tế với 576 khách quốc tế đến Trường và các tỉnh lân cận tham dự hội nghị, hội thảo, nhằm phục vụ công tác trao đổi học thuật, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và ứng dụng vào thực tiễn. Đây là năm có số lượng khách quốc tế đến Trường tham dự hội nghị nhiều nhất từ trước đến nay, đặc biệt là các hội nghị về thủy sản.

Các lĩnh vực tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế vẫn nghiêng về nông nghiệp, môi trường, thủy sản; có mở rộng thêm về hướng công nghệ, luật, kinh tế... Các loại hình hoạt động được tổ chức hàng năm đã khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường trong các lĩnh vực chuyên môn. Thông qua việc tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế, Trường đã tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác và tăng uy tín của Trường trong cộng đồng khoa học trên thế giới.

Một số hội nghị, hội thảo quốc tế quan trọng trong năm học 2016 - 2017 như: Hội nghị Khoa học Thủy sản Quốc tế - IFS 2016; Hội thảo Động lực khi trở thành luật sư - Luật sư ở các nước nói tiếng Pháp trên thế giới do Liên đoàn Luật sư quốc gia Pháp tài trợ; Hội thảo đổi mới kinh doanh và phát triển kinh tế 2017 do Trường Đại học Downtown-Houston - Hoa Kỳ phối hợp thực hiện; Hội thảo Phát triển chương trình nghiên cứu đảm bảo nguồn cung cấp năng lượng bền vững và an toàn cho Việt Nam (VS2RES) do Đại học Salford, Anh Quốc phối hợp thực hiện... Đặc biệt lần đầu tiên Trường đã chủ trì tổ chức Hội nghị quốc tế tại Campuchia (phối hợp với Học viện Hoàng gia Campuchia) với chủ đề “Tiết kiệm nguồn nước” tạo ấn tượng tốt cho đại biểu tham dự.

3. Quản lý Dự án quốc tế

3.1. Các dự án quốc tế

Trong năm học 2016-2017 Trường đang thực hiện tổng cộng 16 dự án lớn nhỏ với tổng kinh phí thực hiện dự án gần 27,19 tỷ đồng và được phân bổ khá đều cho các đơn vị trong trường. Trong đó, Khoa Thủy sản và Khoa NN&SHUD có số lượng dự án nhiều nhất là 04 dự án với tổng kinh phí lần lượt là 9,04 tỷ và 11,69 tỷ, chiếm 33% và 43% tổng kinh phí thực hiện dự án trong năm học. Khoa Kinh tế, Khoa Luật, Khoa MT&TNTN, Viện NC PTDB, Viện NC BĐKH đều thực hiện từ 1 - 2 dự án, với tổng kinh phí nằm trong 24% kinh phí còn lại.

Từ những con số trên có thể thấy hiện nay Trường đã có tập trung thực hiện các dự án quy mô lớn, tính chuyên sâu cao, cùng phối hợp với các đơn vị để cùng xây dựng đề cương. Tuy nhiên một số đơn vị vẫn còn tập trung xin các dự án tài trợ với kinh phí chưa lớn và thực hiện trong thời gian ngắn mà chưa cùng nhau ngồi xây dựng đề cương nghiên cứu chung để cùng phối hợp thực hiện những dự án có quy mô lớn và tính liên kết nghiên cứu trong đa lĩnh vực.

Các dự án hợp tác quốc tế hiện nay của Trường vẫn tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, thủy sản, là các lĩnh vực mũi nhọn của Trường trong nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và phát triển khu vực DBSCL trong thời kỳ hội nhập hiện nay. Các dự án hợp tác quốc tế trong giai đoạn qua mang lại nhiều lợi ích như các học bổng Thạc sĩ, Tiến sĩ, trao đổi sinh viên, cán bộ; mua sắm thiết bị, xe ô tô; nâng cao năng lực nghiên cứu, năng lực quản lý của cán bộ... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho nguồn nhân lực, cũng như giúp nâng cao đẳng cấp của Trường với các đối tác quốc tế.

Bảng 6. Kinh phí thực hiện các dự án hợp tác quốc tế

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng dự án thực hiện	Tổng quy đổi sang VNĐ (ĐVT: tỷ đồng)
1	Khoa Kinh tế	02	1,16
2	Khoa Luật	01	1,68
3	Khoa MT&TN	02	0,72
4	Khoa NN&SHUD	04	11,69
5	Khoa Thủy sản	04	9,04
6	Viện NC BĐKH	01	0,16
7	Viện NCPT ĐBSCL	02	2,74
Tổng cộng		16	27,19

(Tính theo tỷ giá ngoại tệ 08/2017 của Bộ Tài chính)

3.2. Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT

Dự án “Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ” (Dự án) sử dụng vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản với tổng vốn là 12.306 triệu Yên (tương đương 2.250 tỷ đồng và quy đổi ra 105,90 triệu USD) được thực hiện trong thời gian từ tháng 10/2015 đến tháng 10/2022. Mục tiêu của Dự án là nâng cấp Trường ĐHCT thành trường đại học xuất sắc, được quốc tế công nhận trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, môi trường và các lĩnh vực liên quan, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, gia tăng giá trị nông nghiệp và thủy sản ở vùng ĐBSCL.

Trong năm học 2016-2017, Trường đã triển khai thực hiện các hợp phần của Dự án và đạt được một số kết quả như sau:

- *Hợp phần dịch vụ tư vấn*: Đàm phán và ký hợp đồng cho gói thầu “Dịch vụ tư vấn cho Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ” vào ngày 21 tháng 11 năm 2016 với Liên danh Tư vấn Nihon Sekkei, Inc. (NS), Trung tâm hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICE), EARL Consultants, Inc. (ER) và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp (NAGECCO). Các chuyên gia tư vấn của nhà thầu liên doanh đã triển khai công việc từ tháng 12 năm 2016. Tính đến cuối tháng 7 năm 2017, Tư vấn đã thực hiện 8 đợt huy động với 66,41/217 tháng công của tư vấn quốc tế (tương đương 30,60% kế hoạch) và 150,77/545,67 tháng công tư vấn trong nước (tương đương 27,63 % kế hoạch).

- *Hợp phần phát triển nguồn nhân lực*: Đã hoàn thiện các thủ tục để cử 15 giảng viên của Trường đi đào tạo tiến sĩ tại các Trường đối tác Nhật Bản bằng nguồn học bổng đề án 911; Đề cử và hỗ trợ 02 viên chức của Trường đi đào tạo thạc sĩ tại Nhật Bản theo đề án 599 về quản lý và quản trị đại học và tổ chức thành công lớp tiếng Nhật đợt 1 cho các ứng viên chuẩn bị đi học Thạc sĩ và Tiến sĩ tại Nhật Bản.

- *Hợp phần thực hiện các Dự án nghiên cứu*: Đã hoàn thành việc tuyển chọn và triển khai thực hiện 06 chương trình nghiên cứu đợt khởi động (kick-off). Thông báo kêu gọi viết đề cương cho 16 chương trình nghiên cứu đợt 1 và đã nhận được 14 đề cương. Ban QLDA đang phối hợp với Tư vấn và JICA đánh giá các đề cương này theo quy trình tuyển chọn để triển khai nghiên cứu từ tháng 01 năm 2018.

- *Hợp phần phát triển cơ sở vật chất*: Đã hoàn thành công tác chuẩn bị mặt bằng đất xây dựng cho công trình Khu phức hợp Phòng thí nghiệm nghiên cứu; kết hợp với Tư

vấn hoàn thành thiết kế cơ sở cho Khu phức hợp Phòng thí nghiệm nghiên cứu, Phòng thí nghiệm công nghệ cao, nhà lưới và trại giống thủy sản; triển khai thiết kế chi tiết cho Khu phức hợp Phòng thí nghiệm nghiên cứu, Phòng thí nghiệm Công nghệ cao, nhà lưới, và trại giống thủy sản; triển khai xây dựng hồ sơ mời quan tâm và hồ sơ mời thầu cho gói thầu xây dựng Khu phức hợp Phòng thí nghiệm nghiên cứu và nhà lưới.

- *Hợp phần mua sắm thiết bị nghiên cứu:* Đã kết hợp với Tư vấn hoàn thành rà soát danh mục thiết bị cho các gói thầu (Mua sắm thiết bị cho các phòng thí nghiệm hiện hữu; Mua sắm thiết bị cho Khu phức hợp Phòng thí nghiệm nghiên cứu và Phòng thí nghiệm Công nghệ cao); rà soát tính năng kỹ thuật của các thiết bị thuộc gói thầu Mua sắm thiết bị cho các phòng thí nghiệm hiện hữu; triển khai xây dựng hồ sơ mời quan tâm và hồ sơ mời thầu cho gói thầu Mua sắm thiết bị cho các phòng thí nghiệm hiện hữu.

3.3. Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật của Nhật Bản

Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật (Dự án HTKT) được Chính phủ Nhật Bản tài trợ với mục tiêu nhằm hỗ trợ trực tiếp cho Dự án “Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ”, để nâng cấp Trường ĐHCT thành Trường xuất sắc, đạt chuẩn quốc tế trong lĩnh nông nghiệp, thủy sản, môi trường và gia tăng giá trị nông nghiệp, thủy sản cũng như những giải pháp cho các vấn đề về môi trường ở vùng ĐBSCL. Năm học 2016-2017, Dự án HTKT đã đạt các kết quả như sau:

- *Hợp phần tăng cường năng lực NCKH:* Tiếp tục triển khai thực hiện 04 đề tài nghiên cứu hợp tác; tiếp 16 đoàn với 66 lượt chuyên gia các trường đối tác Nhật Bản sang góp ý về ý tưởng nghiên cứu cho 36 chương trình nghiên cứu thuộc Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT và hoàn thành góp ý để cung cho 06 chương trình nghiên cứu đợt khởi động; tổ chức 04 buổi seminars giới thiệu 26 chủ đề nghiên cứu đến giảng viên, SV; cung cấp 08 bài giảng chuyên sâu về lĩnh vực nông nghiệp; 11 viên chức hoàn thành đợt tập huấn ngắn hạn (01 tháng) về nghiên cứu tại các Trường đối tác; trang bị Hệ thống thiết bị tạo than sinh học (trị giá 650 triệu đồng) cho đề tài nghiên cứu lĩnh vực Môi trường.

- *Hợp phần tăng cường năng lực đào tạo:* JICA đã tiến hành thành lập Hội đồng đào tạo gồm 07 Giáo sư từ các Trường đối tác để hỗ trợ Trường ĐHCT trong công tác xây dựng 03 CTĐT thạc sĩ tiếng Anh (1. Climate Change and Sustainable Tropical Agriculture; 2. Climate Change and Integrated Management of Coastal Aquaculture and Fisheries; và 3. Climate Change and Delta Management) và đã hoàn thành khung CTĐT cùng với các đề cương chi tiết học phần của 03 ngành đào tạo này; thảo luận về công tác kiểm định CTĐT: JICA đồng ý chọn 03 CTĐT trình độ đại học (Khoa học cây trồng, Bệnh học Thủy sản và Quản lý Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên) để đánh giá theo tiêu chuẩn AUN-QA; JICA đồng ý hỗ trợ tập huấn cho Trường ĐHCT về ĐGCL CTĐT theo chuẩn JABEE Nhật Bản (04 suất tập huấn ngắn hạn tại Nhật Bản và 01 đợt trình bày về và tập huấn về JABEE tại Trường ĐHCT).

- *Hợp phần tăng cường hệ thống hỗ trợ kỹ thuật và hệ thống hành chính (quản trị đại học):* thảo luận với JICA về hỗ trợ về tập huấn ngắn hạn về quản lý và quản trị đại học cho viên chức quản lý của Trường ĐHCT. Kết quả, JICA đã đồng ý hỗ trợ 18 lượt tập huấn quản trị đại học.

5. Ký kết biên bản ghi nhớ (MOU)

Năm học 2016-2017, Trường đã ký kết 33 Biên bản ghi nhớ, thỏa thuận (MoU, MoA) với các đối tác đến từ Đài Loan, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp, Úc, Ý, Campuchia, Anh, Hà Lan.

Bảng 7. Thống kê MoU, MoA theo các nước

STT	Quốc gia	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Hà Lan	1	3
2	Pháp	3	9

3	Ý	1	3
4	Anh	1	3
5	Hàn Quốc	4	12
6	Nhật Bản	10	30
7	Đài Loan	5	15
8	Campuchia	2	6
9	Hoa Kỳ	4	12
10	Úc	2	6

Trong số các đối tác ký kết, đối tác đến từ Nhật Bản chiếm tỉ lệ khá lớn với 30% trong tổng số MoU đã ký kết trong năm. Hoạt động trong khuôn khổ các MoU này nhằm tăng cường việc trao đổi văn hóa, trao đổi sinh viên và cán bộ, học bổng và hợp tác nghiên cứu chung.

Đối tác Đài Loan cũng là đối tác có tỉ lệ MoU ký mới trong năm với 15% trong tổng số MoU. Các đối tác Đài Loan đã hỗ trợ khá lớn trong việc cung cấp nguồn học bổng cho sinh viên thực tập và trao đổi.

“Không gian Pháp” trong khuôn viên Trường ĐHCT đã được thành lập với sự phối hợp của Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội và Sở GD&ĐT TP. Cần Thơ nhằm phục vụ cho sinh viên và giáo viên của Trường ĐHCT, TP. Cần Thơ cũng như các tỉnh lân cận.

6. Chương trình Học phần Nhiệt đới

Năm học 2016-2017, Trường đã tiếp nhận 118 sinh viên quốc tế đến từ các Trường: School for Field Study (SFS), University of Montana, University of Cornel, University of Loyola (Hoa Kỳ), Humboldt University Berlin (Đức), CAVAC (Campuchia) đến học tập trong Chương trình Học phần Nhiệt đới. Trong đó University of Cornel và Humboldt University Berlin là 02 đối tác mới, góp phần nâng cao số lượng sinh viên quốc tế. Số lượng này tiếp tục tăng cao so với năm học trước đó. SV chủ yếu đến từ các nước Hoa Kỳ theo học các khóa học về môi trường, biến đổi khí hậu, sinh thái, nông nghiệp, văn hóa xã hội vùng DBSCL theo các ký kết thỏa ước giữa hai Trường. Đối tác SFS đưa sinh viên sang học tập thường xuyên 02 khóa học mỗi năm (học kỳ Mùa xuân và học kỳ Mùa thu). Trường Cornel sau khi đưa SV sang đợt đầu tiên đã quyết định xây dựng chương trình định kỳ hàng năm gửi SV sang học khóa học Mùa đông. Điều này cho thấy sức thu hút của một CTĐT hấp dẫn theo năm tháng, đáp ứng nhu cầu học tập của nhiều SV nước ngoài đến tìm hiểu về DBSCL.

Các đơn vị có tham gia giảng dạy trong chương trình tính đến thời điểm này bao gồm Khoa Khoa học Xã hội Nhân văn, Khoa Thủy sản, Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên, Khoa Phát triển Nông thôn và Trung tâm Ngoại ngữ.

Bảng 8. Thông tin các khóa học thuộc Học phần Nhiệt đới

TT	Tên đoàn	Sinh viên	Giảng viên
1	SFS tháng 10/2016	13	4
2	SFS tháng 03/2017	11	6
3	Montana tháng 12/2016	8	1
4	Cornell tháng 01/2017	12	2
5	Loyola Chicago tháng 3/2017	15	2
6	Humboldt University Berlin	25	1
7	CAVAC tháng 7/2017	18	0
Tổng		102	16

7. Chương trình Mekong 1000

Thông qua Chương trình Mekong 1000, Trường đã thực hiện vai trò làm cầu nối giữa các trường đại học nước ngoài với các đề án địa phương, trực tiếp tư vấn, hỗ trợ cho ứng viên, liên hệ, đàm phán với đối tác, xúc tiến hồ sơ du học, tư vấn chọn trường, ...

Năm học 2016-2017, Chương trình Mekong 1000 đã xúc tiến hồ sơ đưa 18 ứng viên (có 4 nghiên cứu sinh) của 6 tỉnh đi học ở 13 viện, trường thuộc 8 quốc gia. Như vậy, Chương trình đã xúc tiến hồ sơ đưa đi đào tạo ngoài nước được tổng cộng 608 ứng viên (62 tiến sĩ, 546 thạc sĩ) cho các địa phương khu vực DBSCL.

Bên cạnh các mối quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa Trường ĐHCT với các đối tác quốc tế, Chương trình Mekong 1000 cũng luôn tích cực đàm phán mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều đối tác mới và đã xúc tiến gửi người đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo danh tiếng, chất lượng tốt và có những chính sách hỗ trợ cụ thể, đặc biệt là việc miễn, giảm học phí, giúp các địa phương tiết kiệm được nguồn ngân sách khá lớn. Với chỉ 18 trường hợp ứng viên được đưa đi học trong năm qua, Trường đã giúp các địa phương tiết kiệm được hơn 197.861 USD.

8. Đánh giá chung

Công tác hợp tác quốc tế của Trường tiếp tục phát triển trong năm học qua, đóng góp đáng kể trong việc đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường trang thiết bị giúp nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH, góp phần cho sự phát triển bền vững của DBSCL. Tuy nhiên, công tác hợp tác quốc tế của Trường chỉ phát triển mạnh ở các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, môi trường/biến đổi khí hậu... Hợp tác quốc tế ở các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn... chưa phát triển mạnh, cần nỗ lực để có chương trình, dự án hợp tác lớn trong các lĩnh vực này. Các đơn vị cần tích cực chuẩn bị nguồn nhân lực và ý tưởng để chủ động tham gia khi có cơ hội.

Các hợp phần của Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT được triển khai đúng theo kế hoạch đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt. Tuy nhiên, do Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT là Dự án hỗn hợp bao gồm nhiều hợp phần, quy mô lớn và phải tuân thủ theo quy định của JICA và pháp luật Việt Nam nên một số hoạt động chưa đạt hiệu quả cao như tình hình giải ngân. *Hợp phần thực hiện các Dự án nghiên cứu và Hợp phần phát triển nguồn nhân lực* còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân của Dự án.

Nhìn chung các hợp phần của Dự án được triển khai theo đúng theo tiến độ và kế hoạch năm và kế hoạch tổng thể của Dự án đề ra do Dự án đã nhận được sự chỉ đạo tích cực từ Chủ Dự án và Ban QLDA và nhận được hỗ trợ tích cực từ phía Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành quản lý liên quan, JICA và các trường đại học đối tác Nhật Bản cùng với sự phối hợp của đơn vị tư vấn trong thực hiện các hoạt động.

VII. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, QUẢN TRỊ VÀ THIẾT BỊ

1. Xây dựng cơ bản

Năm 2016 Bộ Giáo dục và Đào tạo cắt toàn bộ vốn ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng cơ bản nên Trường phải dùng kinh phí tự bồi sung cho việc đầu tư sửa chữa nhỏ các công trình của Trường cụ thể như sau:

- Tiếp tục sửa chữa phần kết cấu và phần mái hội trường lớn khu II
- Đầu tư xây hệ thống công và vỉa hè trước Khoa Công nghệ Thông tin, vỉa hè từ Khoa Nông nghiệp & SHUD đến Khoa Công nghệ và vỉa hè từ Khoa Nông nghiệp & SHUD đến Ký túc xá khu A.

Trường đã làm việc với đoàn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác quyết toán các dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đã được gửi hồ sơ trình Bộ xin phê duyệt quyết toán. Riêng các dự án sử dụng

vốn tự bồi sung của Trường đã được Vụ Kế hoạch Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra hồ sơ và xin ý kiến chỉ đạo của Bộ.

Theo dõi công tác xây dựng ký túc xá SV tỉnh Hậu Giang (đã nhận bàn giao công trình) và công trình nhà học Khoa Phát triển Nông thôn đặt tại khu Hoà An do tỉnh Hậu Giang tài trợ. Tiếp tục theo dõi công tác sửa chữa Ký túc xá sinh viên Hậu Giang đặt tại Khu II

Trường đã bàn giao giai đoạn I Dự án khu nhà ở, đất ở của cán bộ giáo viên Trường Đại học Cần Thơ.

2. Công tác Quản trị

2.1. Công tác cải tạo, mở rộng, sửa chữa thường xuyên các công trình đã được triển khai thực hiện kịp thời, đáp ứng tiến độ theo kế hoạch phê duyệt; Kết quả đã hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng 122 hạng mục các công trình theo kế hoạch với tổng kinh phí đã thanh toán là 18,886 tỷ đồng, ngoài ra đã thực hiện 23 hạng mục công trình ngoài kế hoạch với tổng kinh phí đã thanh toán là 4,292 tỷ đồng; một số hạng mục cụ thể:

- Tại khu Hoà An: Cải tạo, sửa chữa các nhà học A1, A2, A3, A4; Cải tạo nhà chăn nuôi gia súc, nhà lưới; Di dời sân thể dục thể thao của Khoa Phát triển Nông thôn (1,789 tỷ đồng); Các công trình lát gạch Hội trường 500 chỗ và nhà tập bắn ngoài trời; Lắp đặt hệ thống xử lý nước dùng cho ăn uống; Cải tạo nhà giặt ủi, kho quân trang; đường bê tông nội bộ ra phía sau của TT.Giáo dục Quốc phòng-An ninh (0,854 tỷ đồng)...

- Tại khu II: Cải tạo, sửa chữa 5 phòng thí nghiệm, chống thấm thay tole thư viện, nhà block C, lát gạch nhà block D K.Khoa học Tự nhiên; Cải tạo nền gạch ván phòng khoa, hành lang bộ môn Tự động hóa Khoa Công nghệ; Gia công, lắp đặt bàn làm việc các bộ môn của Khoa Luật; Hội trường Khoa Sư phạm; Xây phòng học mới, lắp đặt hàng rào đầu hồi Khoa Nông nghiệp & SHUD; Cải tạo và sơn mặt ngoài Khoa Khoa học Chính trị; Sơn phòng, thư viện và chống thấm sê nô Khoa Khoa học xã hội & NV; Cải tạo hệ thống điện nguồn, chiếu sáng, lắp camera K.Ngoại ngữ; Cải tạo mái nhà, nhà vệ sinh các nhà thi đấu Bộ môn Giáo dục thể chất; Cải tạo nền gạch phòng làm việc, phòng học, hành lang Trường THPT Thực hành Sư phạm; Cải tạo mặt tiền của Khoa và gia công lắp đặt trang thiết bị 3 phòng mô phỏng nghiệp vụ, tình huống của Khoa Kinh tế; Cải tạo các phòng học chất lượng cao của Khoa Kinh tế và Khoa Công nghệ Thông tin & TT; Cải tạo trần, đại sảnh tầng trệt, hệ thống thoát nước, vỉa hè của Trung tâm Học liệu;... (12,044 tỷ đồng); Cải tạo, sửa chữa 19 hạng mục công trình tại KTX khu A, B (6,176 tỷ đồng).

- Các khu vực khác trong Trường: Sửa chữa nhỏ, chống thấm dột khu nhà khách và các nhà công vụ ở khu I (186 triệu đồng); Cải tạo, sửa chữa và lắp đặt trang thiết bị các dãy nhà A1, B2 tại khu III- Trung tâm Công nghệ Phần mềm (1,839 tỷ đồng); Cải tạo sửa chữa Trại thực nghiệm Vĩnh Châu (160 triệu đồng).

2.2. Công tác quản lý các hệ thống điện, cáp thoát nước, thông tin liên lạc, hệ thống báo cháy, chống sét công trình: Quản lý, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên hệ thống điện, nước ở các khu trong Trường (18 trạm biến áp với tổng công suất 8.550 kVA) đảm bảo an toàn và cung cấp điện, nước liên tục cho các đơn vị; Thực hiện tốt chế độ duy tu, bảo dưỡng định kỳ, khắc phục nhanh các sự cố hư hỏng xảy ra. Theo dõi, thanh toán kịp thời chi phí sử dụng điện, nước trong Trường. Quản lý và vận hành tốt hệ thống thông tin, liên lạc trong Trường, phối hợp tốt với TT.TT&QTM và nhà cung cấp dịch vụ khắc phục nhanh các sự cố hư hỏng, bảo đảm thông tin liên lạc được thông suốt. Định kỳ kiểm tra, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống chống sét, hệ thống báo cháy các công trình của Trường.

2.3. Khu vực nhà học: tiếp tục thực hiện tổ chức đấu thầu các gói dịch vụ vệ sinh tại các nhà học (Khoa Thủy sản, Khoa Công nghệ, C2/ Khoa Sư phạm, Bộ môn Giáo dục

thể chất và các nhà học B1, C1, D1-D2); đã cải tạo, sửa chữa nhà học các đơn vị: Khoa Công nghệ, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Nông nghiệp &SHUD, Khoa Khoa học Tự nhiên, Khoa Khoa học Xã hội &NV, Khoa Luật, Khoa Thủy sản, nhà học A3, B1, C1 với các hạng mục như chống thấm, dột; thay mái tole; cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh; hệ thống điện, đèn quạt, chiếu sáng... Các trang thiết bị nhà học được bảo trì, sửa chữa vào cuối mỗi học kỳ và sửa chữa thường xuyên khi có sự cố. Trong năm đã mua mới 36 máy chiếu và 79 tivi bổ sung, thay thế cho khu vực nhà học, đồng thời đã bảo trì trên 100 máy chiếu, đóng mới 210 bộ bàn học, sơn sửa trên 500 bộ bàn học các loại; hoàn thiện và đưa vào sử dụng Trung tâm Phát triển kỹ năng Sư phạm với 07 phòng học (tổng sức chứa 350 chỗ) và 03 phòng tập giảng.

2.4. Công tác chăm sóc, tăng cường hệ thống cây xanh, thảm cỏ và vệ sinh môi trường được thực hiện thường xuyên, đảm bảo được mỹ quan, môi trường xanh-sạch-đẹp trong khuôn viên Trường. Duy trì tốt công tác phát hoang, dọn mặt bằng, đốt cỏ chống cháy vào mùa khô, mé cây, khai thông kênh mương thoát nước vào mùa mưa; Tổ chức tốt đợt trồng cây nhân Ngày Môi trường thế giới...

3. Công tác Thiết bị

3.1. Lập kế hoạch–báo cáo: Công tác lập kế hoạch và báo cáo đã được thực hiện kịp thời và đúng quy định. Trong năm đã thực hiện 12 báo cáo cho Bộ GD&ĐT và 06 báo cáo cho các cơ quan khác bao gồm các nội dung chính về tình hình Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2017 lĩnh vực thiết bị; phối hợp báo cáo về quy hoạch phát triển tiềm lực KH&CN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2025 về cơ sở vật chất và trang thiết bị; Báo cáo công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân năm 2016, Tổng hợp nhà ở học sinh, sinh viên; Rà soát, báo cáo số liệu về tình hình quản lý, sử dụng nhà ở tập thể của cán bộ giáo viên; Báo cáo tổng hợp danh mục tài sản thuộc diện mua sắm tập trung của Trường năm 2017 cho Bộ GD&ĐT...

3.2. Công tác quản lý tài sản: Thực hiện tốt công tác tổng kiểm kê tài sản định kỳ hàng năm theo quy định; Tiếp tục công tác cập nhật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu tài sản theo phần mềm quản lý tài sản mới; Công tác thu hồi tài sản đề nghị thanh lý của các đơn vị đã được thực hiện thường xuyên; Thực hiện thủ tục thanh lý tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc nhằm giải phóng mặt bằng để triển khai xây dựng các công trình mới thuộc Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT (Dự án ODA - Nhật Bản). Tiếp tục công tác lập quy hoạch chi tiết 1/500 đối với khu I và điều chỉnh quy hoạch 1/500 tại khu II; Tiến hành xây dựng Trung tâm Ứng dụng Thủy sản công nghệ cao tại khu đất Bùng Bình (Q.Cái Răng); Đầu tư khai thác khu đất tại Vĩnh Châu. Thực hiện thủ tục trình phê duyệt thanh lý 04 phương tiện vận tải (01 xe bán tải cabin kép, 01 xe 8 chỗ và 02 xe ô tô 15 chỗ) và đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt.

3.3 Công tác mua sắm, sửa chữa tài sản: Hoàn thành và hỗ trợ thủ tục đấu thầu mua sắm, sửa chữa các gói thầu thuộc nguồn kinh phí ngân sách nhà nước, các nguồn vốn của Trường, các chương trình-dự án, nguồn quỹ phúc lợi và nguồn kinh phí khác của các đơn vị kịp thời và đảm bảo thủ tục theo quy định.

Trong năm đã thực hiện 97 hạng mục mua sắm, sửa chữa trang thiết bị theo kế hoạch với tổng giá trị đã thanh toán là 14,301 tỷ đồng và 124 hạng mục từ nguồn kinh phí tham mưu, chương trình dự án, tài trợ viện trợ với tổng giá trị thanh toán là 14,299 tỷ đồng. Một số hạng mục cụ thể như sau:

- Mua sắm bổ sung trang thiết bị lẻ phục vụ thực hành-thực tập các đơn vị đào tạo: PTN, PTH các bộ môn ĐT-VT, KTXD, TDH, KTĐ, KTCK, CNHH và QLCN (K.CN), PTN bộ môn Sinh học (K.KHTN), bộ môn Chăn nuôi, Thú y (K.NN&SHUD), bộ môn SP Hóa học (K.SP), PTH, PTN của K.PTNT, PTH chế biến (K.TS), dụng cụ thể dục, thể

thao (BM.GDTC) với giá trị 3,271 tỷ đồng; Thiết bị, dụng cụ thí nghiệm phục vụ giảng dạy thực hành, thí nghiệm các đơn vị: K.KHTN, K.NN&SHUD, K.TS, K.CN, K.MT&TNTN (1,664 tỷ đồng); Thiết bị tin học và ngoại vi cho các đơn vị: 02 PTH máy tính của K.CNTT&TT, 01 PTH máy tính K.MT&TNTN, thiết bị tin học và ngoại vi lẻ cho các đơn vị: K.DBDT, K.CN, K.SP, K.KHXH&NV, K.KT, K.PTNT, BM.GDTC (2,244 tỷ đồng); 04 gói thầu mua sắm thiết bị máy chiếu (30 cái), tivi (26 tivi 60 inches) bổ sung, thay thế cho nhà học các đơn vị (1,252 tỷ đồng); Gia công mới, cải tạo sửa chữa và lắp đặt dụng cụ nội thất phục vụ giảng dạy cho nhà học các đơn vị (K.NN&SHUD, K.SP, K.CN, K.KHTN, K.NN, K.MT&TNTN, K.L, TT.LKĐT, TT.NN, P.QT-TB) với giá trị: 985 triệu đồng. Ngoài ra, nhà trường đã đầu tư trang bị bổ sung 02 phòng thực hành máy tính cho K.CNTT&TT và 05 tivi (70 inches) cho K.CNTT&TT, K.KT phục vụ đào tạo theo chương trình chất lượng cao (1,449 tỷ đồng); 40 máy tính trang bị cho tiến sĩ mới tốt nghiệp năm 2016 (0,522 tỷ đồng); Từ đầu năm 2017 đến nay, mua sắm bổ sung 48 tivi (60 inches) trang bị cho nhà học các đơn vị (1,254 tỷ đồng),...

- Mua sắm, sửa chữa tài sản từ các nguồn vốn do các đơn vị tham mưu sử dụng, chương trình, dự án và các nguồn vốn khác: Lắp đặt hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trung tâm dữ liệu tại Nhà Điều hành (1,749 tỷ đồng); Thiết bị máy chủ cho hệ thống thông tin tích hợp của Trung tâm Thông tin &QTM (479 triệu đồng); 03 module phần mềm quản lý hoạt động đánh giá năng lực ngoại ngữ, quản lý thu nhập cán bộ, hiệu chỉnh bổ sung chức năng các phân hệ phần mềm cho Trung tâm Thông tin &QTM (573 triệu đồng); 04 Module phần mềm: quản lý Hợp tác quốc tế, quản lý văn bằng, mở rộng hệ thống lấy ý kiến trực tuyến và nâng cấp các phân hệ trong hệ thống thông tin tích hợp của Trường (656 triệu đồng); 02 gói thầu mua sắm thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống ánh sáng cho phòng thu hình Studio cho Trung tâm Liên kết Đào tạo (1,426 tỷ đồng); 04 gói thầu dịch vụ in báo cáo thường niên, in sách chuyên khảo, xuất bản phẩm cho Tập san, Tạp chí Khoa học (475 triệu đồng); Thiết bị kính hiển vi cho Chương trình tiên tiến Viện NC&PT Công nghệ sinh học (302 triệu đồng); Dịch vụ Internet trực tiếp cho khu II (1,525 tỷ đồng); 04 gói thầu dịch vụ phi tư vấn (bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng giao tiếp) cho Phòng Tổ chức Cán bộ (598 triệu đồng);...

- Tổng hợp danh mục tài sản thuộc diện mua sắm tập trung của Trường năm 2017 gởi Ban Quản lý các dự án (BGD&ĐT) thực hiện với giá trị dự toán 520 triệu đồng.

3.4. Công tác Bảo hộ an toàn lao động–Phòng cháy chữa cháy: Công tác an toàn bảo hộ lao động và PCCC được lãnh đạo Trường và các đơn vị quan tâm thường xuyên, trong năm không xảy ra trường hợp nào mất an toàn lao động hoặc các sự cố cháy nổ đáng tiếc trong Trường. Tham gia cùng Ban Kỹ thuật an toàn-BHLĐ xem xét, trang bị phương tiện BHLĐ năm học 2016-2017 cho 534 viên chức (192,36 triệu đồng); Phối hợp với Ban Kỹ thuật an toàn-BHLĐ, Đội PCCC định kỳ và đột xuất thực hiện kiểm tra tình hình an toàn lao động, PCCC tại các đơn vị; đồng thời thực hiện việc bảo trì, sửa chữa hệ thống báo cháy, máy bơm chữa cháy, phương tiện chữa cháy (sửa chữa, nạp hóa chất), trang bị bổ sung bình chữa cháy cho các đơn vị; thực hiện đốt cỏ phòng chống cháy lan vào đầu mùa khô... (110,40 triệu đồng).

4. Đánh giá chung

Trường đã thực hiện tốt kế hoạch mua sắm, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị các đơn vị, tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí, đặc biệt là trong sử dụng điện, nước (mở rộng khoán điện nước đến các đơn vị đào tạo đủ điều kiện; bổ sung đồng hồ điện, nước các khu vực, dãy nhà để theo dõi, đổi chiếu số liệu; nhanh chóng sửa chữa khắc phục khi xảy ra sự cố); Phối hợp chặt chẽ với đơn vị sử dụng trong cải tạo, sửa chữa các công trình, mua sắm

trang thiết bị nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu sử dụng của đơn vị và đảm bảo quy định của pháp luật.

Từ năm 2015 đến nay, Nhà trường không được cấp kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị từ nguồn vốn NSNN hoặc Chương trình mục tiêu Quốc gia. Song, với sự cố gắng của Nhà trường thông qua nguồn vốn tự bổ sung, từ các chương trình-dự án, tài trợ viên trợ đã đầu tư mua sắm bổ sung, thay thế thiết bị, dụng cụ cho các PTH, PTN mang tính cấp thiết nhằm đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho công tác đào tạo của Trường.

VIII. CÔNG TÁC KHÁC

1. Công tác tài chính

1.1. Tình hình thực hiện dự toán 2016 (*Phụ lục 4*):

Tổng nguồn trong năm 2016 đạt 650,5 tỷ đồng (*bao gồm cả số dư chuyển nguồn năm trước chuyển sang*) tăng 6,3% so với năm 2015. Tổng chi đề nghị quyết toán 527,3 tỷ đồng giảm 0,5%, chuyển nguồn sang năm 2017 tiếp tục sử dụng là 123,3 tỷ đồng tăng 50,8%. Cụ thể:

(1) Kinh phí năm 2015 chuyển sang năm 2016 sử dụng 81,7 tỷ đồng tăng 26,2%, trong đó NSNN là 16,5 tỷ đồng (tăng 30,0%) chủ yếu là kinh phí miễn giảm, hỗ trợ chi phí học tập sinh viên theo chế độ chính sách; nguồn sự nghiệp để lại 65,3 tỷ đồng (tăng 25,2%) chủ yếu là trích tạo nguồn quỹ lương theo quy định (40% học phí) và các nguồn viện trợ, sự nghiệp khác.

(2) Nguồn thu sự nghiệp để lại trong năm 2016 đạt 406,6 tỷ đồng tăng 1,4% so với năm 2015. Trong đó:

- Nguồn thu thu phí-lệ phí để lại đơn vị sự nghiệp đạt 363,0 tỷ đồng tăng 5,0%. Trong đó, học phí chính quy tăng 9,0%, VLTH tăng 4,0%, ĐTTX giảm 17,3%, lệ phí tuyển sinh giảm 53,8%, nguồn học phí Trường THPT Thực hành Sư phạm không đáng kể.

- Nguồn hoạt động sản xuất - DV đóng góp về trường đạt 6,6 tỷ đồng tăng 3,5%.

- Nguồn thu viện trợ từ các chương trình, dự án nghiên cứu từ nước ngoài đạt 28,2 tỷ đồng giảm 12,7%. Riêng đối với nguồn NCKH liên kết với các địa phương, tạm chuyển tiền thông qua tài khoản của trường đạt 20,4 tỷ đồng, tăng 10,3% (năm 2015: 18,5 tỷ đồng).

- Nguồn thu KTX và các khoản thu sự nghiệp khác đạt 9,2 tỷ đồng giảm 45,7%, do thu KTX cuối năm 2014 hạch toán sang 2015.

(3) Đối với nguồn từ NSNN cấp trong năm 2016 là 161,8 tỷ đồng, tăng 11,1% so với năm 2015. Trong đó:

- NSNN cấp chi thường xuyên 119,9 tỷ đồng tăng 1,7%, (*bao gồm cả kinh phí cấp bù sư phạm 21,8 tỷ đồng và cấp miễn giảm, hỗ trợ chi phí học tập cho đối tượng chính sách 4,7 tỷ đồng*);

- Kinh phí không thường xuyên 16,6 tỷ đồng (tăng 54,3%).

- Kinh phí chương trình mục tiêu 25,3 tỷ đồng (tăng 49,2%) là do kinh phí của Đề án ngoại ngữ 2020 cấp 13,4 tỷ đồng vào ngày 28/12/2016, không giải ngân được; và vốn NS cấp ODA chưa giải ngân trong năm.

Tổng chi đề nghị quyết toán năm 2016 là 527,3 tỷ đồng giảm 0,5% so với 2015 (*xem chi tiết mục chi, phụ lục 4*). Nhà trường tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cân đối tài chính trong điều kiện ngân sách Nhà nước hạn hẹp. Nguồn thu chủ yếu là dựa vào nguồn thu sự nghiệp của nhà trường từ nguồn thu học phí các hệ đào tạo; các nguồn từ hoạt động liên kết NCKH với địa phương, nguồn tài trợ từ nước ngoài thông qua các chương trình, dự án nghiên cứu,...

Việc bố trí nguồn tiền lương cơ bản vẫn ổn định theo cơ cấu NSNN và nguồn thu học phí (trích tối thiểu 40% nguồn học phí). Trong đó, học phí là nguồn chính được tăng dần từng năm học theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Tiếp tục cân đối ngân sách đảm bảo chi tiêu, có tích lũy để đáp ứng các điều kiện tài chính của dự án Nâng cấp Trường ĐHCT sử dụng nguồn vốn vay của Chính phủ Nhật Bản. Theo kế hoạch dự án, năm 2016 Trường đã đón ứng 19,4 tỷ đồng, năm 2017 đã đón ứng 21,6 tỷ đồng và tiếp tục năm 2018 sẽ đón ứng 126,5 tỷ đồng, do đó cần có số dư tích luỹ để đảm bảo kế hoạch vốn đón ứng cho dự án.

Các khoản chi tiêu thường xuyên đã bố trí sử dụng từ nguồn NSNN cấp cho đào tạo hệ đại học và SDH được thực hiện tốt trên cơ sở dự toán phân giao đến các đơn vị trực thuộc trường và có kế hoạch vốn nên việc bổ sung điều chỉnh kinh phí ít phát sinh, riêng Phòng Quản trị Thiết bị bổ sung gần 5 tỷ để mua sắm thiết bị phục vụ dạy và học ở các đơn vị.

1.2. Kế hoạch dự toán 2017

Dự toán kinh phí năm 2017 dựa trên số ước thu theo học phí năm học 2016-2017 và năm học 2017-2018, các nguồn sự nghiệp khác dự toán ở mức tương đối ổn định và khả năng đạt được như năm 2016. Trên cơ sở dự toán nguồn thu học phí, chi phí các học phần do các khoa quản lý đào tạo, hệ thống các tỷ lệ phần trăm phân bổ đã được xác lập làm căn cứ dự toán phân giao kinh phí về các đơn vị.

Dự toán tổng nguồn trong năm 2017 đạt 646,1 tỷ đồng (dự kiến tăng 13,6%) so với 2016, trong đó kinh phí thường xuyên đạt 560,3 tỷ đồng (tăng 12,3%, năm 2016: 498,8 tỷ đồng), nguồn kinh phí không tự chủ từ NSNN cấp cho dự án ODA 75,4 tỷ đồng (*xem chi tiết dự toán, phụ lục 5*).

Công tác mua sắm, đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng mới đã từng bước khắc phục vướng mắc khó khăn trong thực tế. Thông qua hội nghị tổng kết công tác quản lý và đầu tư cơ sở vật chất 2016 và kế hoạch 2017, Ban giám hiệu cùng các phòng chức năng làm việc với từng đơn vị để xác định danh mục công việc, hạng mục để đưa vào kế hoạch vốn trong năm.

Ngoài ra, Trường cũng đã lập dự toán ngân sách 2018 gửi về Vụ KH-TC thuộc Bộ GD&ĐT.

2. Hoạt động sản xuất dịch vụ - CGCN

Doanh thu từ hoạt động sản xuất – dịch vụ (SX-DV) của Trường ĐHCT được cấu thành từ nhiều hoạt động, tổng doanh thu từ hoạt động này trong năm học 2016-2017 đạt 158,496 tỷ đồng, tăng 1,59% (tăng 2,482 tỷ đồng) so với năm học 2015-2016 là vượt kế hoạch dự kiến cho năm 2016 là 5,58% (vượt 8,374 tỷ đồng). Trong đó, tổng chi phí (134,276 tỷ đồng) chiếm 84,72%, tổng nộp thuế TNDN (3,759 tỷ đồng) chiếm 2,37% và tổng chênh lệch thu - chi sau thuế (20,460 tỷ đồng) chiếm 12,91%.

Tổng chênh lệch thu - chi sau thuế năm 2016 được phân phối như sau:

- Tổng nộp Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp (PTHDSN) của Trường (chưa bao gồm khoản nộp thương hiệu và chi phí sử dụng chung tài sản) đạt 4,612 tỷ đồng, tăng 1,495 tỷ đồng (tương ứng tăng 47,97%) so với số nộp năm 2015.

- Tổng phân phối cho Khoa/ Viện được Trường ủy quyền quản lý hoạt động chuyên môn hoặc đơn vị phối hợp đạt 0,766 tỷ đồng, giảm 13,85% so với số phân phối năm 2015.

- Đơn vị hoạt động SX-DV giữ lại đạt 14,881 tỷ đồng, tăng 39,93% so với số giữ lại của năm 2015.

Ngoài khoản nộp Quỹ PTHDSN của Trường, các đơn vị hoạt động SX-DV còn nộp các khoản phí thương hiệu và chi phí sử dụng chung tài sản cho Trường, cụ thể:

- Nộp thương hiệu Trường: 2.273,92 triệu đồng (tăng 871,62 triệu đồng so với năm

2015).

- Nộp chi phí sử dụng chung tài sản: 1.372,21 triệu đồng (tăng 229,01 triệu đồng so với năm 2015).

Kết quả trên cho thấy, trong năm 2016 nhìn chung các đơn vị hoạt động có hiệu quả hơn so với 2015. Điều này thể hiện chiều hướng kinh doanh có hiệu quả trong bối cảnh tình hình kinh tế có nhiều khó khăn; các đơn vị hoạt động SX-DV đã kiểm soát được chi phí và các quy định khung của Trường ban hành trước đây và đã phát huy có hiệu quả. Đồng thời, phần nộp Quỹ PTHDSN Trường thấp hơn phần phân phối tại đơn vị phù hợp với chủ trương của Trường là tạo cho đơn vị có cơ hội hoạt động tốt và tăng thu nhập cho viên chức, người lao động của đơn vị.

Trong năm học 2016-2017, Trường quản lý 67 cơ sở dịch vụ (gồm: 26 cơ sở kinh doanh ăn, uống, 20 bãi xe, nhà xe, 02 cửa hàng tiện ích, 01 sân bóng mini cỏ nhân tạo, 01 phòng gym, 17 ki ốt và cơ sở dịch vụ tiện ích khác) và 12 hợp đồng khác nhằm khai thác cơ sở vật chất Trường (gồm: cho thuê khoán mặt bằng lắp đặt 14 máy ATM, 2 trạm phát sóng viễn thông, 3 văn phòng cho thuê, 1 trồng hoa kiếng và cây cảnh).

Về mặt quản lý các cơ sở dịch vụ, bên cạnh việc kiểm tra thường xuyên hàng tuần theo kế hoạch, định kỳ hàng quý, Trường thành lập Đoàn kiểm tra các cơ sở dịch vụ trong Trường về an toàn vệ sinh thực phẩm, thực hiện hợp đồng, chấp hành các quy định trong kinh doanh, tình hình chấp hành nội quy, quy định PCCC tại các cơ sở dịch vụ nhằm bảo đảm an toàn trong các dịch vụ phục vụ sinh viên và CCVC của Trường.

3. Hoạt động thông tin, thư viện

Số lượng bạn đọc đến sử dụng Trung tâm Học liệu (TTHL) được thống kê tại cổng vào từ 01/8/2016 - 31/7/2017, có khoảng 375.389 lượt bạn đọc đến TTHL trong 285 ngày, bình quân mỗi ngày TTHL tiếp đón 1.317 lượt bạn đọc.

Năm học	Lượt bạn đọc	Lượt mượn tài liệu in ấn	Lượt truy cập tài liệu số
2015 - 2016	385.618	112.488	158.287
2016- 2017	375.389	96.675	176.820
Chênh lệch	Giảm: 10.229	Giảm: 15.813	Tăng: 18.533

Bộ sưu tập tài liệu điện tử của TTHL được đầu tư phát triển mạnh. Lượng truy cập tài liệu số tăng so với năm trước đây cũng là lý do mà lượt bạn đọc đến TTHL mượn tài liệu in ấn giảm.

TTHL tự viết thêm 3 chương trình phần mềm góp phần nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc, như: đăng ký phòng SĐH, kiểm tra SV vào thư viện khoa, ngân hàng câu hỏi để vui bạn đọc trả lời.

Bổ sung tài liệu dạng in ấn tăng so với năm trước với lý do giảm phát triển nguồn tài liệu điện tử. Tài liệu điện tử nội sinh khoảng 50.000 tài liệu là luận văn SĐH, đề tài nghiên cứu khoa học, giáo trình.

Năm học	Số nhan tài liệu bổ sung/cuốn	Số lượng tài liệu
2015-2016	5.165/10.302	47.893
2016- 2017	6.066/10.964	50.000
Tăng	901/662	2.107

Trường duy trì đăng ký quyền truy cập khoán 40 CSDL tài liệu điện tử học thuật của nhiều nhà xuất bản và đại học uy tín trên thế giới, bao gồm đặt mua và đăng ký miễn phí như: tài khoản sử dụng Science Direct, Springer Link, IEEE, web of Science thông qua Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia; quyền sử dụng CSDL

ejournal của Proquest Central và Springerlink; quyền truy cập CSDL Luật Việt Nam; Cơ sở dữ liệu ebook của Ebrary Academic Complete.

Bên cạnh những CSDL đã được đặt mua quyền sử dụng, Trường đã đăng ký khai thác miễn phí tăng theo từng năm các CSDL ebook, tạp chí điện tử, như CSDL của tổ chức Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), sử dụng miễn phí 3 năm; liên kết với thư viện Đại học Alberta Cannada giúp bạn đọc của Đại học Cần Thơ khai thác được nguồn tài nguyên e-Journal phong phú của thư viện bạn, bình quân nhận được từ phía bạn 5 bài tạp chí/ngày.

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM HỌC 2017-2018

Trong năm học mới 2017-2018, ngoài những công tác theo Kế hoạch khung của Trường, trên cơ sở phân tích, đánh giá rút kinh nghiệm các mặt công tác trong phần tổng kết năm học qua; những hoạt động trọng tâm và các công tác chính sau đây của Trường sẽ được triển khai thực hiện:

I. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TƯ TUỔNG

1. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; công tác thanh tra, pháp chế

1.1. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và chủ đề Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2015-2020 là "Đoàn kết - Kỷ cương - Chất lượng - Hội nhập"; Đồng thời thực hiện tốt Chỉ thị số 01-CT/ĐU của Đảng ủy Trường "về việc chấn chỉnh một số vấn đề trong công tác tổ chức giảng dạy" trong đó, lưu ý việc tăng cường rèn luyện, thực hiện chuẩn mực đạo đức, lối sống đối với CCVC và sinh viên Trường.

1.2. Tăng cường kiểm tra công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng kinh phí phân bổ của các đơn vị đúng mục đích, có hiệu quả và thực hiện kiểm toán nội bộ hàng năm.

1.3. Tiếp tục thực hiện tốt công tác thanh tra, giám sát, kiểm tra các hoạt động: giảng dạy, phân công giảng dạy, thi cử, sử dụng cơ sở vật chất, đấu thầu mua sắm, việc thực hiện các quy định quy chế, hoạt động sản xuất kinh doanh.... của các đơn vị nhằm gop phần đưa các hoạt động của Trường và đơn vị có hiệu quả cao nhất, đúng quy định của pháp luật.

1.4. Phổ biến các Luật mới của nhà nước ban hành, triển khai rộng rãi Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật tiếp công dân và Quy định tiếp công dân của Trường.

2. Thông tin tuyên truyền, văn hóa- văn nghệ - thể thao

2.1. Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong CCVC-NLĐ và SV, thực hiện việc học tập, quán triệt, sinh hoạt các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục một cách nề nếp, kỷ cương; nâng cao ý thức trách nhiệm, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng nội quy của Nhà trường.

2.2. Duy trì các phong trào "Nếp sống văn minh, trường xanh - sạch - đẹp", phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ; Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn"; "Thi đua dạy tốt, học tốt, nâng cao chất lượng đào tạo", "Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng cho sinh viên noi theo" ...

2.3. Tiếp tục thực hiện các hoạt động tuyên truyền những ngày lễ kỷ niệm lớn của dân tộc như 30/4, 1/5, 19/5, 02/9, 20/10, 20/11, 22/12 và tổ chức các cuộc hội thi về giáo dục đạo đức, lối sống; phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, thực hiện an toàn giao thông, phòng, chống ma túy, HIV/AIDS nhằm nâng cao nhận thức trong CCVC-NLĐ và SV.

2.4. Tăng cường tổ chức các chương trình giao lưu, trao đổi nghệ thuật với các đơn vị kết nghĩa, các đoàn nghệ thuật SV - thanh niên trong và ngoài khu vực; tổ chức tốt các đợt Hội thi, hội diễn văn nghệ, thể thao truyền thống và đổi mới hoạt động các Câu lạc bộ văn hóa Nghệ thuật nhằm thu hút đông đảo cán bộ và SV tham gia.

II. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO – ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Công tác đào tạo

1.1. Hoàn thiện công tác quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ, tiếp tục rà soát và ban hành các quy định, quy trình và văn bản hướng dẫn có liên quan đến công tác đào tạo ĐH và SĐH. Tiếp tục triển khai công tác in phôi, quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ của Trường ĐHCT theo đúng các quy định của Trường và của Bộ GD&ĐT.

1.2. Tiếp tục phối hợp tổ chức Kỳ thi THPT quốc gia (nếu được Bộ GD&ĐT phân giao nhiệm vụ). Tổ chức tốt công tác tuyển sinh các loại hình đào tạo bậc ĐH và SĐH của Trường. Năm 2018, Trường dự kiến số lượng chỉ tiêu tuyển sinh như sau: ĐH chính quy: 9.000 chỉ tiêu (trong đó các ngành sư phạm là 520 chỉ tiêu); Liên thông ĐH chính quy: 450 chỉ tiêu; Bằng ĐH thứ 2 chính quy: 150 chỉ tiêu.

1.3. Triển khai 2 ngành đào tạo đại trà và 1 ngành đào tạo chất lượng cao mới được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh từ năm học 2017-2018. Tiếp tục biên soạn các đề án mở ngành đào tạo bậc đại học được Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua về chủ trương¹⁷, đặc biệt hoàn thành việc biên soạn các đề án mở ngành đào tạo chất lượng cao với mục tiêu là nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực có tính cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, thu hút nhiều hơn nữa SV trong nước và quốc tế và hướng đến tự chủ đào tạo. Mở mới ít nhất 06 ngành SĐH, trong đó có 03 chương trình thạc sĩ đào tạo bằng tiếng Anh; Đẩy mạnh việc bồi dưỡng tiền tiến sĩ. Triển khai thêm 04 ngành đào tạo từ xa. Tiếp tục làm đề án xin phép Bộ Giáo dục và Đào tạo 1 chương trình bồi dưỡng, cấp chứng chỉ theo qui định.

1.4. Hoàn thiện và đẩy mạnh công tác quản lý đào tạo SĐH để đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo SĐH của Trường. Đẩy mạnh đào tạo trình độ thạc sĩ theo nhu cầu địa phương và doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương, doanh nghiệp và xã hội khu vực DBSCL.

1.5. Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo sau đại học quốc tế: Phát triển các chương trình thạc sĩ bằng tiếng Anh; tăng cường hợp tác đào tạo sau đại học với các cơ sở đào tạo quốc tế và tăng số lượng học viên cao học và nghiên cứu sinh nước ngoài học tại Trường.

1.6. Tăng cường mở rộng liên kết đào tạo với các đơn vị có đủ điều kiện, chức năng và yêu cầu trong và ngoài khu vực. Tăng cường quảng bá các chương trình đào tạo đại học vừa làm vừa học, liên thông, bằng 2, từ xa, đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

1.7. Triển khai tốt việc giảng dạy các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh được sửa đổi, bổ sung theo quy định mới của Bộ GD&ĐT từ năm học 2017-2018.

1.8. Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ căn bản. Tổ chức tốt việc giảng dạy tiếng Anh tăng cường cho chương trình tiên tiến và chương trình chất lượng cao.

¹⁷ Các ngành đào tạo trình độ ĐH được phê duyệt chủ trương mở ngành, trong đó CTĐT đại trà gồm: Địa lý học (Khoa Khoa học xã hội và nhân văn), Thống kê (Khoa Kinh tế), Quy hoạch vùng và đô thị (Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên); CTĐT chất lượng cao gồm: Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật điện, điện tử, Kỹ thuật điều khiển tự động (Khoa Công nghệ), Ngôn ngữ Anh (Khoa Ngoại ngữ), Công nghệ thực phẩm (Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng), Tài chính – ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Khoa Kinh tế).

1.9. Quan tâm tổ chức tốt việc đào tạo bồi dưỡng kiến thức cho học sinh thuộc diện cử tuyển, xét tuyển thẳng và đào tạo nguồn nhân lực cho Tây Nam Bộ.

1.10. Củng cố và phát huy hoạt động của các Tổ học phần giáo dục đại cương. Thành lập thêm các tổ học phần được tổ chức giảng dạy chung cho nhiều ngành đào tạo.

1.11. Tổ chức tốt việc xét tốt nghiệp và Lễ trao bằng tốt nghiệp.

1.12. Tăng cường bổ sung, xuất bản giáo trình và tài liệu phục vụ việc giảng dạy, học tập và NCKH của viên chức và SV. Tiếp tục triển khai và ứng dụng hệ thống E-learning trong giảng dạy, viết tài liệu hướng dẫn học tập và quay đĩa hình đĩa riêng của các ngành mới. Cuối năm 2017, sẽ triển khai thí điểm dạy trực tuyến cho hệ đào tạo từ xa.

2. Công tác đảm bảo chất lượng

2.1. Hoàn thành công tác thẩm định báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục; tiếp tục công tác đánh giá ngoài chất lượng cơ sở giáo dục do Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia TP.HCM thực hiện.

2.2. Thực hiện công tác kiểm định chất lượng quốc tế theo tiêu chuẩn AUN-QA đối với chương trình Kinh doanh quốc tế và chương trình Công nghệ thông tin (dự kiến thời gian đánh giá ngoài là trong tháng 05/2018).

2.3. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm định nội bộ đối với 06 CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA trong năm 2017; triển khai công tác kiểm định nội bộ chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA trong năm 2018; Khoa Công nghệ và Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông xây dựng báo cáo tự đánh giá chương trình theo tiêu chuẩn ABET theo yêu cầu của Thỏa thuận hợp tác giữa Đại học Cần Thơ và Đại học Bang Arizona, Hoa Kỳ (dự án HEEAP).

2.4. Tiếp tục thực hiện công tác lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên; lấy ý kiến học viên về CTĐT, hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động/dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường; lấy ý kiến các bên liên quan phục vụ công tác phát triển các CTĐT trình độ đại học và thạc sĩ theo yêu cầu của Trường; khảo sát ý kiến của GV về hoạt động phục vụ và hỗ trợ của các tổ chức quản lý của Trường; lấy ý kiến SV về hoạt động thực tập thực tế tại doanh nghiệp; lấy ý kiến SV (chuẩn bị) tốt nghiệp về CTĐT và các hoạt động/dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường; ý kiến của SV về công tác Cố vấn học tập; khảo sát tình hình việc làm của SVTN.

2.5. Tham gia các hoạt động ĐBCL trong khuôn khổ hoạt động của AUN; thực hiện trao đổi tín chỉ giữa các Trường đại học của AUN; tiếp tục cử viên chức tham dự các khóa tập huấn của AUN về đánh giá CTĐT và cơ sở giáo dục.

2.6. Tiếp tục thực hiện dự án Quản lý chất lượng tại các cơ sở giáo dục đại học phức hợp (ComO-QM) thuộc chương trình DIES-Partnerships với các trường đối tác là Đại học Kinh tế TPHCM, Đại học Potsdam (Đức) và Đại học Mainz (Đức) trong giai đoạn 2017-2018.

2.7. Tăng cường năng lực đội ngũ làm công tác ĐBCL và KĐCL của Nhà trường.

2.8. Thực hiện cải tiến chất lượng đối với các chương trình đào tạo đã được kiểm định chất lượng nội bộ.

III. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CGCN VÀ XUẤT BẢN

1. Nhiệm vụ KH&CN các cấp

1.1. Tiếp tục triển khai nhiệm vụ KH&CN theo 5 lĩnh vực NCKH ưu tiên. Năm học 2017-2018, nhà trường sẽ tiếp tục tuyển chọn đề tài NCKH cơ sở theo các chủ đề nghiên cứu của 5 lĩnh vực NCKH ưu tiên và đề tài cấp nhà nước, chương trình KH&CN Tây Nam Bộ, bộ ngành theo đặt hàng.

1.2. Triển khai thực hiện các đề tài NCKH trong năm học 2017-2018 được phê duyệt (dự kiến có 250 đề tài cấp cơ sở, 04 đề tài NAFOSTED, 25 đề tài cấp nhà nước, bộ ngành, 30 đề tài NCKH hợp tác với địa phương/doanh nghiệp, 20 đề tài, dự án, chương trình NCKH hợp tác quốc tế.

1.3. Thực hiện công tác sơ kết và tổng kết hợp tác với: UBND tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre và với các viện trường. Tăng cường mối quan hệ với các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Tiền Giang, Long An, Kiên Giang và Trà Vinh tiến tới ký kết hợp tác toàn diện về đào tạo, NCKH và CGCN.

1.4. Tiếp tục mở rộng hợp tác đào tạo, NCKH và CGCN với các tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, Tây nguyên và miền Trung (Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Đăk Nông, Kontum, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Ninh Thuận, Bình Thuận).

1.5. Tổ chức Hội thảo cấp vùng và quốc gia về sử dụng đất đai bền vững và công nghệ thông tin; hội nghị khoa trẻ trường Đại học Cần Thơ 2018.

1.6. Tham dự Hội nghị khoa học tổng kết hoạt động NCKH & CGCN của hiệp hội các viện trường và hội thảo CLB các trường đại học kỹ thuật lần thứ 51 và 52.

2. Công tác sở hữu trí tuệ và thông tin, sự kiện KH&CN

2.1. Hoàn thành và đưa vào sử dụng trong hệ thống thông tin tích hợp của Trường các module phần mềm: quản lý báo cáo khoa học (seminar) và quản lý Lý lịch khoa học. Mở rộng, cập nhật các thông tin, thông báo liên quan đến nhiệm vụ KH&CN các cấp phục vụ hiệu quả cho việc tham gia tuyển chọn các nhiệm vụ KH&CN của bộ ngành và nhà nước.

2.2. Cập nhật các chính sách, qui định, qui trình trong công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN và SHTT. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đăng ký xác lập quyền SHTT các công trình đặc thù và có tính thương mại hoá cao.

2.3. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Trường Đại học Cần Thơ phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội vùng ĐBSCL phù hợp với định hướng phát triển của Trường.

3. Công tác xuất bản

3.1. Tiếp tục nâng cao chất lượng xuất bản tạp chí khoa học của Trường, đặc biệt là xuất bản tạp chí tiếng Anh; tiếp tục đăng ký mã số DOI cho các bài báo được xuất bản; duy trì xuất bản Báo cáo thường niên và Bản tin định kỳ của Trường; chuẩn bị các điều kiện, thủ tục cần thiết để đăng ký Tạp chí khoa học của Trường (ưu tiên tiếng Anh) tham gia vào Hệ thống Chỉ số trích dẫn Việt Nam (VCI) và/hoặc Hệ thống Chỉ số trích dẫn Đông Nam Á (ACI).

3.2. Tiếp tục cải tiến xuất bản tạp chí khoa học của Trường, chú trọng xuất bản tạp chí tiếng Anh; triển khai đăng ký mã số DOI cho các bài báo của tạp chí; duy trì xuất bản Báo cáo thường niên và Bản tin định kỳ của Trường.

3.3. Khuyến khích CCVC của Trường tham gia hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo và đăng bài trên các tạp chí khoa học, đặc biệt là các tạp chí và nhà xuất bản quốc tế có uy tín trên thế giới.

IV. XÂY DỰNG TỔ CHỨC, BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CCVC-NLĐ

1. Hoàn thành công tác xây dựng, củng cố về công tác tổ chức, bộ máy và nhân sự lãnh đạo, quản lý các cấp trong Trường theo nhiệm kỳ mới 2017-2022.

2. Hoàn thành việc thành lập Hội đồng trường, xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường theo quy định của Điều lệ trường đại học và hướng dẫn của Bộ.

3. Hoàn thành đề án tự chủ Trường Đại học Cần Thơ và đề án phát triển Khoa Sư phạm thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của vùng.

4. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh hoặc ban hành mới một số quy định của Trường cho phù hợp với việc tự chủ của Trường.

V. CÔNG TÁC SV

1. Tiếp tục thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng SV thông qua các hoạt động như: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Hội thi Olympic các môn Khoa học chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh trong SV toàn Trường, các phong trào tình nguyện hướng đến lợi ích cộng đồng, ...

2. Nâng cao hiệu quả công tác sinh hoạt đầu năm, đầu khóa.

3. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với SV (học bổng, tài trợ, trợ cấp khó khăn, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần SV...).

4. Tăng cường công tác CVHT; đẩy mạnh hoạt động tư vấn - hỗ trợ SV, quan hệ với cơ quan – doanh nghiệp đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ SV.

5. Đẩy mạnh công tác giao lưu quốc tế đối với SV. Tổ chức tốt hoạt động xã hội vì cộng đồng như Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè, Chương trình Tiếp sức mùa thi, Hiến máu tình nguyện.

6. Tăng cường công tác y tế, chăm sóc sức khỏe SV của Trạm Y tế Trường ĐH Cần Thơ (tổ chức khám sức khỏe đầu vào; thực hiện công tác BHYT, BHTNLĐ; chủ động phòng chống dịch bệnh, kiểm tra ATVSTP).

7. Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Trường xây dựng ký túc xá an toàn về ANTT. Tiếp tục cải tiến phương án quản lý KTX Khu A, Khu B, Khu C theo hướng phục vụ và nâng cao hiệu quả quản lý.

VI. CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT và Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật của Nhật Bản.

2. Tiếp tục duy trì và mở rộng thêm quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế có uy tín; đẩy mạnh hợp tác quốc tế ở các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; đặc biệt với các nước láng giềng.

3. Tiếp tục củng cố hoạt động của Trung tâm Hàn Quốc học, tăng cường hợp tác quốc tế với các tổ chức chính phủ - phi chính phủ, các Viện, Trường ở Hàn Quốc.

4. Có chính sách khuyến khích nhằm phát huy tính năng động của cá nhân và đơn vị trong việc kết nối, khai thác có hiệu quả các MOU với các đối tác của Trường. Tăng cường giới thiệu về các chương trình hợp tác quốc tế của Trường đến với cán bộ trẻ và sinh viên của các đơn vị, tạo động lực thúc đẩy cho việc học ngoại ngữ và chuẩn bị nguồn lực cho các chương trình hợp tác sau này.

5. Dựa vào thử nghiệm và vận hành phần mềm quản lý công tác hợp tác quốc tế của Trường, nhằm nâng cao năng lực quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

VII. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, QUẢN TRỊ VÀ THIẾT BỊ

1. Xây dựng cơ bản

1.1. Xây dựng khu học thuật ngoại ngữ tại vườn Bàng khu II; Xây dựng đường vào và mương thoát nước quanh xưởng thực hành khoa công nghệ.

1.2. Sơn sửa mặt tiền nhà điều hành.

1.3. Sử dụng có hiệu quả Ký túc xá SV tỉnh Hậu Giang đặt tại khu Hoà An do tỉnh Hậu Giang tài trợ.

1.4. Tiếp tục theo dõi việc xây dựng công trình Nhà học khoa phát triển nông thôn đặt tại khu Hoà An do tỉnh Hậu Giang tài trợ. hoàn thành công tác sửa chữa kí túc xá sinh viên Hậu Giang đặt tại Khu II

1.5. Tiếp tục theo dõi thi công giai đoạn 2 Dự án khu nhà ở, đất ở của cán bộ giáo viên Trường Đại học Cần Thơ

1.6. Tiếp tục liên hệ với Bộ GD&ĐT đẩy nhanh công tác quyết toán công trình đã hoàn thành.

2. Công tác quản trị

2.1. Tiếp tục thực hiện kế hoạch sửa chữa thường xuyên, xây dựng, cải tạo, mở rộng công trình (tiếp tục cải tạo, sửa chữa các nhà học, nhà làm việc các đơn vị, các dãy nhà còn lại tại KTX khu A; Hoàn thành hàng rào khu Hòa An, hàng rào khu Bùng Bình, hoàn thiện dàn vỉa hè đi bộ tại khu II,...) theo kế hoạch phê duyệt.

2.2. Thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, chống sét và bão cháy; Thực hiện tốt chăm sóc cây xanh thảm cỏ, vệ sinh môi trường... Tăng cường kiểm tra việc sử dụng điện, nước trong Trường, mở rộng việc khoán điện, nước đối với các đơn vị đủ điều kiện.

2.3. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong Trường thực hiện có hiệu quả công tác cải tạo, sửa chữa công trình từ tất cả các nguồn vốn đã được phê duyệt.

2.4. Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các nhà học; Theo dõi, phục vụ tốt kế hoạch giảng dạy năm 2017-2018 và tổng kiểm tra sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các nhà học cuối mỗi học kỳ.

3. Công tác Thiết bị

3.1. Triển khai tốt công tác mua sắm, sửa chữa trang thiết bị theo kế hoạch được phê duyệt. Thực hiện tốt công tác thu hồi tài sản đề nghị thanh lý của các đơn vị; xử lý kịp thời các tài sản thuộc diện thanh lý theo quy định.

3.2. Triển khai công tác trang bị an toàn-BHLĐ; Phối hợp kiểm tra công tác an toàn lao động-PCCC các đơn vị, xây dựng phương án chữa cháy tại chỗ, lập kế hoạch sửa chữa, bố trí lại trang thiết bị PCCC, kế hoạch tập huấn nghiệp vụ PCCC và diễn tập phương án PCCC.

3.3. Hoàn thành xử lý tài sản của các chương trình, dự án đã kết thúc theo quy định.

3.4. Hiệu chỉnh, hoàn thiện phần mềm quản lý tài sản, thực hiện kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị đã được đầu tư và việc quản lý tài sản tại các đơn vị theo quy định, quy trình quản lý đã ban hành.

VIII. CÁC CÔNG TÁC KHÁC

1. Công tác tài chính

1.1. Tiếp tục cân đối ngân sách đảm bảo chi tiêu, có tích lũy để đáp ứng các điều kiện tài chính của Trường.

1.2. Tập trung nguồn quỹ phát triển sự nghiệp để đối ứng vốn cho Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT theo đúng kế hoạch.

2. Sản xuất - dịch vụ

2.1. Tập trung khắc phục những tồn tại của các đơn vị SX-DV mà Đoàn kiểm tra Báo cáo tài chính đã nêu.

2.2. Quản lý tốt hoạt động dịch vụ trong Trường đặc biệt là bãi xe, cảng tin...

2.3. Triển khai khai thác hiệu quả các hoạt động SX-DV, CGCN tại Măng Đen (25ha), Nông trường Cờ Đỏ thành phố Cần Thơ (10ha, làm trại chăn nuôi, trồng trọt công nghệ cao), Trại Vĩnh châu, Trung tâm Ứng dụng Thủy sản công nghệ cao tại khu đất Bùng Bình.

2.4. Tăng cường hợp tác, quảng bá các hoạt động SX-DV, CGCN của Trường đến địa phương và doanh nghiệp.

3. Hoạt động thông tin, thư viện

3.1. Tiếp tục tăng cường hợp tác với các thư viện trong và ngoài nước trong để trao đổi chuyên môn và tài liệu, nhất là hợp tác với thư viện trường Đại học Alberta Canada và các thư viện trong hệ thống AUN.

3.2. Hoàn thiện nâng cấp phần mềm quản lý thư viện tích hợp ILIB đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa thư viện. Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ RFID để hiện đại hóa tổ chức quản lý và phục vụ bạn đọc khai thác tự động bộ sưu tập tài liệu in ấn.

3.3. Tiếp tục phát triển vốn tài liệu có chất lượng chuyên môn sâu, đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ cho cán bộ và sinh viên trong Trường.

3.4. Tiếp tục điều chỉnh hoàn thiện tất cả quy trình công tác quản lý chuyên môn của TTHL đối với từng nhiệm vụ công tác phù hợp với thực tiễn. Tiếp tục điều chỉnh chính sách phục vụ bạn đọc được khoa học đáp ứng thực tiễn, tạo sự thoải mái cho bạn đọc./. *Lowy*

HỘI TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu PKHTH.



Hà Thanh Toàn

Phụ lục 1

**DANH MỤC VÀ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NCKH
HỢP TÁC VỚI ĐỊA PHƯƠNG/ DOANH NGHIỆP NĂM HỌC 2016 - 2017**

STT	Tên đề tài, dự án, đề án	Thời gian thực hiện	Kinh phí (đồng)	Đơn vị thực hiện
1.	Đánh giá tác động của hệ thống kiểm soát lũ đồi với sức sản xuất của đất và khả năng chịu tải của nguồn nước phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững	03/2013-02/2016	1.591.420.000	Khoa Môi trường và TNTN
2.	Cải thiện giống lúa chịu mặn, năng suất chất lượng cao tại tỉnh Cà Mau	04/2013-03/2016	800.302.000	Khoa Nông nghiệp và SHUD
3.	Tuyên chọn các vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học nhằm kiểm soát bệnh cháy lá, đóm vàn và cháy bìa lá trên lúa vùng ĐBSCL	07/2013-07/2015	564.669.000	Khoa Nông nghiệp và SHUD
4.	Đánh giá tổn thương tài nguyên đất của tỉnh An Giang và đề xuất giải pháp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai	11/2014-05/2016	1.143.885.000	Khoa Môi trường và TNTN
5.	Thực trạng và giải pháp nâng cao năng suất các yếu tố tổng hợp TFP trong tăng trưởng kinh tế tỉnh Kiên Giang	05/2014-10/2015	469.249.000	Khoa Kinh tế
6.	Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình sản xuất chanh đạt chứng nhận VietGAP tại huyện Cao Lãnh và Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	01/2014-12/2016	955.312.000	Khoa Nông nghiệp và SHUD
7.	Nghiên cứu biện pháp canh tác giảm thiểu thiệt hại sản xuất lúa ở vùng xâm nhập mặn tại Hậu Giang	02/2014-01/2016	382.510.000	Khoa Nông nghiệp và SHUD
8.	Hoàn thiện công nghệ chế biến sản phẩm từ cá lóc (chả cá, chà bông cá và khô cá) và thử nghiệm sản xuất quy mô doanh nghiệp vừa và nhỏ	08/2014-01/2016	787.053.000	Khoa Nông nghiệp và SHUD
9.	Nghiên cứu xây dựng mô hình nông nghiệp đô thị tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	08/2012-07/2015	638.180.000	Khoa Phát triển nông thôn
10.	Đánh giá tác động của trồng cây keo lai đến nguồn lợi cá đồng và	12/2014-12/2016	607.320.800	Khoa Môi trường và TNTN

STT	Tên đề tài, dự án, đề án	Thời gian thực hiện	Kinh phí (đồng)	Đơn vị thực hiện
	mật ong trong khu vực rừng U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau			
11.	Nghiên cứu và chuyển giao các quy trình phòng trị bệnh trên cá b López (Rachycentron canadum Linnaeus, 1766) và cá mú (Epinephelus spp)	01/2014-6/2016	442.970.000	Khoa thủy sản
12.	Phát triển các dòng vi sinh vật bản địa có lợi trong đất cho việc ứng dụng các mô hình luân canh bền vững trên đất phèn tỉnh Hậu Giang	02/2014-02/2016	545.780.000	Khoa Nông nghiệp và SHUD
13.	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý, theo dõi và đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ	11/2014-11/2016	544.920.000	Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Dịch vụ
14.	Chọn lọc các giống đậu nành mới tại tỉnh Vĩnh Long	01/2015-11/2016	388.900.000	Khoa Nông nghiệp và SHUD
15.	Hỗ trợ công nhận và phát triển sản xuất giống lúa cộng đồng	01/2015-12/2017	1.092.237.000	Viện NC&PT DBSCL
16.	Xây dựng mô hình làng hoa kiểng thành phố Cần Thơ phục vụ du lịch	03/2015-09/2016	485.622.000	Khoa Nông nghiệp và SHUD
17.	Chế biến và bảo quản sản phẩm có hoạt động của nước (aw) thấp từ nguyên liệu cá lóc nuôi của tỉnh Vĩnh Long	06/2015-05/2017	577.297.000	Khoa Nông nghiệp và SHUD
18.	Nghiên cứu công nghệ bảo quản khoai lang tươi và chế biến đa dạng sản phẩm từ khoai lang ở tỉnh Vĩnh Long	06/2015-11/2016	651.680.000	Khoa Nông nghiệp và SHUD
19.	Giải pháp đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Cà Mau	03/2016-06/2017	318.850.000	Khoa Kinh tế
Tổng cộng			12.988.156.800	

Phụ lục 2

**DANH MỤC VÀ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI NCKH CẤP NHÀ NƯỚC VÀ CẤP BỘ
ĐÃ ĐƯỢC NGHIỆM THU NĂM 2016 – ĐẾN 8/2017**

Năm	Tên đề tài, dự án, đề án	Cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Kết quả đánh giá
2016	Cấp Bộ				
1.	Giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ muối của diêm dân ở vùng biển Đồng bằng sông Cửu Long	Cấp Bộ	2013-2016	K. SĐH	Tốt
2.	Giải pháp phát triển thương hiệu sản phẩm cây ăn trái có múi tại Đồng bằng sông Cửu Long	Cấp Bộ	2013-2016	K.KT	Tốt
3.	Nghiên cứu chọn tạo giống mè (<i>Sesamum indicum L.</i>) chống chịu mặn cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Cấp Bộ	2013-2016	K.NN&SHUD	Tốt
4.	Nghiên cứu tác động của cá lau kính (<i>Pterygoplichthys disjunctivus</i>) đến đa dạng sinh học thuỷ sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất giải pháp giảm thiểu.	Cấp Bộ	2013-2016	K.TS	Tốt
5.	Chọn lọc các dòng gà Nòi có khả năng sinh sản cao tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long bằng ứng dụng chỉ thị phân tử	Cấp Bộ	2013-2016	K.NN&SHUD	Xuất sắc
6.	Nghiên cứu quy trình nhân giống và nuôi sinh khối hai loài giáp xác chân chèo <i>Schmackeria dubia</i> và <i>Apocyclops dengizicus</i>	Cấp Bộ	2013-2016	K.TS	Tốt
7.	Nghiên cứu bệnh xuất huyết trên cá Bống kèo (<i>Pseudapocryptes lanceolatus</i>) nuôi thương phẩm và đề xuất giải pháp phòng, trị.	Cấp Bộ	2013-2016	K.TS	Xuất sắc
8.	Nghiên cứu phân lập các chủng vi khuẩn đối kháng trong đất đối với vi khuẩn <i>Xanthomonas oryzae</i> pv <i>oryzae</i> để phòng trừ bệnh bạc lá lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long.	Cấp Bộ	2013-2016	V.NC&PT CNSH	Xuất sắc
9.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp tự động chuyển bản tin thời sự đài truyền hình sang ngôn ngữ dấu hiệu dành cho người khiếm thính	Cấp Bộ	2013-2016	K.CN	Tốt
2017	Cấp Nhà nước				
10.	Hợp tác nghiên cứu về đa dạng di truyền và ứng dụng vi sinh vật chịu nhiệt hữu ích định hướng trong công nghệ lên men công nghiệp	Cấp NN	2014-2017	V.NC&PT CNSH	Đạt
	Cấp Bộ				
11.	Phát triển năng lực nghiên cứu về khoa học giáo dục của các trường, khoa sư phạm vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Cấp Bộ	2013-2016	K.SP	Đạt

12.	Phát triển thị trường tiêu thụ cá thịt trong mô hình luân canh lúa - cá vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	Cấp Bộ	2013-2016	K.PTNT	Đạt
13.	B2014-16-34: Nghiên cứu giải pháp công nghệ nâng cao hàm lượng GABA (γ -amino butyric acid) trong sản xuất gạo nảy mầm và đa dạng hóa các sản phẩm thực phẩm từ gạo mầm	Cấp Bộ	2014-2017	K.NN&SHUĐ	Đạt
14.	B2014-16-35: Ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám trong đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp và nghiên cứu các biện pháp thích ứng cho cộng đồng vùng ven biển	Cấp Bộ	2014-2017	K.MT&TN TN	Đạt
15.	B2014-16-36: Nghiên cứu khả năng sử dụng hỗn hợp chất chiết từ một số loài rong nâu (Phaeophyta) làm chất bổ sung giúp tăng trưởng và phòng bệnh nhiễm khuẩn cho tôm sú, tôm chân trắng, cá tra nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long	Cấp Bộ	2014-2017	K.TS	Xuất sắc
16.	B2014-16-37: Nghiên cứu thành phần loài và đặc điểm sinh học của các loài cá bống họ Eleotridae phân bố trên sông Hậu và sông Tiền	Cấp Bộ	2014-2017	K.TS	Đạt
17.	B2014-16-38: Nghiên cứu bệnh do nấm bậc thấp gây ra trên cá tra và cá rô phi nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long và biện pháp phòng trị	Cấp Bộ	2014-2017	K.TS	Đạt
18.	B2014-16-39: Ứng dụng hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp (DRIS) trong bón phân cân đối cho cây bắp lai ở Đồng bằng sông Cửu Long	Cấp Bộ	2014-2017	K.NN&SHUĐ	Đạt
19.	B2014-16-40: Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi khuẩn chịu mặn làm tăng năng suất lúa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Cấp Bộ	2014-2017	K.NN&SHUĐ	Đạt
20.	B2014-16-41: Ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn lọc và phục tráng các dòng chim cút có năng suất sinh sản cao tại Đồng bằng sông Cửu Long	Cấp Bộ	2014-2017	K.NN&SHUĐ	Đạt
21.	B2014-16-44: Hoạt động xuất khẩu của các công ty đa quốc gia tại Việt Nam và giải pháp tăng cường liên kết với khu vực doanh nghiệp trong nước	Cấp Bộ	2014-2017	K.KT	Đạt
22.	B2014-16-45: Phát triển dịch vụ bảo hiểm cây lúa phục vụ hộ trồng lúa tại ĐBSCL	Cấp Bộ	2014-2017	K.KT	Đạt

Phụ lục 3

**DANH MỤC VÀ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI NCKH CẤP CƠ SỞ
ĐÃ ĐƯỢC NGHIỆM THU TỪ 8/2016 – ĐẾN 7/2017**

TT	Mã số, Tên đề tài	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)	Kết quả đánh giá
	Đề tài cấp cơ sở do cán bộ thực hiện			
1.	T2015-12: Hệ thống giám sát và tự động cân bằng áp lực cho các tuyến cung cấp nước sinh hoạt	Khoa Công nghệ	25.000.000	Tốt
2.	T2015-14: Nghiên cứu ứng dụng mô hình tồn kho do nhà cung cấp quản lý-mô hình VMI (Vendor Managed Inventory) cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Khoa Công nghệ	15.000.000	Khá
3.	T2015-18: Ứng dụng ngôn ngữ lập trình AutoLisp trong việc lập trình chương trình tự động vẽ bản vẽ 3D kiến trúc công trình cầu giao thông	Khoa Công nghệ	20.000.000	Khá
4.	T2015-38: Nghiên cứu tổng hợp các dẫn xuất mới của 1,2,3-triazole từ vanillin	Khoa Khoa học Tự nhiên	20.000.000	Tốt
5.	T2015-39: Nghiên cứu trạng thái điện tử và phổ hấp thụ của các chấm lượng tử có hình dạng khác nhau bằng phương pháp mô phỏng	Khoa Khoa học Tự nhiên	12.000.000	Tốt
6.	T2015-49: Khảo sát tư liệu Hán Nôm về lĩnh vực phong tục và tín ngưỡng	Khoa Khoa học XH&NV	25.000.000	Tốt
7.	T2015-51: Phân tích hiệu quả kinh tế của các hình thức sử dụng trầu ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	Khoa Kinh tế	30.000.000	Tốt
8.	T2015-55: Đánh giá nhanh tổng hợp tính tồn thương và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu tại các vùng ven biển tỉnh Bạc Liêu	Khoa Môi trường và TNTN	29.000.000	Đạt
9.	T2015-56: Khả năng phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị trong phát triển tài nguyên đất đai bền vững ở DBSCL (trường hợp nghiên cứu tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ)	Khoa Môi trường và TNTN	29.000.000	Tốt
10.	T2015-75: Ảnh hưởng của một số loại biochar khác nhau đến phát thải N2O trên đất vườn cây ăn trái và đất phù sa trồng lúa	Khoa Nông nghiệp và SHUD	29.000.000	Khá
11.	T2015-88: Sử dụng các lí thuyết Didactic vào dạy học toán cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học	Khoa Sư Phạm	25.000.000	Tốt
12.	T2015-93: Vận dụng mô hình nghiên cứu bài học vào học phần tập giảng cho sinh viên ngành sư phạm Tiểu học	Khoa Sư Phạm	25.000.000	Tốt
13.	T2015-94: Tính tron của nghiệm suy rộng của bài toán biên ban đầu thứ hai đối với phương trình Schrodinger cấp hai trong hình trụ vô hạn với đáy chứa điểm nón	Khoa Sư Phạm	25.000.000	Khá
14.	T2015-97: Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng của cá cóc (Cyclocheilichthys enoplos Bleeker, 1850) giai đoạn cá bột đến cá giống	Khoa Thủy Sản	25.000.000	Tốt

TT	Mã số, Tên đề tài	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)	Kết quả đánh giá
15.	T2015-101: Phân lập và định danh vi khuẩn đối kháng với nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên ót	Viện NC&PT CNSH	30.000.000	Tốt
16.	T2015-109: Lịch sử Trường Đại học Cần Thơ từ năm 2000 đến năm 2015	Khoa Sư Phạm	50.000.000	Tốt
17.	T2016-02: Cải tiến chương trình giáo dục thể chất tự chọn góp phần nâng cao thể chất cho sinh viên không chuyên khóa 40 tại trường Đại học Cần Thơ	Bộ môn Giáo dục Thể chất	21.000.000	Xuất sắc
18.	T2016-07: Nghiên cứu và thiết kế mô hình ứng dụng sóng siêu âm làm giảm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật còn tồn đọng trong nông sản sau khi thu hoạch	Khoa Công Nghệ	20.000.000	Tốt
19.	T2016-09: Nghiên cứu và thiết kế giải thuật điều khiển và xử lý thông tin dùng cho thiết bị scan 3D (chụp ảnh vật thể ba chiều)	Khoa Công Nghệ	17.000.000	Tốt
20.	T2016-10: Nghiên cứu thiết kế mô hình thiết bị hỗ trợ lau cửa kính	Khoa Công Nghệ	17.000.000	Tốt
21.	T2016-11: Phát triển thư viện Matlab/ Simulink cho Vi điều khiển ARM Cortex-M4	Khoa Công Nghệ	20.000.000	Tốt
22.	T2016-12: Nghiên cứu, thiết kế thiết bị định vị động thời gian thực sử dụng hệ thống vệ tinh GPS và GLONASS	Khoa Công Nghệ	20.000.000	Xuất sắc
23.	T2016-15: Ảnh hưởng khai thác nước dưới đất đến sụt lún đất	Khoa Công Nghệ	27.000.000	Tốt
24.	T2016-17: Máy thắt bím lác sợi phục vụ ngành sản xuất thủ công mỹ nghệ	Khoa Công Nghệ	20.000.000	Tốt
25.	T2016-18: Nghiên cứu sự phân bố tải trọng của cọc trong móng bè – cọc bằng phương pháp PDR (Poulos – David – Randolph) và phương pháp phân tử hữu hạn ở điều kiện đất Cần Thơ	Khoa Công Nghệ	18.000.000	Tốt
26.	T2016-21: Xây dựng mô hình mô phỏng dự báo phát triển đô thị	Khoa Công nghệ Thông tin và TT	18.000.000	Tốt
27.	T2016-24: Khảo sát thực trạng nhận thức của sinh viên Trường đại học Cần Thơ về âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam	Khoa Khoa học Chính trị	30.000.000	Khá
28.	T2016-25: Nghiên cứu các định lý giới hạn cho quá trình ngẫu nhiên dừng	Khoa Khoa học Tự nhiên	19.000.000	Xuất sắc
29.	T2016-26: Sàng lọc cây thuốc có khả năng kháng đồng tau protein gây bệnh Alzheimer In Vitro	Khoa Khoa học Tự nhiên	28.000.000	Tốt
30.	T2016-28: Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính kháng oxy hóa, kháng nấm của cây Bạc đầu ông (Vernonia cinerea) họ Cúc (Asteraceae)	Khoa Khoa học Tự nhiên	28.000.000	Tốt
31.	T2016-31: Phân tích thống kê các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Trường đại học Cần Thơ	Khoa Khoa học Tự nhiên	29.000.000	Xuất sắc

TT	Mã số, Tên đề tài	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)	Kết quả đánh giá
32.	T2016-32: An ninh lương thực - Cấp hộ gia đình vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Khoa Khoa học XH&NV	20.000.000	Xuất sắc
33.	T2016-33: Nhu cầu và mức độ đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Bến Tre	Khoa Khoa học XH&NV	29.000.000	Xuất sắc
34.	T2016-34: Phân tích thị hiếu khách du lịch và một số đề xuất đối với sự phát triển của chợ nổi Cái Răng	Khoa Kinh Tế	20.000.000	Tốt
35.	T2016-36: Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong giảng dạy và nghiên cứu kinh tế	Khoa Kinh Tế	20.000.000	Tốt
36.	T2016-37: Ứng dụng công cụ quản trị tinh gọn để nâng cao hiệu quả làm việc tại các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Cần Thơ	Khoa Kinh Tế	20.000.000	Tốt
37.	T2016-39: Nghiên cứu đẩy mạnh việc gắn kết môn học kế toán quản trị vào thực tế tại các doanh nghiệp ở Cần Thơ	Khoa Kinh Tế	20.000.000	Tốt
38.	T2016-40: Vai trò của chương trình đào tạo kinh tế đối với việc nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên: sự tự tin và dám đối đầu với thử thách - Bằng chứng từ thực nghiệm hành vi	Khoa Kinh Tế	20.000.000	Xuất sắc
39.	T2016-41: Xây dựng đường tần suất cường độ mưa và thời gian mưa IDF (Intensity, Duration, Frequency) – Nghiên cứu thí điểm ở Đồng bằng sông Cửu Long	Khoa Môi trường và TNTN	27.000.000	Tốt
40.	T2016-45: Nghiên cứu đánh giá hiệu quả xử lý dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nước bìng mô hình đất ngập nước nhân tạo	Khoa Môi trường và TNTN	28.000.000	Khá
41.	T2016-49: Hiệu quả của mô hình đào tạo tiếng Anh có ứng dụng dạy-học dự án trong chương trình đào tạo ngành sư phạm tiếng Anh	Khoa Ngoại Ngữ	24.000.000	Tốt
42.	T2016-50: Tìm hiểu thực trạng và đề xuất giải pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học cho giảng viên tiếng Anh tại Trường Đại học Cần Thơ	Khoa Ngoại Ngữ	29.000.000	Tốt
43.	T2016-51: Ảnh hưởng của nồng độ và thời gian xử lí phenylalanine lên sự sinh trưởng, năng suất và thành phần curcumin trên nghệ	Khoa Nông nghiệp và SHUD	30.000.000	Tốt
44.	T2016-52: Khảo sát gen bla CTX-M, bla TEM và bla SHV trên Escherichia coli sinh beta-lactamase phổ rộng phân lập từ gà bệnh ở tỉnh Vĩnh Long	Khoa Nông nghiệp và SHUD	30.000.000	Tốt
45.	T2016-55: Chế biến bột đậu nành nảy mầm	Khoa Nông nghiệp và SHUD	30.000.000	Tốt
46.	T2016-57: Khảo sát khả năng phòng trị của xạ khuẩn đối với nấm Colletotrichum spp. gây bệnh thán thư hại sen	Khoa Nông nghiệp và SHUD	30.000.000	Tốt
47.	T2016-60: Nghiên cứu và kiểm soát tiến trình chế biến sản phẩm tỏi lên men lactic với hàm lượng cao các chất có hoạt tính sinh học	Khoa Nông nghiệp và SHUD	30.000.000	Tốt

TT	Mã số, Tên đề tài	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)	Kết quả đánh giá
48.	T2016-64: Nghiên cứu ảnh hưởng của hexaconazole đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng củ của một số giống khoai lang tím (<i>Ipomoea batatas</i> (L.) Lam).	Khoa Nông nghiệp và SHUD	30.000.000	Tốt
49.	T2016-67: Vai trò của canxi trong hạn chế nứt trái chôm chôm Rongrien	Khoa Nông nghiệp và SHUD	30.000.000	Tốt
50.	T2016-68: Xác định hằng số sinh hóa glycosylated hemoglobin (HbA1c) và insulin trong máu của chó	Khoa Nông nghiệp và SHUD	30.000.000	Tốt
51.	T2016-69: Xây dựng một số tiêu bản (Monoliths) phẫu diện các nhóm đất chính (Gleysols và Fluvisols) ở DBSCL	Khoa Nông nghiệp và SHUD	29.000.000	Tốt
52.	T2016-70: Đánh giá khả năng chống chịu bệnh, sự sinh trưởng, ổn định năng suất và chất lượng ớt ghép trong điều kiện ngoài đồng	Khoa Nông nghiệp và SHUD	30.000.000	Tốt
53.	T2016-73: Đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường và rủi ro của mô hình chuyển đổi từ mía sang tôm tại tỉnh Sóc Trăng và Hậu Giang	Khoa Phát triển Nông thôn	20.000.000	Tốt
54.	T2016-75: Đặc điểm hình thái và sinh học sinh sản của cá bống mít <i>Stigmatogobius pleurostigma</i> (Bleeker, 1849)	Khoa Sư Phạm	15.000.000	Tốt
55.	T2016-76: Điều tra đa dạng loài và đặc điểm phân bố của giun đất ở một số đảo phía Tây của Đồng Bằng Sông Cửu Long	Khoa Sư Phạm	29.000.000	Tốt
56.	T2016-77: Việc nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực trong văn học ở Việt Nam	Khoa Sư Phạm	25.000.000	Xuất sắc
57.	T2016-79: Xây dựng các bài thực hành sinh lý động vật đáp ứng nhu cầu đổi mới chương trình dạy và học bậc đại học và trung học phổ thông	Khoa Sư Phạm	23.000.000	Tốt
58.	T2016-80: Nghiên cứu bài toán ngược của bài toán xác định vị trí	Khoa Sư Phạm	19.000.000	Xuất sắc
59.	T2016-81: Tính nửa liên tục và liên tục của nghiệm bài toán tối ưu sắp thứ tự theo nón từ điển và các dạng mở rộng	Khoa Sư Phạm	19.000.000	Xuất sắc
60.	T2016-85: Nghiên cứu thành phần loài và đặc điểm phân bố của nhện (Araneae) ở Núi Cấm, An Giang	Khoa Sư Phạm	28.000.000	Tốt
61.	T2016-86: Dạy tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường trung học phổ thông – khó khăn và giải pháp	Khoa Sư Phạm	24.000.000	Tốt
62.	T2016-92: Nghiên cứu nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc với cường độ và chu kỳ chiếu sáng khác nhau	Khoa Thủy Sản	15.000.000	Xuất sắc

TT	Mã số, Tên đề tài	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)	Kết quả đánh giá
63.	T2016-96: Tồn lưu kháng sinh amoxicillin trên cá rô phi đỏ (<i>Oreochromis sp.</i>) nuôi bè	Khoa Thủy Sản	15.000.000	Tốt
64.	T2016-98: Xác định độc lực và gen độc lực vi khuẩn <i>Streptococcus spp.</i> gây bệnh đen thân trên cá rô đồng (<i>Anabas testudineus</i>)	Khoa Thủy Sản	16.000.000	Khá
65.	T2016-99: Cải thiện tính chất nhựa nền cho vật liệu composite từ mủn dừa	Phòng Đào Tạo	30.000.000	Tốt
66.	T2016-100: Nghiên cứu nhu cầu học tập từ xa của người lao động ở khu vực ĐBSCL	Phòng Tài vụ	25.000.000	Tốt
67.	T2016-103: Giải pháp nâng cao năng suất lao động nông nghiệp của hộ gia đình tại vùng sinh thái ngọt tỉnh Bạc Liêu	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	20.000.000	Tốt
68.	T2016-104: Đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ và thời điểm thu hoạch đến đặc tính bạc bụng của giống lúa	Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	30.000.000	Tốt
69.	T2016-105: Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn đối kháng với nấm <i>Colletotrichum sp.</i> gây bệnh thán thư trên cây hành lá	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	30.000.000	Tốt
70.	T2016-106: Ứng dụng dấu phân tử để khảo sát quần thể lai hồi giao lúa thơm kháng rầy nâu (<i>Nilaparvata lugenes Stal</i>)	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	30.000.000	Xuất sắc
71.	TCN2016-37: Nghiên cứu cấu trúc và sự tương tác của oxaliplatin với guanine và adenine bằng lý thuyết phím hàm mật độ	Khoa Khoa học Tự nhiên	1.234	Tốt
72.	TCN2016-40: Động lực học tập: Trường hợp của sinh viên Kinh tế trường Đại học Cần Thơ	Khoa Kinh tế	1.133	Tốt
73.	TCN2016-41: Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá và phân loại kỹ năng thực hành cho nam sinh viên chuyên sâu bóng chuyền nghành giáo dục thể chất trường Đại học Cần Thơ	Bộ môn Giáo dục Thể chất	12.345	Tốt
74.	TCN2016-42: Lập trình tính toán kết cấu Bê-Tông cốt thép theo TCVN 5574:2012	Khoa Công nghệ	1.124	Khá
75.	TCN2016-43: Nghiên cứu sử dụng Chitosan để lắng Tảo làm thức ăn cho động vật thân mềm	Khoa Thủy sản	1.234	Xuất sắc
76.	TCN2017-01: Tình hình biên soạn tài liệu Ngữ văn địa phương ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	Khoa Sư phạm	2.725.000	Tốt
77.	TCN2017-02: Nghiên cứu sử dụng cà rốt (<i>Daucus carota</i>) bổ sung và thay thế thức ăn viên trong nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc	Khoa Thủy sản	2.725.000	Tốt
78.	TCN2017-03: Nghiên cứu xây dựng phần mềm thực hiện quy trình quản lý viên chức và người lao động đi học tập, công tác ở nước ngoài	Phòng Tổ chức Cán bộ	2.725.000	Tốt
79.	TCN2017-04: Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý quy trình thực hiện chế độ ưu đãi với viên chức và người lao động tại Trường Đại học Cần Thơ	Phòng Tổ chức Cán bộ	2.725.000	Tốt

TT	Mã số, Tên đề tài	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)	Kết quả đánh giá
80.	TCN2017-05: Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý quy trình xét nâng bậc lương đối với công chức, viên chức và người lao động tại Trường Đại học Cần Thơ	Phòng Tổ chức Cán bộ	2.725.000	Tốt
81.	TCN2017-06: Nghiên cứu các nhân tố tác động đến ý định du học của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ	Khoa Kinh tế	2.725.000	Tốt
82.	TCN2017-07: Hiệu quả tài chính của mô hình trồng lúa: phân tích vài trường hợp ở Đồng bằng sông Cửu Long	Khoa Kinh tế	2.725.000	Tốt
83.	TCN2017-09: Nuôi cá nâu (Scatophagus argus) trong hệ thống biofloc với tỷ lệ C:N và mật độ nuôi khác nhau	Khoa Thủy sản	2.725.000	Tốt
Đề tài cấp cơ sở do sinh viên thực hiện				
84.	TSV2015-52: Xây dựng quy trình bảo quản lạnh đông purée từ trái thanh trà được trồng ở tỉnh Vĩnh Long và ứng dụng trong chế biến fruit bar	Khoa Nông nghiệp và SHUD	15.000.000	Xuất sắc
85.	TSV2015-73: Nghiên cứu thử nghiệm sản xuất nấm Bào Ngư Xám (Pleurotus sajor-caju) trên lõi bắp	Viện NC&PT CNSH	15.000.000	Khá
86.	TSV2016-01: Nghiên cứu công nghệ chế tạo màng zeolite phủ trên lưới kim loại để phân riêng hệ dầu/nước	Khoa Công Nghệ	13.000.000	Tốt
87.	TSV2016-02: Máy gia công khắc và cắt CNC dùng tia laser công suất nhỏ	Khoa Công Nghệ	10.000.000	Tốt
88.	TSV2016-04: Nghiên cứu, ứng dụng năng lượng mặt trời vào thiết kế và chế tạo máy bơm lốp xe	Khoa Công Nghệ	12.000.000	Khá
89.	TSV2016-05: Thiết kế bộ thí nghiệm từ xa ứng dụng công nghệ IoTs	Khoa Công Nghệ	9.000.000	Tốt
90.	TSV2016-06: Chế tạo nanocomposite dẫn điện từ polyaniline trên nền sợi nanocellulose	Khoa Công Nghệ	12.000.000	Xuất sắc
91.	TSV2016-07: Tôp hợp silica từ tro trấu	Khoa Công Nghệ	10.000.000	Tốt
92.	TSV2016-08: Ứng dụng Fuzzy Analytic Network Process (FANP) và Goal Programming (GP) trong lựa chọn nhà cung ứng xanh	Khoa Công Nghệ	9.000.000	Xuất sắc
93.	TSV2016-09: Nghiên cứu phương pháp tách Lignin từ mìn dừa để tạo hạt xử lý môi trường	Khoa Công Nghệ	10.000.000	Tốt
94.	TSV2016-10: Chế tạo pin nhiên liệu vi sinh vật dùng để phát điện từ cây xanh	Khoa Công Nghệ	10.000.000	Tốt
95.	TSV2016-11: Xây dựng hệ thống quản lý hoạt động của phòng thí nghiệm và thực hành của Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông	Khoa Công Nghệ Thông tin và TT	9.000.000	Tốt
96.	TSV2016-12: Hệ thống hỗ trợ tiếp sức mùa thi	Khoa Công Nghệ Thông tin và TT	9.000.000	Tốt

TT	Mã số, Tên đề tài	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)	Kết quả đánh giá
97.	TSV2016-13: Ứng dụng tìm hiểu quy chế học vụ trên nền tảng Android	Khoa Công Nghệ Thông tin và TT	9.000.000	Tốt
98.	TSV2016-14: Nghiên cứu xây dựng kiosk cung cấp thông tin tiêu thụ năng lượng thấp	Khoa Công Nghệ Thông tin và TT	10.000.000	Tốt
99.	TSV2016-15: Cải tiến thiết bị hỗ trợ người khiếm thị đọc sách bằng phương pháp tự động sửa lỗi chính tả và Text-To-Speech với giọng đọc tự nhiên	Khoa Công Nghệ Thông tin và TT	12.000.000	Xuất sắc
100.	TSV2016-16: Phần mềm trò chơi hỗ trợ học từ vựng tiếng Anh trên thiết bị android	Khoa Công Nghệ Thông tin và TT	10.000.000	Tốt
101.	TSV2016-17: Điều tra, xây dựng bản đồ phân bố và lập trang web cung cấp thông tin của 6 cây thuốc tại Thành phố Cần Thơ có tác dụng điều trị bệnh mất ngủ	Khoa Khoa học Tự nhiên	13.500.000	Tốt
102.	TSV2016-18: Nghiên cứu một số loại cao chiết của các thảo dược ở vùng đồng bằng sông Cửu Long nhằm tăng cường hệ miễn dịch cho cá tra	Khoa Khoa học Tự nhiên	13.000.000	Tốt
103.	TSV2016-19: Phối trộn kem trị mụn từ cao chiết vỏ chuối xiêm (<i>Musa paradisiaca L.</i>) và dầu dừa (<i>Cocos nucifera</i>)	Khoa Khoa học Tự nhiên	13.000.000	Tốt
104.	TSV2016-20: Xây dựng bộ hình ảnh đặc điểm phân loại và phân bố một số loài thực vật tại Khu 2, Trường Đại học Cần thơ	Khoa Khoa học Tự nhiên	13.500.000	Tốt
105.	TSV2016-21: Tối ưu hóa quy trình định lượng eucalyptol trong các chế phẩm trị ho tan đòn có trên thị trường thành phố Cần Thơ bằng sắc ký khí với đầu dò ion hóa ngọn lửa (GC-FID)	Khoa Khoa học Tự nhiên	12.000.000	Xuất sắc
106.	TSV2016-22: Khảo sát khả năng ức chế enzyme Tyrosinase in vitro từ cao chiết ba loại cây: tía tô (<i>Perilla frutescens</i>), ngãi cứu (<i>Artemisia vulgaris</i>) và diếp cá (<i>Houttuynia cordata</i>).	Khoa Khoa học Tự nhiên	13.000.000	Tốt
107.	TSV2016-23: Đánh giá khả năng trả nợ vay của khách hàng bằng các phương pháp phân loại	Khoa Khoa học Tự nhiên	15.000.000	Xuất sắc
108.	TSV2016-24: Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học của một số dẫn xuất Naphthalene – Benzimidazole	Khoa Khoa học Tự nhiên	13.000.000	Xuất sắc
109.	TSV2016-25: Nghiên cứu bào chế kem bôi da làm lành vết thương từ dịch chiết ethanol của rau Diếp cá (<i>Houttuynia cordata</i>)	Khoa Khoa học Tự nhiên	13.000.000	Xuất sắc
110.	TSV2016-26: Nghiên cứu bào chế trà túi lọc an thần từ dây lạc tiên (<i>Passiflora foetida L.</i>), lá sen (<i>Nelumbo nucifera G.</i>) và lá vông (<i>Erythrina orientalis</i>)	Khoa Khoa học Tự nhiên	12.000.000	Tốt
111.	TSV2016-27: Nhận thức của các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch trên địa bàn thành phố Cần Thơ về biến đổi khí hậu	Khoa Khoa học XH&NV	15.000.000	Xuất sắc

TT	Mã số, Tên đề tài	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)	Kết quả đánh giá
112.	TSV2016-28: Tiềm năng và định hướng phát triển loại hình du lịch MICE ở Thành phố Cần Thơ	Khoa Khoa học XH&NV	15.000.000	Khá
113.	TSV2016-29: Nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của du khách tại chợ đêm Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Khoa Khoa học XH&NV	15.000.000	Xuất sắc
114.	TSV2016-30: Thực trạng và giải pháp khai thác các di tích lịch sử - văn hoá trong du lịch ở địa bàn quận Bình Thuỷ, Thành phố Cần Thơ	Khoa Khoa học XH&NV	15.000.000	Xuất sắc
115.	TSV2016-31: Khảo sát thực trạng tồn tại và lưu truyền truyện kể dân gian Khmer trên địa bàn một số huyện thuộc tỉnh Sóc Trăng và An Giang	Khoa Khoa học XH&NV	15.000.000	Khá
116.	TSV2016-32: Nâng cao chất lượng sử dụng thư viện, hỗ trợ đổi mới phương pháp học tập hiệu quả cho học sinh trường Trung học phổ thông Thực hành Sư phạm	Khoa Khoa học XH&NV	15.000.000	Tốt
117.	TSV2016-33: Giải pháp phát triển các sản phẩm lưu niệm từ nghề truyền thống ở huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ đáp ứng nhu cầu khách du lịch	Khoa Kinh Tế	12.000.000	Tốt
118.	TSV2016-34: Phân tích chiến lược đối ứng của doanh nghiệp ở Thành phố Cần Thơ trong điều kiện hội nhập Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương	Khoa Kinh Tế	13.000.000	Tốt
119.	TSV2016-36: Đánh giá khả năng xử lý nước thải thuỷ sản của bể bùn hoạt tính có bổ sung giá thể vật liệu lọc nổi	Khoa Môi trường và TNTN	12.500.000	Tốt
120.	TSV2016-37: Khảo sát quá trình khử nitrite trong hệ thống xử lý nước thải chế biến thủy sản bằng vật liệu tự chế	Khoa Môi trường và TNTN	12.500.000	Tốt
121.	TSV2016-38: Đánh giá công tác quản lý nguồn tài nguyên nước dưới đất tại thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Khoa Môi trường và TNTN	13.000.000	Tốt
122.	TSV2016-39: Xây dựng mô hình thủy canh kết hợp nuôi cá (aquaponics) cho hộ gia đình ở đô thị	Khoa Môi trường và TNTN	12.000.000	Tốt
123.	TSV2016-40: Ứng dụng chỉ số SPI đánh giá hạn khí tượng vùng đồng bằng sông Cửu Long	Khoa Môi trường và TNTN	13.500.000	Khá
124.	TSV2016-42: Ảnh hưởng của Butachlor lên tỷ lệ sống và sinh trưởng của cá mè vinh (<i>Barbodes gonionotus</i>) cỡ giống	Khoa Môi trường và TNTN	12.000.000	Tốt
125.	TSV2016-43: Nghiên cứu xử lý nước thải nhà máy in bằng phương pháp keo tụ điện hóa kết hợp bể sinh học màng	Khoa Môi trường và TNTN	13.500.000	Tốt
126.	TSV2016-44: Đánh giá tích hợp dịch vụ sinh thái trên mô hình canh tác rùng-thủy sản kết hợp vùng ven biển huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	Khoa Môi trường và TNTN	13.000.000	Tốt

TT	Mã số, Tên đề tài	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)	Kết quả đánh giá
127.	TSV2016-45: Ứng dụng viễn thám trong việc xây dựng bản đồ và đánh giá biến động hệ thống sông, rạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008-2015	Khoa Môi trường và TNTN	12.500.000	Tốt
128.	TSV2016-46: Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch ở đảo Nam Du, Tỉnh Kiên Giang	Khoa Môi trường và TNTN	13.500.000	Xuất sắc
129.	TSV2016-47: Đánh giá chất lượng nước và khảo sát thành phần thủy sinh thực vật trong Hồ đa dạng sinh học, Vườn quốc gia Tràm Chim, Đồng Tháp	Khoa Môi trường và TNTN	13.000.000	Tốt
130.	TSV2016-50: Mức độ hiểu ngôn ngữ cử chỉ trong giao tiếp đa văn hóa của sinh viên Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Cần Thơ và người Mỹ ở Việt Nam	Khoa Ngoại Ngữ	12.000.000	Tốt
131.	TSV2016-51: Tầm quan trọng của kỹ năng sống đối với sinh viên ngoại ngữ, thực trạng của sinh viên ngoại ngữ hiện nay đối với việc hình thành và phát triển kỹ năng sống, tầm quan trọng của cán bộ đoàn trong việc hỗ trợ sinh viên ngoại ngữ, Trường ĐHCT hình thành và phát triển kỹ năng sống trong thời đại mới	Khoa Ngoại Ngữ	12.000.000	Tốt
132.	TSV2016-52: Nhận thức của sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh trường Đại học Cần Thơ về các khó khăn ảnh hưởng đến kỹ năng thuyết trình trong lớp học	Khoa Ngoại Ngữ	12.000.000	Xuất sắc
133.	TSV2016-53: Nghiên cứu hiệu quả của Câu lạc bộ Tiếng Anh Đoàn trường Đại học Cần Thơ đối với sự tự tin giao tiếp tiếng Anh của sinh viên tham dự	Khoa Ngoại Ngữ	12.000.000	Tốt
134.	TSV2016-54: Khảo sát các khó khăn gặp phải trong quá trình dịch quảng cáo của sinh viên năm cuối chuyên ngành Phiên - Biên dịch tiếng Anh, Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Cần Thơ	Khoa Ngoại Ngữ	12.000.000	Tốt
135.	TSV2016-55: Tìm hiểu những khó khăn của sinh viên năm nhất chuyên ngành tiếng Anh Trường Đại học Cần Thơ gặp phải khi học Kỹ năng nói tiếng Anh và đề xuất giải pháp	Khoa Ngoại Ngữ	12.000.000	Tốt
136.	TSV2016-56: Thực trạng việc học tự điều chỉnh của sinh viên Khoa Ngoại Ngữ Trường Đại học Cần Thơ, kết luận và giải pháp	Khoa Ngoại Ngữ	12.000.000	Khá
137.	TSV2016-59: Khảo sát tính kháng khuẩn và hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết ethanol từ cây vác (Cayratia trifolia L.Domin)	Khoa Nông nghiệp và SHUD	13.000.000	Khá
138.	TSV2016-60: Hiệu quả của việc sử dụng các hợp chất Calci lên khả năng chống chịu mặn trên cây lúa giai đoạn mạ	Khoa Nông nghiệp và SHUD	15.000.000	Tốt
139.	TSV2016-61: Sự hiện diện của vi khuẩn Clostridium botulinum type C, D, E trên vịt bị liệt mềm cổ và thử nghiệm độc tố botulin trên chuột bạch	Khoa Nông nghiệp và SHUD	15.000.000	Tốt

TT	Mã số, Tên đề tài	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)	Kết quả đánh giá
140.	TSV2016-62: Đánh giá khả năng phòng trị của xạ khuẩn đối với bệnh cháy lá - thối thân do nấm Phytophthora sp. trên cây sen (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn)	Khoa Nông nghiệp và SHUD	15.000.000	Tốt
141.	TSV2016-63: Khảo sát đặc tính đề kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> trên vịt tại Thành phố Cần Thơ	Khoa Nông nghiệp và SHUD	15.000.000	Xuất sắc
142.	TSV2016-66: Phân tích hiệu quả tài chính và tác động của mô hình trồng nǎng đến sinh kế của nông hộ tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	Khoa Phát triển Nông thôn	15.000.000	Tốt
143.	TSV2016-67: Chiết xuất tinh dầu, cao ethanol và thử hoạt tính kháng khuẩn, kháng oxi hóa của cao chiết từ lá Vọng cách (<i>Premna</i> sp.)	Khoa Sư Phạm	13.000.000	Tốt
144.	TSV2016-68: Thiết kế đồ dùng dạy học Địa lí Phổ thông từ rác thải trường học trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Khoa Sư Phạm	12.000.000	Xuất sắc
145.	TSV2016-69: Tổng hợp vật liệu ZIF mới dựa trên hỗn hợp hai linker định hướng ứng dụng bắt giữ khí CO ₂ trong điều kiện âm	Khoa Sư Phạm	13.000.000	Xuất sắc
146.	TSV2016-70: Xây dựng các bài toán thực tế trong dạy học toán lớp 10 theo định hướng PISA	Khoa Sư Phạm	12.000.000	Xuất sắc
147.	TSV2016-71: Nghiên cứu dạy học tích hợp trong dạy học môn toán ở tiểu học	Khoa Sư Phạm	12.000.000	Đạt
148.	TSV2016-72: Phát triển kỹ năng đọc phản biện cho học sinh tiểu học trong dạy đọc	Khoa Sư Phạm	12.000.000	Tốt
149.	TSV2016-73: Ảnh hưởng của âm thanh lên mức độ stress, tăng trưởng, tỷ lệ sống và chất lượng thịt cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Khoa Thủy Sản	12.000.000	Khá
150.	TSV2016-74: Nghiên cứu sử dụng gelatin kết hợp với tannic acid và gallic acid để hạn chế sự oxi hóa lipid và biến đổi chất lượng của cá Tra fillet đông lạnh	Khoa Thủy Sản	12.000.000	Xuất sắc
151.	TSV2016-76: Tinh sạch và khảo sát đặc tính của lectin trích ly từ hạt đậu nành (<i>Glycine max</i>) bằng phương pháp sắc ký ái lực	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	15.000.000	Tốt
152.	TSV2016-77: Khảo sát và chọn lọc điều kiện dinh dưỡng tối ưu cho sự tổng hợp lutein ở vi tảo <i>Scenedesmus</i>	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	15.000.000	Xuất sắc
153.	TSV2016-78: Xây dựng quy trình ly trích flavonoid từ nấm Tràm (<i>Tylopilus felleus</i>) và khảo sát hoạt tính ức chế enzyme α-glucosidase và khả năng kháng khuẩn, kháng nấm của cao nấm Tràm	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	13.000.000	Xuất sắc
154.	TSV2016-79: Khảo sát ảnh hưởng của ánh sáng đèn LED lên sự hình thành quả thể và sinh tổng hợp carotenoid của Nhộng trùng thảo (<i>Cordyceps militaris</i>)	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	15.000.000	Tốt

TT	Mã số, Tên đề tài	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)	Kết quả đánh giá
155.	TSV2016-81: Nghiên cứu thử nghiệm trồng nấm linh chi (<i>Ganoderma lucidum</i>) giống Nhật trên vỏ ca cao	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	15.000.000	Tốt
156.	TSV2016-82: Phân lập vi khuẩn đối kháng nấm <i>Neoscytalidium dimidiatum</i> (Penz.) gây bệnh đốm trắng trên thanh long từ đất vùng rễ cây thanh long	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	15.000.000	Xuất sắc
157.	TSV2016-83: Phân lập và tuyển chọn một số chủng nấm sợi có hoạt tính kháng khuẩn từ lá cây măng cụt (<i>Garcinia mangostana</i>) trồng tại tỉnh Bến Tre	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	13.000.000	Xuất sắc
158.	TSV2016-84: Nghiên cứu sản xuất nước giải khát từ dịch nuôi cây nấm Linh chi (<i>Ganoderma lucidum</i>) bằng phương pháp nuôi cấy chìm	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	15.000.000	Tốt
159.	TSV2016-85: Sử dụng vi khuẩn lactic có khả năng sinh bacteriocin thay thế thuốc kháng sinh trong chăn nuôi gà công nghiệp	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	15.000.000	Xuất sắc
160.	TSV2016-86: Thủ nghiệm nuôi trồng nấm mèo (<i>Auricularia auricula</i>) trên cơ chất mùn cưa cao su và lõi bắp ở Đồng bằng sông Cửu Long	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	15.000.000	Tốt
161.	TSV2016-87: Nghiên cứu khả năng ứng dụng Trùn Quế (<i>Perionyx excavatus</i>) để xử lý bùn thải từ Nhà máy chế biến thủy sản thuộc Khu công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng	Viện NC&PT Công nghệ Sinh học	13.500.000	Tốt
Tổng 161 đề tài			2.750.925.000	

Phụ lục 4

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2016

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán 2015	Số liệu báo cáo quyết toán 2016	(%) Tăng/giảm
A	TỔNG NGUỒN THU	611,769,473,003	650,526,822,954	6.3
I	KP năm trước chuyển sang	64,779,502,100	81,726,306,885	26.2
	+ KP NSNN	12,651,362,140	16,450,993,184	30.0
	+ KP sự nghiệp đẻ lại	52,128,139,960	65,275,313,701	25.2
II	Thu sự nghiệp đẻ lại trong năm	401,304,545,903	406,956,384,069	1.4
1	Thu phí, lệ phí	345,731,147,971	363,013,198,767	5.0
	+ Học phí chính quy	246,156,720,571	268,391,869,867	9.0
	+ Học phí hệ VLVH	68,673,371,500	71,450,244,000	4.0
	+ Học phí hệ đào tạo từ xa	24,054,474,900	19,890,031,900	-17.3
	+ Học phí trung học phổ thông	190,850,000	208,200,000	9.1
	+ Lệ phí thi tuyển sinh	6,655,731,000	3,072,853,000	-53.8
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	6,338,692,400	6,559,148,317	3.5
3	Thu viện trợ	32,308,413,529	28,197,477,484	-12.7
4	Thu KTX, sự nghiệp khác	16,926,292,003	9,186,559,501	-45.7
III	NSNN cấp trong năm	145,685,425,000	161,844,132,000	11.1
	+ Chi thường xuyên	117,974,000,000	119,945,000,000	1.7
	+ Chi không thường xuyên	10,728,425,000	16,557,132,000	54.3
	+ Chi chương trình mục tiêu	16,983,000,000	25,342,000,000	49.2
	+ Chi xây dựng cơ bản	0	0	
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	530,043,166,118	527,253,924,564	-0.5
1	Chi thanh toán cho cá nhân (lương, tiền công, phụ cấp)	134,072,407,939	136,274,463,444	1.6
2	Chi thu nhập tăng thêm	36,907,477,295	39,157,772,716	6.1
3	Chi học bổng sinh viên	14,657,984,377	18,901,434,820	28.9
4	Chi tiền giảng vượt giờ	79,747,685,121	81,214,704,320	1.8
5	Chi tiền điện	7,838,720,835	7,051,788,258	-10.0
6	Chi tiền nước	4,947,061,823	4,147,123,058	-16.2
7	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	4,731,703,816	4,954,039,811	4.7
8	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	6,260,184,842	7,589,076,004	21.2
9	Chi hoá chất, vật tư thực tập	8,693,489,154	8,514,294,971	-2.1
10	Chi đầu tư vào TSCĐ	8,128,691,467	4,414,392,643	-45.7
11	Chi trích lập các quỹ tại đơn vị	116,163,740,722	108,644,464,137	-6.5
12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (VPP, công tác phí, hội nghị, đoàn ra, đoàn vào, NCKH....)	107,894,018,727	106,390,370,382	-1.4
13	Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
C	CHÊNH LỆCH CHUYỂN SANG NĂM SAU	81,726,306,885	123,272,898,390	50.8
	- Kinh phí NSNN	16,450,993,184	20,496,221,085	24.6
	- Kinh phí sự nghiệp (1)	65,275,313,701	102,776,677,305	57.5

(1) Bao gồm vốn đối ứng ODA năm 2016 chuyển sang 2017

Phụ lục 5

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2017

ĐVT : Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kinh phí năm 2016 mang sang	Dự toán ước thực hiện của Trường 2017	Tổng số dự toán thu chi ước thực hiện 2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	DỰ TOÁN THU NHẬN KINH PHÍ	258,216	646,071	918,077
I	Dự toán thu - kinh phí tự chủ	102,016	560,289	662,305
1	Thu sự nghiệp	81,698	477,472	559,170
1.1	Thu phí, lệ phí	62,085	431,472	493,557
1	<i>Đã trích vào quỹ lương theo quy định, chuyển sang 2017</i>	62,085	52,863	114,948
2	<i>Học phí chính quy trong năm</i>		280,000	280,000
3	<i>Học phí hè vừa làm vừa học</i>		70,000	70,000
4	<i>Học phí hè đào tạo từ xa</i>		25,000	25,000
5	<i>Học phí trung học phổ thông</i>		220	220
6	<i>Lệ phí tuyển sinh</i>		3,389	3,389
1.2	Thu khác	19,613	46,000	65,613
1	<i>Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ</i>		7,000	7,000
2	<i>Thu viện trợ</i>	17,393	28,000	45,393
3	<i>Thu phí ký túc xá và sự nghiệp khác</i>	2,220	11,000	13,220
2	Thu nhận kinh phí từ NSNN	20,318	82,817	103,135
2.1	<i>NSNN đào tạo đại học</i>	20,318	75,417	95,735
2.2	<i>NSNN đào tạo sau đại học</i>		6,000	6,000
2.3	<i>NSNN cấp hỗ trợ trường THPT chuyên</i>		1,400	1,400
II	Dự toán thu - kinh phí không tự chủ từ NSNN	21,257	85,782	120,829
1	<i>Kinh phí thực hiện đề án 911</i>	415	2,665	3,080
2	<i>Kinh phí sự nghiệp KHCN</i>	2,737	7,456	10,193
3	<i>Kinh phí đào tạo lại và bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho CB, CNV</i>		225	225
4	<i>Kinh phí thực hiện đề án ngoại ngữ</i>	13,375	0	13,375
5	<i>Dự án nâng cấp Trường ĐHCT (ODA)</i>	18,520	75,436	93,956
III	Kinh phí các quỹ có được đầu năm ngân sách 2017	134,943		134,943
1	<i>Quỹ Phúc lợi</i>	4,283		4,283
2	<i>Quỹ khen thưởng</i>	2,340		2,340
3	<i>Quỹ dự phòng ổn định thu nhập</i>	1,486		1,486
4	<i>Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp</i>	126,834		126,834
B	DỰ TOÁN CHI		798,425	798,425
I	Dự toán chi kinh phí thường xuyên tự chủ quyết toán 2017		519,899	519,899
1	<i>Chi thanh toán cho cá nhân (lương, tiền công, phụ cấp, bảo hiểm)</i>		141,000	141,000
2	<i>Chi thu nhập tăng thêm</i>		40,332	40,332
3	<i>Chi học bổng sinh viên</i>		19,467	19,467
4	<i>Chi tiền giảng vượt giờ, mời giảng</i>		84,000	84,000
5	<i>Chi tiền điện</i>		7,200	7,200
6	<i>Chi tiền nước</i>		4,200	4,200

7	<i>Thông tin, tuyên truyền, liên lạc</i>		5,000	5,000
8	<i>Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn</i>		7,600	7,600
9	<i>Chi hóa chất, vật tư thực tập</i>		8,600	8,600
10	<i>Chi đầu tư vào TSCĐ</i>		4,500	4,500
11	<i>Chi trích lập các quỹ tại đơn vị</i>		90,000	90,000
12	<i>Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác (VPP, công tác phí, hội nghị, đoàn ra, đoàn vào, NC)</i>		108,000	108,000
II	Chuyển kinh phí thường xuyên tự chủ qua năm 2018 tiếp tục sử dụng		69,588	69,588
III	Dự toán chi kinh phí không tự chủ	0	120,829	120,829
1	<i>Kinh phí thực hiện đề án 911</i>		3,080	3,080
2	<i>Kinh phí sự nghiệp KHCN</i>		10,193	10,193
3	<i>Kinh phí đào tạo lại và bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho CB, CNV</i>		225	225
4	<i>Kinh phí thực hiện đề án ngoại ngữ</i>		13,375	13,375
5	<i>Dự án nâng cấp Trường ĐHCT (ODA)</i>		93,956	93,956
IV	Dự toán chi từ các Quỹ trong năm 2017		88,109	88,109
1	<i>Quỹ Phúc lợi</i>		4,283	4,283
2	<i>Quỹ khen thưởng</i>		2,340	2,340
3	<i>Quỹ dự phòng ổn định thu nhập</i>		1,486	1,486
4	<i>Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp</i>		80,000	80,000